Đoàn Thịnh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LỊCH SỬ 7

TRƯƠNG HỮU QUỲNH - PHAN ĐẠI DOÃN

thuongmaitruongxua.vn

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯƠNG HỮU QUÝNH - PHAN ĐẠI DOÃN

LỊCH SỬ 7

(In lần thứ 8)

truongxua.vn

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - 1995

Biên soạn :

TRƯƠNG HỮU QUỲNH

PHAN ĐẠI DOÃN

Biên tập lần đầu :

NGUYỄN KIÊN

Biên tập tái bản :

NGUYỄN HỒNG LIÊN

Trình bày bìa :

PHẠM NGỌC TỚI

Biên tập kĩ thuật :

BÙI CHÍ HIẾU

Sửa bản in :

thuongmaitr

Lịch sử 7/Trương Hữu Quỳnh, Phan Đại Doãn.- In lần thứ 8. - H. : Giáo dục. 1995. - 96tr. : 20,5 cm.

Mã số : 2H706T5 9(075)

LỊCH SỬ VIỆT NAM
TỪ THẾ KỈ X ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XV

Chương I

CÔNG CUỘC CỦNG CỐ NỀN ĐỘC LẬP VÀ BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

(THẾ KỈ X)

Bài 1

XÃ HỘI VIỆT NAM Ở BUỔI ĐẦU ĐỘC LẬP

uongxua.vn

1. Ngô Quyền dựng nền độc lập

Chiến thắng Bạch Đằng cuối năm 938 đã đè bẹp ý chí xâm lược của quân Nam Hán. Nền tự chủ của đất nước được giữ vững. Người chỉ huy cuộc kháng chiến là Ngô Quyền, lên ngôi vua, chọn Cổ Loa làm đất đóng đô. Ông bỏ bộ máy cai trị cũ của họ Khúc, xây dựng một triều đình mới ở Trung ương. Triều đình do vua đứng đầu, bên dưới là các chức quan lại văn, võ. Tuy nhiên, tổ chức chính quyền trung ương thời Ngô còn sơ sài. Vua là người quyết định trực tiếp mọi việc chính trị, ngoại giao, quân sự.

Ở địa phương, Ngô Quyền cử các tướng có công coi giữ các châu quan trọng. Đinh Công Trứ làm thứ sử châu Hoan (Nghệ Tĩnh). Kiều Công Hãn làm thứ sử châu Phong (vùng Bạch Hạc, Vĩnh Phú) v.v...

Đất nước yên ổn.

? – Nêu những biểu hiện về ý thức độc lập, tự chủ của Ngô Quyền.

2. Tình hình đất nước cuối thời Ngô

Ngô Quyền làm vua được 6 năm thì mất. Hai con là Ngô Xương Ngập và Ngô Xương Văn còn ít tuổi. Người em vợ của ông là Dương Tam Kha cướp ngôi vua, tự xưng là Bình Vương. Các phe phái tranh chấp lẫn nhau. Tình hình trong triều mất thế ổn định. Các hào trưởng địa phương và một số thứ sử nhân đó không thần phục chính quyền trung ương nữa.

Sau khi lật đổ được Dương Tam Kha, hai anh em Xương Ngập và Xương Văn thay nhau trông coi việc nước. Nhưng uy tín của nhà Ngô đã giảm sút. Vua nhiều lần đem quân đánh dẹp các nơi, song không có kết quả. Đất nước ngày càng thêm hỗn loạn.

Năm 965, Ngô Xương Văn chết. Các hào trưởng địa phương mộ thêm quân, mở rộng đất, xây thành, đắp lũy. Bấy giờ có 12 sứ quân mạnh nhất nên sử cũ gọi là "Loạn 12 sứ quân".

1. Ngô Nhật Khánh chiếm giữ Đường Lâm (Ba Vì – Hà Tây)
2. Kiều Công Hãn chiếm giữ châu Phong (Bạch Hạc – Vĩnh Phú)
3. Kiều Thuận giữ đất Hồi Hồ (Cẩm Khê – Vĩnh Phú)
4. Nguyễn Khoan chiếm vùng Tam Đái (Yên Lạc – Vĩnh Phú)
5. Nguyễn Thủ Tiệp giữ đất Tiên Du (Tiên Sơn – Hà Bắc).
6. Nguyễn Siêu chiếm miền Tây Phù Liệt (Thanh Trì – Hà Nội)
7. Lý Khuê chiếm giữ đất Siêu Loại (Thuận Thành – Hà Bắc)
8. Lữ Đường chiếm vùng Tế Giang (Văn Giang – Hải Hưng)
9. Phạm Bạch Hổ chiếm giữ châu Đằng (Kim Động – Hải Hưng)
10. Đỗ Cảnh Thạc giữ Đỗ Động (Thanh Oai – Hà Tây)
11. Trần Lãm chiếm vùng Bố Hải khẩu (Vũ Tiên – Thái Bình)
12. Ngô Xương Xí chiếm giữ Bình Kiều (Triệu Sơn – Thanh Hóa)

? – Việc 12 sứ quân chia cắt đất nước, theo em sẽ ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống của nhân dân và việc bảo vệ đất nước ?

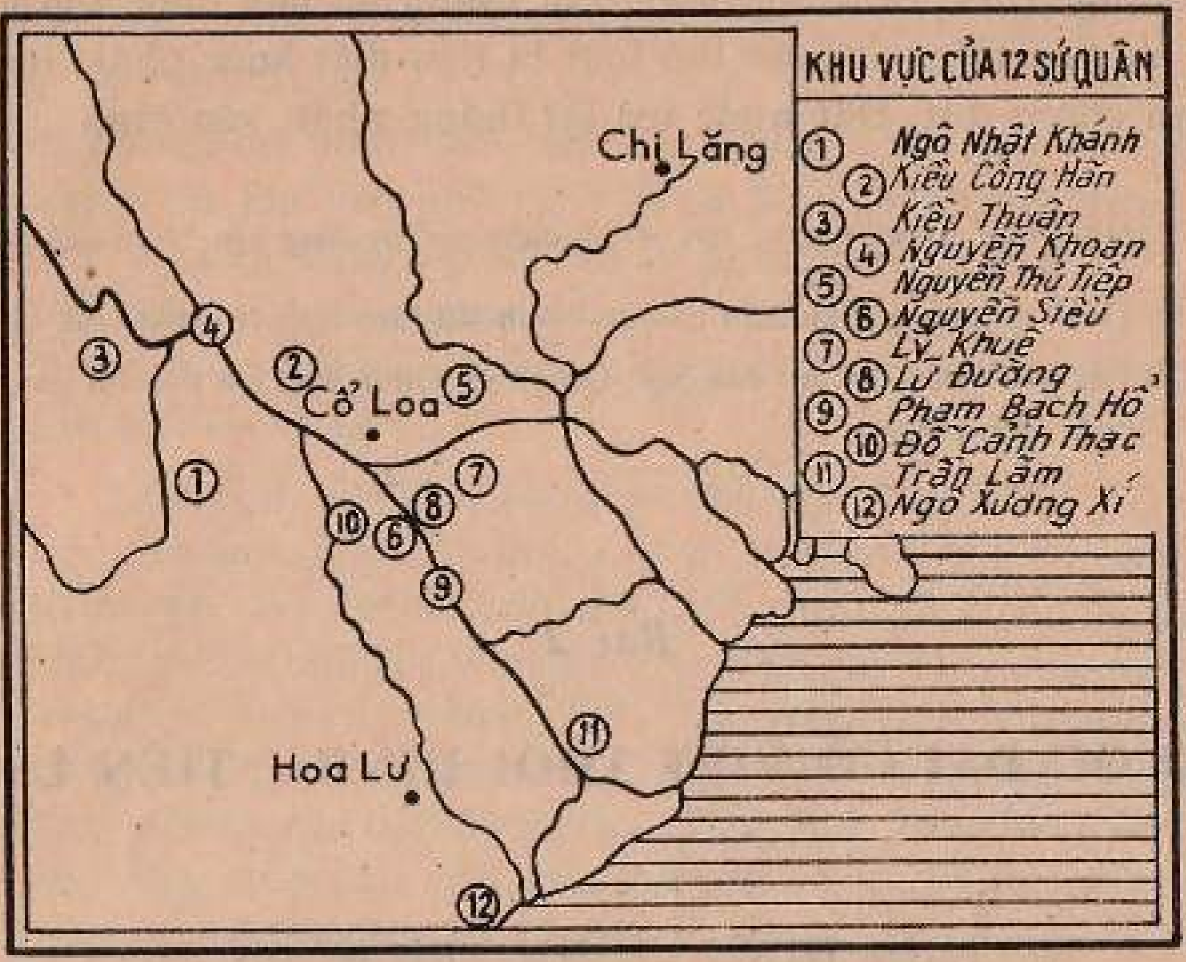

Hình 1 – Bản đồ 12 sứ quân

uongxua.vn

3. Đinh Bộ Lĩnh thống nhất đất nước

Loạn 12 sứ quân đã ảnh hưởng xấu đến sản xuất và làm cho đời sống của nhân dân trở nên hết sức khó khăn. Giữa lúc đó thì ở Trung Quốc, nhà Tống thành lập, đe dọa đánh chiếm nước ta.

Từ đất Hoa Lư (Gia Viễn – Ninh Bình) một thế lực quân sự hùng mạnh mới, do Đinh Bộ Lĩnh chỉ huy đã nổi dậy :

Đinh Bộ Lĩnh là con của Đinh Công Trứ. Khi cha mất, ông về sống với mẹ ở quê nhà. Hàng ngày, đi chăn trâu, ông cùng lũ trẻ tổ chức thành quân ngũ, lấy bông lau làm cờ, bày thế trận chơi trò đánh nhau. Lớn lên, Đinh Bộ Lĩnh trở thành một người chỉ huy quân sự có tài. Nhân tình hình loạn lạc, ông đem quân đánh chiếm các vùng xung quanh, xây dựng Hoa Lư thành một căn cứ vững mạnh. Khi nhà Ngô đổ, Đinh Bộ Lĩnh đem quân đi đánh các sứ quân.

Để tăng thêm thế lực, Đinh Bộ Lĩnh liên kết với sứ quân Trần Lãm, rồi tiến ra đánh các sứ quân khác. Bất bình với cảnh chiến tranh, loạn lạc, nhân dân nhiều nơi đã nổi dậy hưởng ứng và giúp

sức cho ông. Đinh Bộ Lĩnh đánh đâu thắng đó nên được tôn là Vạn Thắng Vương. Các sứ quân lần lượt bị tiêu diệt hoặc phải xin hàng. Nội loạn chấm dứt. Đất nước trở lại thống nhất, yên bình.

?

1. Nhìn bản đồ em hãy kể tên và địa điểm chiếm đóng của 12 sứ quân.
2. Dựa vào những điều kiện nào mà Đinh Bộ Lĩnh dẹp yên được các sứ quân ?
3. Em hãy nêu công lao của Ngô Quyền và Đinh Bộ Lĩnh đối với đất nước ta buổi đầu độc lập.

Bài 2

NƯỚC ĐẠI CỒ VIỆT THỜI ĐINH - TIỀN LÊ

I – TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, QUÂN SỰ

1. Những biến chuyển về chính trị

Sau khi dẹp xong loạn 12 sứ quân, năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng) đặt tên nước là Đại Cồ Việt (nước Việt lớn) và chọn Hoa Lư làm đất đóng đô.

Hoa Lư là một vùng đất hẹp, xung quanh có nhiều đồi núi. Nhà Đinh đã cho xây tường thành nối các đồi thành hai khu vực : Thành Nội và Thành Ngoại. Trong thành có cung điện của vua và nhiều nhà ở của quan lại, binh sĩ, có chùa Nhất Trụ, chùa Báo Thiên. Bên ngoài là nơi nhân dân sinh sống.

Đinh Bộ Lĩnh đặt niên hiệu(1) là Thái Bình. Ông cho đúc tiền riêng để tiêu dùng trong nước, phong vương cho các con. Các tướng gần gũi như Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Phạm Hạp, Lê Hoàn đều được cử nắm các chức vụ chủ chốt trong triều. Đinh Bộ Lĩnh sai đặt vạc dầu lớn ở sân triều, nuôi hổ dữ trong chuồng và hạ lệnh rằng kẻ nào phạm tội nặng sẽ bị ném vào vạc dầu sôi hay vứt vào chuồng hổ.

(1) Niên hiệu : hiệu của vua đánh dấu thời gian thống trị

thuongmaitr

Nhà Đinh nhiều lần sai sứ sang Trung Quốc, đặt quan hệ bình thường với nhà Tống.

Cuối năm 979, nhân một bữa tiệc trong cung, một viên quan nhỏ trong triều đã lẻn vào giết chết Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn(1). Được tin đó, nhà Tống vội vã chuẩn bị đem quân xâm lược nước ta. Tình thế hết sức nguy ngập. Các quan lại đồng lòng cử Lê Hoàn lên ngôi hoàng đế để chỉ đạo cuộc kháng chiến. Nhà Lê thành lập (sử cũ gọi là nhà Tiền Lê).

Lê Hoàn là người châu Ái (Thanh Hóa), thuở nhỏ sớm mồ côi cha mẹ, phải đi làm con nuôi cho một viên quan họ Lê. Lớn lên, ông theo Đinh Bộ Lĩnh đánh dẹp các sứ quân, lập được nhiều công lớn. Nhà Đinh thành lập, ông được phong chức chỉ huy quân Điện Tiền. Khi Đinh Tiên Hoàng chết, triều đình cử ông làm phụ chính, giúp vua nhỏ trông coi việc nước. Trước tình thế bức bách, bà Thái Hậu họ Dương đã dựa vào sự đồng tình của một số quan lại, khoác áo ngự bào cho ông, đưa ông lên ngôi.

Lê Hoàn (Lê Đại Hành) đổi niên hiệu là Thiên Phúc, chấn chỉnh lại chính quyền và quân đội. Cũng như thời Đinh, vua trực tiếp nắm mọi quyền hành chính trị, quân sự, luật pháp, tôn giáo. Giúp vua bàn việc nước có thái sư (quan đầu triều) và đại sư (một vị sư có danh tiếng). Dưới là bộ máy quan lại, chia thành ba ban : văn giữ việc dân, võ nắm việc quân, tăng coi việc nhà chùa và tôn giáo.

Cả nước được chia làm 10 lộ. Dưới lộ có phủ và châu. Song các quan lại địa phương chưa được sắp đặt đầy đủ. Các con vua trấn giữ các vùng hiểm yếu.

Quân đội thời Đinh – Tiền Lê gồm hai bộ phận : quân Điện Tiền là lực lượng chủ chốt, chuyên bảo vệ nhà vua và kinh thành. Quân địa phương, tuyển chọn từ thanh niên khỏe mạnh trong cả nước. Họ được chia thành phiên, thay nhau đi luyện tập và ở nhà làm ruộng. Các hoàng tử trông coi địa phương nào quản luôn số quân ở đó.

Nhà Tiền Lê tiếp tục duy trì các quan hệ ngoại giao mà nhà Đinh đã đạt được.

? – Em hãy nhắc lại cách tổ chức chính quyền thời Đinh – Tiền Lê.

(1) Sử chép rằng : viên quan nhỏ trong triều là Đỗ Thích đêm nằm mơ thấy có ngôi sao *rơi* vào mồm, cho là điềm mình sắp được làm vua, nên tìm cách giết vua Đinh.

2. Chống xâm lược Tống

Năm 981, quân Tống do Hầu Nhân Bảo chỉ huy chia làm hai đạo tiến vào nước ta. Quân bộ đánh vào Lạng Sơn. Quân thủy tiến vào sông Bạch Đằng.

Lê Hoàn gấp rút chuẩn bị cuộc kháng chiến. Một mặt, ông sai đóng cọc ở sông Bạch Đằng và cử một đạo quân chặn giặc ở đây. Mặt khác, ông tự mình chỉ huy quân chủ lực kéo lên biên giới chặn đường bộ của địch.

Cuộc chiến đấu nổ ra trước tiên ở vùng cửa sông Bạch Đằng, đoàn thuyền lớn của giặc bị quân ta chặn đánh quyết liệt phải tháo chạy. Tướng Hầu Nhân Bảo đóng ở biên giới chờ mãi không thấy tin của quân thủy đành phải thúc quân tiến xuống. Theo kế hoạch, ta bất ngờ đổ ra đánh. Xác giặc ngổn ngang. Hầu Nhân Bảo tử trận. Một số tên tướng khác bị bắt sống.

Những tên giặc còn lại hốt hoảng tháo chạy về nước. Cuộc xâm lược của nhà Tống hoàn toàn thất bại. Chiến thắng rực rỡ của Lê Hoàn đã bảo vệ vững chắc nền độc lập của đất nước đang lâm vào

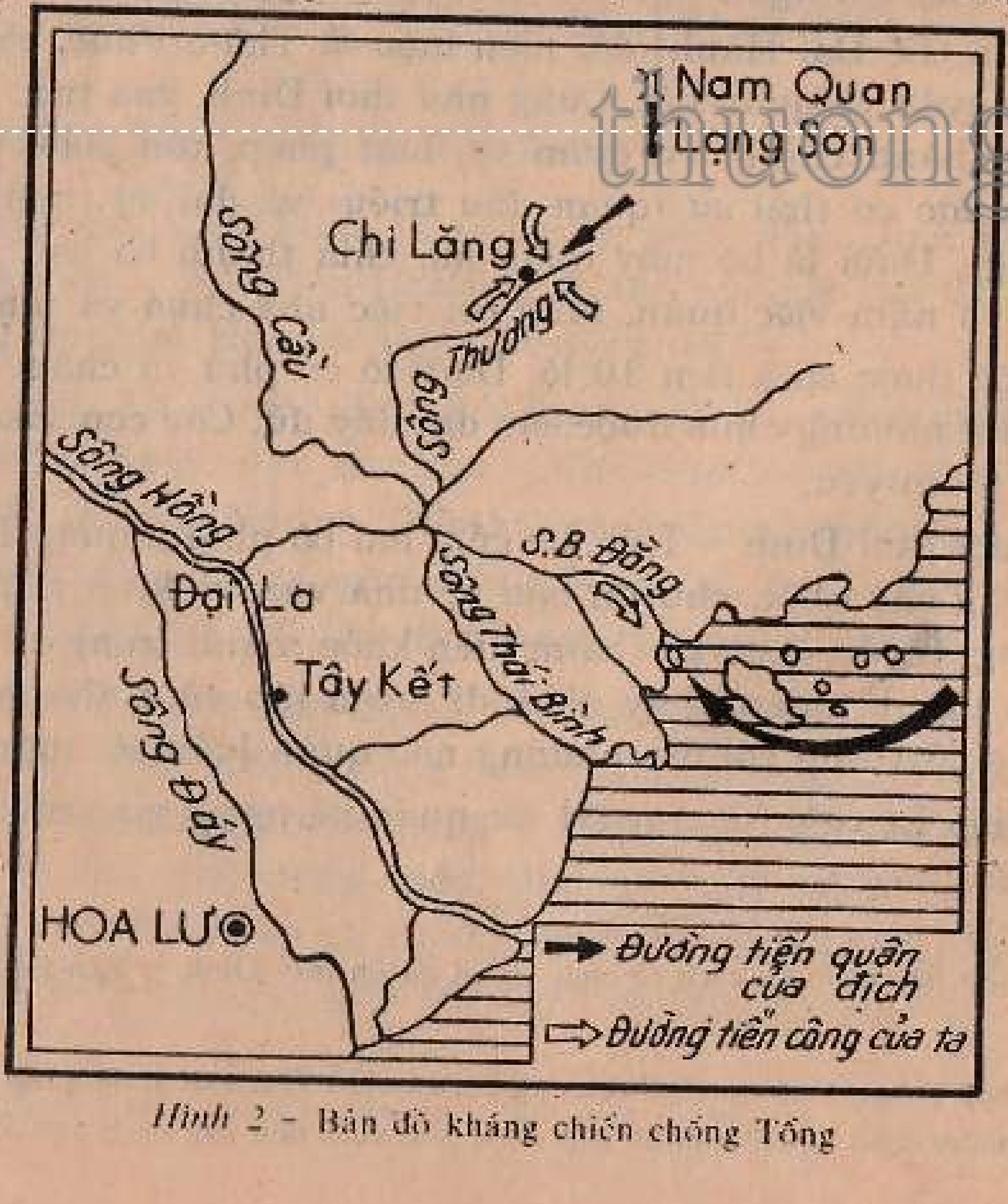

Hình 2 – Bản đồ kháng chiến chống Tống

(LSVN/146)

tình thế khó khăn và làm cho nhà Tống, từ đó về sau, rất kính nể nước ta. Chiến tranh chấm dứt, Lê Hoàn vẫn sai sứ sang Trung Quốc trao trả tù binh và đặt lại quan hệ bình thường.

?

1. Em hãy trình bày lại diễn biến của cuộc kháng chiến theo bản đồ.
2. Về mặt chính trị, quân sự, nhà Đinh và nhà Tiền Lê đã làm được những việc gì quan trọng ?

II – TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI

3. Bước đầu xây dựng nền kinh tế tự chủ

Dưới thời Đinh – Tiền Lê, làng xã là cái nền của xã hội. Phần lớn ruộng đất trong nước là ruộng đất công làng xã. Nông dân được làng xã chia ruộng để cày cấy, nộp thuế và đi lính cho nhà vua. Khi cần, họ phải đi đào đường, xây thành, dựng lũy. Việc khai khẩn đất hoang được mở rộng.

Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào kinh nghiệm lâu đời của nhân dân. Vào mùa xuân hàng năm, nhà vua tổ chức lễ cày ruộng và tự mình cày mấy đường để khuyến khích nhân dân sản xuất. Thời Tiền Lê, kênh ngòi được đào vét ở nhiều nơi, vừa tiện việc đi lại, vừa tiện việc dẫn nước vào ruộng. Sử chép, năm 987, cả nước được mùa to. Nghề trồng dâu, nuôi tằm cũng được khuyến khích.

Ở kinh đô Hoa Lư, nhà Đinh – Tiền Lê lập một số xưởng thủ công Nhà nước. Các xưởng này tập trung thợ khéo trong nước, chuyên rèn đúc vũ khí, đóng thuyền, đúc tiền, may quần áo, mũ, giày cho vua quan và binh sĩ. Trong nhân dân, các nghề thủ công cổ truyền như đúc đồng, rèn sắt, làm giấy, dệt vải, lụa, làm đồ gốm, nghề mộc, xây dựng nhà cửa phát triển hơn trước. Nhà Đinh có lúc cho xây dựng hàng trăm ngôi chùa. Lê Hoàn cho dựng nhiều cung điện ở kinh đô : điện coi chầu ở núi Đại Vân (có cột dát vàng, bạc), xung quanh là các điện Phong Lưu, Tử Hoa, Bồng Lai, Cực Lạc, Trường Xuân, Long Lộc...

Đất nước hòa bình, thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng trao đổi, mua bán. Năm 976, thuyền buôn các nước ngoài vào nước ta, dâng nhiều sản vật quý lạ cho vua Đinh, xin được tiếp tục trao đổi. Nhà Tiền Lê sai đào thêm sông, đắp thêm đường, thống nhất việc dùng tiền tệ, càng làm cho lưu thông, buôn bán thêm thuận lợi. Sau chiến tranh, nhân dân miền biên giới Việt – Trung lại đi, về trao đổi hàng hóa với nhau.

? – Tình hình nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp phát triển như thế nào ? Vì sao lại phát triển ?

4. Đời sống xã hội và văn hóa

Đất nước độc lập. Các làng dễ dàng liên lạc với nhau và theo kì hạn báo cáo số đinh nam[1] cho nhà vua.

Vua và các quan lại, bao gồm cả văn võ và một số nhà sư tạo thành giai cấp thống trị. Bên dưới là nhân dân bị trị gồm nông dân, thợ thủ công, những người làm nghề buôn bán và một số ít địa chủ. Dưới cùng là tầng lớp nô tì, gánh vác mọi công việc nặng nhọc ở các nhà quan. Số lượng nô tì không nhiều. Hầu hết nông dân là những người dân tự do, cày ruộng công làng xã. Quyền lợi của họ gắn bó với làng, với nước. Cuộc sống của cư dân từ trên xuống dưới, còn đơn giản, bình dị.

Giáo dục chưa phát triển. Đạo Phật có điều kiện truyền bá rộng hơn trước. Phần lớn người có học (chữ Hán) là các sư. Họ được nhân dân và Nhà nước quý trọng. Vua Đinh và vua Lê đã dùng các vị sư giỏi làm cố vấn và giúp mình đón tiếp các sứ thần nhà Tống.

Sử chép : Hai nhà sư được trọng dụng hồi đó là đại sư Ngô Chân Lưu và sư Đỗ Thuận. Năm 987, nhà Tống sai Lý Giác sang sứ nước ta. Vua Lê sai Đỗ Thuận giả làm người chèo thuyền đưa sứ sang sông. Bỗng thấy hai con ngỗng bơi trên mặt nước, Lý Giác bèn ngâm :

Ngỗng kia, ngỗng một đôi
Ngửa mặt nhìn chân trời ![2]

Sư Thuận đang cầm chèo, liền đọc nối theo.

Lông trắng phô nước biếc
Chèo hồng rẽ sóng bơi[3]

Lý Giác lấy làm ngạc nhiên về tài ứng đối của người chèo thuyền. Từ đó y càng tỏ ra kính nể vua Lê và triều đình ta.

---

(1) Con trai đến tuổi 18.

(2) Nguyên văn bằng chữ Hán.

(3) Nguyên văn bằng chữ Hán.

Chèo hồng : ý chỉ đôi chân ngỗng.

Ở nhiều làng, nhân dân đóng góp công sức xây dựng chùa riêng làm nơi thờ Phật và làm chỗ hội họp, tế lễ vui chơi. Một số nhà sư mở lớp dạy học ngay ở chùa.

Vào những ngày vui, vua cũng thích đi chân đất, cầm chiếc xiên, lội ao đâm cá. Hội đua thuyền được tổ chức ở kinh thành trong những ngày tết, ngày lễ sinh nhật của vua. Vùng nào cũng có lò vật. Trai gái đều chuộng võ. Ca hát, nhảy múa phát triển. Trong quân đội, nhà vua đặt chức Ưu bà dạy múa, dạy hát cho binh sĩ. Nghệ thuật sân khấu (chèo) từng bước hình thành.

?

1. Tại sao hồi ấy, nhân dân ta lại quý trọng các nhà sư ?
2. Nhà Đinh – Tiền Lê đã làm gì để phát triển nền kinh tế nước ta ?
3. Nêu những sự kiện chứng tỏ làng xã bấy giờ là nơi sinh hoạt chủ yếu của nhân dân ta.

uongxua.vn

Hình 3 – Lăng vua Đinh và vua Lê

Chương II

NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI LÝ

(THẾ KỈ XI – XII)

Bài 3

NHÀ LÝ CỦNG CỐ NỀN THỐNG NHẤT QUỐC GIA

1. Xây dựng chính quyền

Mùa đông năm 1009, vua cuối cùng của nhà Tiền Lê là Lê Long Đĩnh (Lê ngọa triều) chết. Các quan lại trong triều tôn tướng Lý Công Uẩn lên làm vua. Nhà Lý thành lập.

Lý Công Uẩn là người châu Cổ Pháp (Tiên Sơn – Hà Bắc) thuở nhỏ đi học ở chùa. Lớn lên, làm quan cho nhà Tiền Lê, thăng dần đến chức chỉ huy quân Điện Tiền.

Năm 1010, Lý Công Uẩn quyết định dời đô về Đại La (nay là Hà Nội) và đổi tên là Thăng Long (có nghĩa là rồng bay lên).

Tục truyền rằng khi thuyền của nhà vua vừa đến Đại La thì thấy có hình con rồng vàng bay lên, nên đổi tên là Thăng Long. Lời chiếu dời đô của Lý Công Uẩn có đoạn viết : "Đây là nơi nằm giữa khu vực trời đất", "có thế rồng cuộn, hổ ngồi" "đất rộng mà bằng phẳng, tiện hình thế núi sông sau trước", "Thực là chỗ hội họp của bốn phương, nơi thượng đô của kinh sư muôn đời".

Cung điện, thành lũy, chùa tháp được xây dựng. Ngoài thành là vùng đất của dân ở và của các phường sản xuất thủ công. Nhà Lý cũng cho xây dựng đền thờ Hai Bà Trưng, Phùng Hưng v.v... Miếu thần Đồng Cổ (trống đồng) được đặt làm nơi hội thề hàng năm cho các quan.

thuongmaitr

Năm 1054, nhà Lý đổi tên nước là Đại Việt.

Cả nước chia thành 24 lộ, phủ. Dưới lộ, phủ có huyện và hương. Bộ máy quan lại ở địa phương vẫn chưa được quy định chặt chẽ. Các hương, xã tự bầu lấy người quản lí và liên hệ với Nhà nước trung ương. Công việc ở lộ, phủ được giao cho các con cháu nhà vua hay các đại thần cai quản.

Nhà Lý tổ chức lại chính quyền quân chủ. Đứng đầu Nhà nước là vua. Ban đầu, theo lệ cũ, vua trực tiếp nắm giữ mọi quyền hành : sắp xếp và cắt đặt các quan lại, ban hành các đạo luật, xét xử các vụ kiện lớn, chỉ huy quân đội, tiếp các sứ thần ngoại quốc... Về sau, vua giao bớt việc cho các đại thần, chỉ giữ quyền quyết định chung. Vua ở ngôi theo chế độ cha truyền con nối. Khi một hoàng tử được chọn nối ngôi, vua Lý bắt người đó phải ra ngoài thành ở để "tìm hiểu cuộc sống của nhân dân". Ở hai bên thềm cung điện, vua Lý sai treo chuông lớn, cho phép "dân ai có gì oan ức thì đánh chuông xin vua xét xử".

Giúp vua bàn việc nước có các đại thần (quan lại cao cấp). Bên dưới là các quan văn võ. Những người có công to được phong tước công, tước hầu. Nhà Lý chỉ cử những người cùng họ thân cận, giữ các chức vụ quan trọng, đồng thời đặt lệ "ai là con cháu quan lại mới được làm quan". Bộ phận tăng quan vẫn còn, song quyền hạn ngày càng thu hẹp.

tuongxua.vn

(LSVN/152)

? – Nhà nước trung ương đời Lý được tổ chức như thế nào ?

2. Đặt luật pháp, xây dựng quân đội

Năm 1042, nhà Lý ban hành bộ Hình thư. Đó là bộ luật đầu tiên của nước ta, nhưng hiện nay không còn nữa.

Theo sử ghi, luật pháp thời Lý quy định chặt chẽ việc bảo vệ nhà vua và cung điện, xem trọng việc bảo vệ của công và tài sản của nhân dân, nghiêm cấm việc mổ trộm trâu bò, bảo vệ sản xuất nông nghiệp. Những người phạm tội bị xử phạt rất nghiêm khắc.

Quân đội thời Lý gồm hai bộ phận : cấm quân và quân địa phương. Cấm quân bảo vệ nhà vua và kinh thành, được chọn lọc từ thanh niên khỏe mạnh ở các nơi. Quân địa phương gồm thanh niên trai tráng ở các làng xã đến tuổi thành đinh (18 tuổi) được tuyển vào lộ

Hình 4 – Bản đồ Đại Việt thời Lý – Trần

thuongmaitr

"ngụ binh ư nông"

binh hay phủ binh. Họ có nhiệm vụ canh phòng ở địa phương và tham gia các cuộc chiến tranh giữ nước. Hàng năm, quân địa phương được chia thành phiên thay nhau đi luyện tập và về quê sản xuất. Chế độ đó làm cho những lúc có ngoại xâm, mọi người đều có thể tham gia đánh giặc.

Quân đội thời Lý gồm các binh chủng : bộ, thủy, kị và tượng binh. Vũ khí thô sơ gồm giáo mác, dao kiếm, cung nỏ, máy bắn đá v.v...

? – Quân đội thời Lý gồm những bộ phận nào ? Cách tổ chức ra sao ?

3. Đoàn kết các dân tộc trong nước, quan hệ hòa hiếu với nước ngoài

Vùng biên giới phía bắc nước ta chủ yếu là nơi cư trú của các dân tộc ít người. Trong hàng ngàn năm lịch sử, họ đã sát cánh cùng người Việt vừa xây dựng đất nước, vừa tích cực chống lại các cuộc xâm lược của bọn thống trị phương Bắc. Đại Việt trở thành tổ quốc chung. Nhà Lý tiếp tục củng cố vững chắc hơn nữa khối đoàn kết dân tộc nên chủ trương gả công chúa và ban quan tước cho các tù trưởng dân tộc miền núi. Tuy nhiên, khi tù trưởng nào đó có ý định tách khỏi Đại Việt hoặc nhảy sang hàng ngũ kẻ thù thì nhà Lý kiên quyết trấn áp.

Đối với nhà Tống, ngay từ lúc mới lên ngôi, Lý Công Uẩn đã cử sứ sang đặt quan hệ bình thường. Nhân dân hai nước có thể qua lại buôn bán với nhau ở vùng biên giới. Tuy nhiên, những lần đất đai biên giới bị bọn quan lại Tống xâm lấn, nhà Lý đều sai sứ sang kiên quyết đòi lại, thậm chí khi cần đã cho quân đánh trả.

Đối với các nước ở phía nam như Cham-pa, Chân Lạp nhà Lý cũng giữ một thái độ tương tự. Năm 1068, nhà Tống xúi vua Cham-pa đánh Đại Việt để nhân đó tiến hành cuộc xâm lược. Nhà Lý đã đánh bại cuộc tiến công đó, ổn định vùng biên giới phía nam, phá vỡ âm mưu của nhà Tống. Quan hệ Đại Việt – Cham-pa trở lại bình thường.

?

1. Trình bày chính sách đối ngoại của nhà Lý, nó thể hiện quyền tự chủ của dân tộc ta như thế nào ?
2. Nhà Lý tổ chức chính quyền trung ương và địa phương ra sao ?
3. Nhà Lý đã làm những gì để củng cố nền thống nhất quốc gia ?

Bài 4

ĐỜI SỐNG KINH TẾ, VĂN HÓA

I – ĐỜI SỐNG KINH TẾ

1. Những chuyển biến trong nông nghiệp

Ban đầu, ở nông thôn, phần lớn ruộng đất trong nước vẫn là ruộng đất công làng xã, về danh nghĩa thuộc sở hữu của nhà vua. Hàng năm, theo tục lệ địa phương, dân làng chia nhau ruộng đất để cày cấy và nộp thuế cho nhà vua. Nhưng về sau, dân số ngày càng đông, việc khai khẩn đất hoang được khuyến khích. Bộ phận ruộng tư do đó, ngày càng mở rộng. Một số quan lại cao cấp trở thành địa chủ. Từ thế kỉ XII, Nhà nước phải ban hành các đạo luật về mua bán ruộng đất.

Vua Lý chiếm một số ruộng đất công làm nơi thờ phụng tổ tiên, tế lễ hoặc phong cấp cho con cháu, những người có công và các đền chùa. Lễ cày ruộng đầu năm nhằm khuyến khích nông dân sản xuất được tiến hành đều đặn.

Sử cũ chép : Năm 1038, vua Lý Thái Tông ngự ra Bố Hải khẩu (Thái Bình) làm lễ cày ruộng. Vua tế Thần Nông xong, cầm cày muốn xuống ruộng cày mấy đường. Trong các quan có người can rằng : "Đó là việc của nông phu, Bệ hạ cần gì làm thế". Vua đáp : "Trẫm không tự cày thì lấy gì làm xôi cúng, lấy gì để xướng xuất thiên hạ ?". Thế rồi cày mấy đường và thôi.

Các vua Lý cũng thường đi về các địa phương xem nhân dân cày cấy, gặt hái. Ở các đoạn sông quan trọng, nhà Lý cho đắp đê phòng lụt, ngập. Việc đào kênh, khơi ngòi được tiến hành với quy mô lớn ở nhiều nơi. Vào những năm mất mùa, đói kém, nhà Lý miễn giảm sưu thuế cho nông dân. Nhu cầu phát triển nông nghiệp và công cuộc khai hoang đòi hỏi nhiều về sức kéo. Nhà Lý nhiều lần hạ lệnh cấm mổ trộm trâu bò, thậm chí bắt nhân dân tổ chức thành nhóm ba nhà cùng chịu trách nhiệm bảo vệ trâu bò. Tội trộm trâu bò bị xử rất nặng. Nhờ đó sức kéo được bảo đảm, thu hoạch mùa màng ngày càng tăng, đất đai trồng trọt ngày càng mở rộng.

? – Nhà Lý đã làm gì để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp ?

thuongmaitr

2. Bước phát triển mới của thủ công nghiệp và thương nghiệp

Nông nghiệp phát triển đã góp phần quan trọng đẩy mạnh sự phát triển của thủ công nghiệp và thương nghiệp nước ta.

Nhà Lý mở rộng hơn nữa các xưởng thủ công Nhà nước và gọi chung là Bách tác. Thợ khéo ở đây chuyên chế tạo các vật dùng cần thiết cho vua quan. Đã có lúc vua Lý phát hết gấm vóc của nước ngoài trong kho cho các quan và giao cho cung nữ tự dệt lấy để dùng.

Hình 5 – Liễn gốm men xanh

truongxua.vn

Trong nhân dân, nghề trồng dâu, chăn tằm, kéo tơ, dệt lụa được khuyến khích. Nhân dân dệt được nhiều loại gấm, đoạn màu có vân hoa rất đẹp. Nghề gốm làm được nhiều mặt hàng mới. Cung điện, chùa tháp đều lợp ngói nung, lát gạch lớn có trang trí rồng, hoa đẹp mắt. Lò gốm mọc lên ở nhiều nơi, sản xuất đủ loại ấm, chén, bát, đĩa,... trắng men da lươn, men màu xanh ngọc.

Ngành xây dựng và nghề đúc chuông, tô tượng cũng phát đạt hẳn lên. Chùa tháp được xây dựng khắp nơi. Nhiều lần, vua Lý phát hàng ngàn cân đồng trong kho để đúc chuông lớn, đặt ở các chùa quanh hoàng thành. Chuông Quy Điền, tượng phật chùa Quỳnh Lâm là những tác phẩm nổi tiếng.

Các nghề làm vàng bạc, làm giấy, khắc bản in gỗ, khai mỏ, rèn sắt, nhuộm vải... đều được mở rộng.

Việc đi lại, trao đổi buôn bán diễn ra đều đặn. Chợ búa mọc lên ở các làng. Nhiều thương nhân mang muối, đồ sắt lên miền núi trao đổi.

Thăng Long ngày càng đông dân. Bộ phận ngoài hoàng thành được mở rộng. Thương nhân, thợ thủ công, dân nghèo ở các nơi đổ về đây làm ăn, sinh sống. Một số phố phường, chợ mới mọc lên xen kẽ với các phường thủ công của Nhà nước. Cảnh sinh hoạt của kinh đô trở nên vui vẻ, tấp nập.

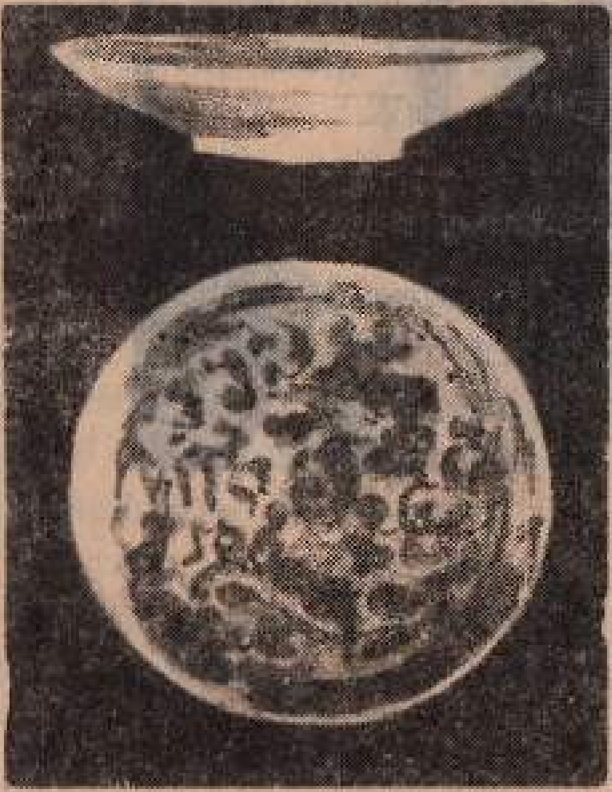

Hình 6 – Đĩa men ngọc

Việc buôn bán, trao đổi với thương nhân nước ngoài mở rộng hơn trước. Ở vùng biên giới Việt – Trung, chính quyền hai bên cho lập nhiều khu vực chợ tập trung để lái buôn, nhân dân đến trao đổi. Thuyền buôn các nước Xiêm (Thái Lan), Gia-va (In-đô-nê-xi-a) v.v... thường xuyên cập bến biển Đông. Nhà Lý đã lấy Vân Đồn (Quảng Ninh) làm địa điểm trao đổi chính của nhân dân ta với thương nhân nước ngoài.

?

1. Trình bày những nét chính của sự phát triển thủ công nghiệp nước ta thời Lý.

2. Em thử mô tả kinh đô Thăng Long thời Lý dựa vào nội dung bài này và bài trước.

Hình 7 – Chùa Một Cột

II – SINH HOẠT XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA

3. Những thay đổi về mặt xã hội

Ở thời Lý, vua quan là bộ phận chính trong giai cấp thống trị. Nhờ Nhà nước phong cấp ruộng đất, một số hoàng tử, công chúa,

quan lại trở thành địa chủ, có thế lực ở địa phương. Bên cạnh họ là một số địa chủ nảy sinh từ dân thường.

Nông dân chiếm đại đa số trong cư dân và là lực lượng sản xuất chính của xã hội. Phần lớn họ cày ruộng công và làm nghĩa vụ cho Nhà nước. Làng xã là nơi sinh hoạt chính. Họ tự bầu lấy người đứng đầu xã. Hàng năm, theo tục lệ, các đinh nam (từ 18 tuổi đến 60 tuổi) họp làng bàn bạc mọi việc và phân chia ruộng đất công. Các vị lão nông được dân làng kính trọng. Một số nông dân nghèo phải cày ruộng nộp tô cho địa chủ. Hầu như làng nào cũng có chùa riêng (đất vua, chùa làng). Nhiều chùa lớn được vua, quan, nhân dân cúng ruộng. Con em nhà địa chủ cũng phải đi lính, đi phu. Nông dân nghèo có thể rời làng đi khai hoang, lập nghiệp ở các vùng ven biển, ven sông.

Một số làng bị Nhà nước đem cấp cho quan lại. Nông dân ở đây phải nộp tô thuế cho viên quan được cấp.

Người làm nghề thủ công, buôn bán khá nhiều. Trừ một số ít sống theo phường ở kinh thành, phần đông còn lại sống rải rác ở các làng. Họ rèn nông cụ, các vật dụng trong nhà, sản xuất các thứ cần thiết cho đời sống hàng ngày... để trao đổi với nông dân trong làng hay các làng lân cận. Họ cũng phải nộp thuế và làm nghĩa vụ đối với nhà vua.

Nô tì là tầng lớp thấp nhất trong xã hội. Những người bị tội nặng, tù binh trong các cuộc chiến tranh bị biến thành nô tì phục vụ trong các cung điện hay các nhà quan. Số lượng nô tì không nhiều, cuộc sống của họ không được bảo đảm.

Ruộng đất tư càng phát triển, quyền hành các quan lại càng được củng cố thì số nông dân tá điền, nô tì càng nhiều thêm.

? – Ở thời Lý, trong xã hội có những tầng lớp cư dân nào ?

4. Giáo dục và văn hóa

(LSVN/163)

Giáo dục bước đầu phát triển. Để khuyến khích việc học, năm 1070, nhà Lý lập Văn Miếu, mở trường dạy Nho học ở kinh thành.

Năm 1075, nhà Lý tổ chức kì thi đầu tiên ở đây lấy một số người đỗ vào làm quan.

Tuy nhiên, việc học hành chủ yếu dành cho con em các quan lại, thi cử chưa đều đặn, chỉ khi nào Nhà nước cần mới mở. Thăng Long dần dần trở thành trung tâm văn hóa của cả nước.

Văn học chữ Hán bước đầu phát triển. Ngoài văn thơ của các nhà sư, còn có văn thơ của vua, quan. Nhà chỉ huy quân sự tài giỏi Lý Thường Kiệt đã sáng tác nên bài thơ bất hủ "Nam quốc sơn hà Nam đế cư".

Trong triều, vua Lý đặt một chức quan chuyên ghi chép sử. Đạo Phật được truyền bá rộng rãi hơn trước. Nhiều anh em, bà con các vua, quan đi tu thờ Phật. Chùa quán mọc lên ở khắp kinh thành làng xã. Trong hoàng thành, vua Lý cho dựng nhiều chùa lớn, mời các vị sư có tiếng đến tu.

Sử cũ chép : Lý Công Uẩn mới lên ngôi đã phát hai vạn quan tiền để thuê thợ xây dựng 8 ngôi chùa ở quê mình, lại phát hàng vạn quan dựng nhiều chùa ở kinh đô, sửa các chùa quán ở các lộ, cấp giấy phép cho hơn 1000 người ở Thăng Long làm sư.

Như nhận xét của một nhà sử học thời ấy, "nhân dân quá nửa làm sư". Nhưng ở các làng, chùa còn là nơi hội họp, vui chơi của nhân dân.

Nhân dân ta rất thích ca hát, nhảy múa. Hát chèo, múa rối nước đều phát triển. Dàn nhạc có trống, đàn, sáo, nhị. Các môn thể thao như đánh phết, đá cầu, đấu vật, đua thuyền rất được ham chuộng. Vào những ngày hội lớn, Thăng Long trở thành nơi tổ chức các cuộc vui chơi, đua thuyền, múa rối.

Người thời đó đã mô tả : "Hàng trăm chiếc thuyền bơi giữa dòng, nhanh như chớp, muôn tiếng trống khua, hòa nhịp với tiếng nước như sấm động, sóng nước rập rờn, rùa vàng nổi lên đội ba quả núi, nước chảy nhịp nhàng, lộ vân trên vỏ, rùa xòe bốn chân, nhe răng, trợn mắt, phun nước biểu diễn, hướng tới ngai vua mà cúi đầu chào..."

Hình 8 - Tượng phật A-di-đà (chùa Phật Tích)

Những ngày đầu xuân, hội mùa, nhân dân nghỉ ngơi giải trí bằng những trò vui như đánh đu, tung còn, đấu vật, thi nấu cơm... Ở một số làng cổ còn có ngày hội riêng có ý nghĩa đối với cả vùng như hội Dóng ở làng Phù Đổng (Tiên Sơn – Hà Bắc), hội Dâu ở làng Khương Tự (Thuận Thành – Hà Bắc) v.v...

? - Em có nhận xét gì về cuộc sống của nhân dân thời Lý ?

Kiến trúc và điêu khắc rất phát triển. Các công trình kiến trúc có quy mô tương đối lớn và mang tính cách độc đáo. Trong hoàng thành có những tòa nhà cao 4 tầng. Tháp Báo Thiên ở Thăng Long gồm 12 tầng, cao trên 60m. Chùa Một Cột được xây trên một cột đá lớn, dựng giữa hồ tượng trưng cho một bông sen nở trên mặt nước.

Hình 9 – Nhạc công (chạm gỗ)

Nhiều công trình nghệ thuật khác cũng không kém phần to lớn : Tháp Chương Sơn, chuông chùa Trùng Quang (ở Tiên Sơn – Hà Bắc) nặng gần 6.000 cân (khoảng 3 tấn), tượng Phật Di Lặc ở chùa Quỳnh Lâm (Đông Triều – Quảng Ninh) cao 20m v.v... Trình độ điêu khắc tinh vi, thanh thoát được thể hiện trên các tượng Phật (như tượng Phật A-di-đà ở chùa Phật Tích – Hà Bắc), ở các hình trang trí rồng các bệ đá hình hoa sen v.v... Đề tài chạm trổ thường là cảnh thiên nhiên : rồng bay, phượng múa, sóng nước, vân mây... Rồng mình trơn, toàn thân uốn khúc, uyển chuyển như một ngọn lửa là hình tượng nghệ thuật độc đáo và phổ biến của thời Lý. Nó tượng trưng cho nguồn nước và mây mưa, niềm mơ ước của cư dân trồng lúa nước.

Nền nghệ thuật phong phú, độc đáo và linh hoạt của nhân dân ta thời Lý đã đánh dấu sự ra đời của một nền văn hóa riêng biệt của dân tộc : văn hóa Thăng Long.

?

1. Giáo dục, văn hóa thời Lý phát triển ra sao ?
2. Em hãy kể những công trình về điêu khắc và kiến trúc của thời Lý.
3. Em có thể mô tả được những sinh hoạt đáng chú ý ở Thăng Long không ?
4. Xã hội thời Lý có gì khác so với xã hội Đinh – Tiền Lê ?

Hình 10 – Rồng thời Lý

Bài 5

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC TỐNG (1075 - 1077)

I – GIAI ĐOẠN THỨ NHẤT (1075)

1. Nhà Tống âm mưu xâm lược nước ta

Từ giữa thế kỉ XI, quan hệ giữa nước ta và nhà Tống ngày càng xấu đi. Ở vùng biên giới Việt – Trung, việc đi lại, buôn bán của nhân dân hai nước bị ngăn cản. Bọn quan lại nhà Tống nhiều lần đem quân quấy phá lãnh thổ, dụ dỗ các tù trưởng dân tộc ít người của ta. Trong lúc đó, nhân dân Trung Quốc bị đói khổ ở nhiều nơi vùng dậy đấu tranh. Mong muốn dùng chiến tranh và của cải cướp được để giải quyết những khó khăn của mình, nhà Tống quyết định xâm lược Đại Việt. Chúng còn xúi giục vua Cham–pa đánh lên phía nam Đại Việt, nhằm làm suy giảm lực lượng của nhà Lý.

Nắm được tình hình và âm mưu xâm lược nham hiểm của kẻ thù, vua tôi nhà Lý kiên quyết đối phó. Thái úy Lý Thường Kiệt được cử làm tổng chỉ huy, tổ chức cuộc kháng chiến.

Lý Thường Kiệt là người phường Thái Hòa (Thăng Long) con nhà võ tướng. Từ trẻ, ông đã tỏ ra là người có chí hướng,

ham đọc binh thư và luyện tập võ nghệ. Lớn lên, nhờ lập được nhiều công lớn lại là người có đạo đức tốt, ông được vua Lý Thánh Tông rất quý trọng, phong làm thái úy và nhận làm em nuôi.

Theo đề nghị của Lý Thường Kiệt, triều đình mời Lý Đạo Thành, một đại thần có uy tín, về làm thái sư, cùng bàn việc nước. Quân đội được lệnh ngày đêm luyện tập, sẵn sàng chiến đấu. Các tù trưởng dân tộc miền núi được lệnh mộ thêm binh, đánh trả các cuộc quấy phá, làm thất bại âm mưu dụ dỗ của nhà Tống. Để ổn định mặt nam, Lý Thánh Tông cùng với Lý Thường Kiệt đem quân đánh bại âm mưu tiến công phối hợp với nhà Tống của Cham-pa.

? – Nhà Lý đã chuẩn bị đối phó với nhà Tống như thế nào ?

2. Chủ động tiến công để tự vệ

Năm 1072, vua Lý Thánh Tông chết. Vua mới là Lý Nhân Tông còn ít tuổi. Nhà Tống chụp lấy cơ hội, ráo riết chuẩn bị xâm lược nước ta. Trước tình hình đó, Lý Thường Kiệt đã chủ trương : "Ngồi yên đợi giặc, không bằng đem quân đánh trước để chặn thế mạnh của giặc". Triều đình rất ủng hộ. Lý Thường Kiệt gấp rút tổ chức cuộc tiến công. Mục tiêu đặt ra là đánh phá các kho binh lương, những căn cứ tập trung quân của nhà Tống ở vùng ven biên giới nước ta, chủ yếu là thành Ung Châu (Nam Ninh – Quảng Tây – Trung Quốc), giáng đòn phủ đầu bất ngờ vào chúng.

Thành Ung Châu là một khu thành lớn của nhà Tống tập trung một lực lượng quân sự khá mạnh. Ung Châu lại là địa điểm tập kết của các đạo quân từ phía bắc, trên đường hành quân xuống phía nam để xâm lược nước ta. Do đó, Ung Châu là một căn cứ quân sự rất quan trọng.

Cuối năm 1075, khoảng 10 vạn quân ta, chia làm hai đạo tiến vào đất Tống. Đạo quân bộ gồm dân binh miền núi, do các tù trưởng Thân Cảnh Phúc, Tông Đản... chỉ huy, vượt biên giới đánh lên châu Ung. Đạo quân thủy do Lý Thường Kiệt trực tiếp chỉ huy, theo đường ven biển đổ bộ vào đất châu Khâm (Quảng Đông) rồi từ đó tiến về phía thành Ung Châu. Để cô lập kẻ thù và tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Trung Quốc, trên đường tiến quân Lý Thường Kiệt cho yết bảng nói rõ mục đích tự vệ của mình.

(Đại chống / 152)

Cuộc hành quân diễn ra nhanh chóng. Các căn cứ quân sự của nhà Tống ở vùng ven biên giới bị giáng những đòn bất ngờ và mãnh liệt. Quân Tống thất bại liên tiếp. Các kho lương thảo của chúng đều bị đốt. Quân ta vây hãm thành Ung Châu. Tướng giữ thành đóng cửa cố thủ. Quân ta vừa đánh thành vừa đập tan quân Tống đến tiếp viện. Sau 42 ngày đêm công phá dũng cảm và mưu trí, quân nhà Lý chiếm được thành Ung Châu, Lý Thường Kiệt hạ lệnh phá hết cầu cống, thiêu hủy các kho lương thảo, rồi nhanh chóng rút quân về nước.

?

1. Em trình bày lại âm mưu xâm lược của nhà Tống.
2. Đứng trước âm mưu xâm lược đó, vua tôi nhà Lý đã làm gì và chủ trương đối phó bằng cách nào ?

II – GIAI ĐOẠN THỨ HAI (1076 – 1077)

3. Kháng chiến bùng nổ

Sau khi rút quân về nước, Lý Thường Kiệt hạ lệnh cho các địa phương ráo riết chuẩn bị bố phòng. Ở các nẻo đường hiểm yếu gần biên giới Việt – Trung, các tù trưởng dân tộc ít người được lệnh đem quân mai phục. Một đạo quân mạnh do tướng Lý Kế Nguyên chỉ huy, tiến giữ mạn đông bắc nhằm cản đường quân thủy của giặc. Nhiều phòng tuyến được dựng lên ở các nơi. Phòng tuyến chủ yếu xây dựng trên bờ nam sông Như Nguyệt (sông Cầu, đoạn chảy qua huyện Yên Phong – Hà Bắc). Đây là đoạn sông mà các con đường từ phía bắc chạy về Thăng Long đều đi qua. Phòng tuyến dài gần 100km, được đắp bằng đất, cao, vững chắc ; bên ngoài còn có mấy lớp giậu tre dày đặc. Quân chủ lực của ta do Lý Thường Kiệt chỉ huy, trực tiếp đóng giữ phòng tuyến quan trọng này gồm cả thủy binh lẫn bộ binh.

Thất bại nặng nề và bất ngờ ở Ung Châu làm cho nhà Tống hết sức căm giận. Chúng lập tức xúc tiến ngay cuộc xâm lược, bất chấp mọi khó khăn vấp phải. Một đạo quân lớn gồm mười vạn bộ binh, một vạn ngựa và 20 vạn dân phu do các tướng Quách Quỳ, Triệu Tiết chỉ huy, được lệnh cấp tốc lên đường. Một đạo thủy quân cũng được lệnh vượt biển sang tiếp ứng.

?

– Những khó khăn mà quân Tống sẽ gặp phải khi vội vã tiến hành cuộc xâm lược nước ta là gì ? (liên hệ với mục 2).

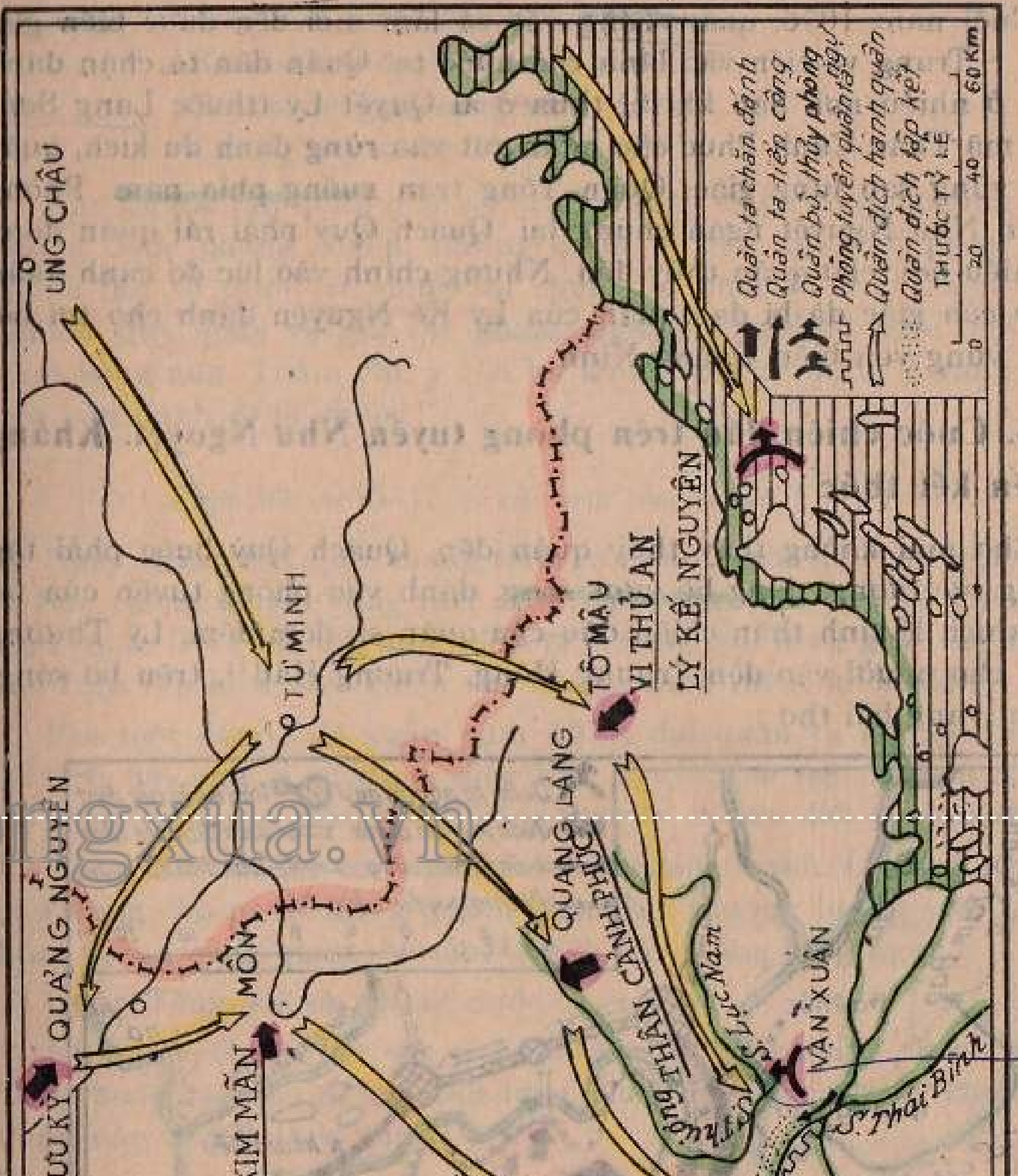

UNG CHÂU
TƯ MINH
QUẢNG NGUYÊN
LƯU KỶ
HOÀNG KIM MÃN
MÔN
QUANG LANG
TÔ MẬU
VI THỦ AN
LÝ KẾ NGUYÊN
THÂN CẢNH PHÚC
S. Lục Nam
S. Thương
VẠN XUÂN
S. Thái Bình
S. Cầu
NÚI TAM ĐẢO
LÝ THƯỜNG KIỆT
THĂNG LONG
S. Hồng
Quân ta chặn đánh
Quân ta tiến công
Quân bộ, thủy phòng ngự
Phòng tuyến quân ta
Quân địch hành quân
Quân địch tập kết
THƯỚC TỶ LỆ
0 20 40 60 Km

Cuối năm 1076, quân Tống vất vả lắm mới đến được biên giới Việt – Trung và tiến vào lãnh thổ nước ta. Quân dân ta chặn đánh giặc ở nhiều nơi. Sau khi bị thua ở ải Quyết Lý (thuộc Lạng Sơn) phò mã Thân Cảnh Phúc cho quân rút vào rừng đánh du kích, quấy phá vùng sau lưng giặc. Quân Tống tràn xuống phía nam. Phòng tuyến Như Nguyệt ngăn chúng lại. Quách Quỳ phải rải quân đóng ở nhiều nơi, chờ quân thủy đến. Nhưng chính vào lúc đó cánh quân thủy của giặc đã bị đạo quân của Lý Kế Nguyên đánh cho tơi bời trên vùng ven biển Quảng Ninh.

4. Cuộc chiến đấu trên phòng tuyến Như Nguyệt. Kháng chiến kết thúc

Chờ mãi không thấy thủy quân đến, Quách Quỳ buộc phải tập trung lực lượng, đóng bè vượt sông, đánh vào phòng tuyến của ta. Để khích lệ tinh thần chiến đấu của quân sĩ, đêm đêm, Lý Thường Kiệt cho người vào đền Trương Hống, Trương Hát[1], trên bờ sông, ngâm vang bài thơ :

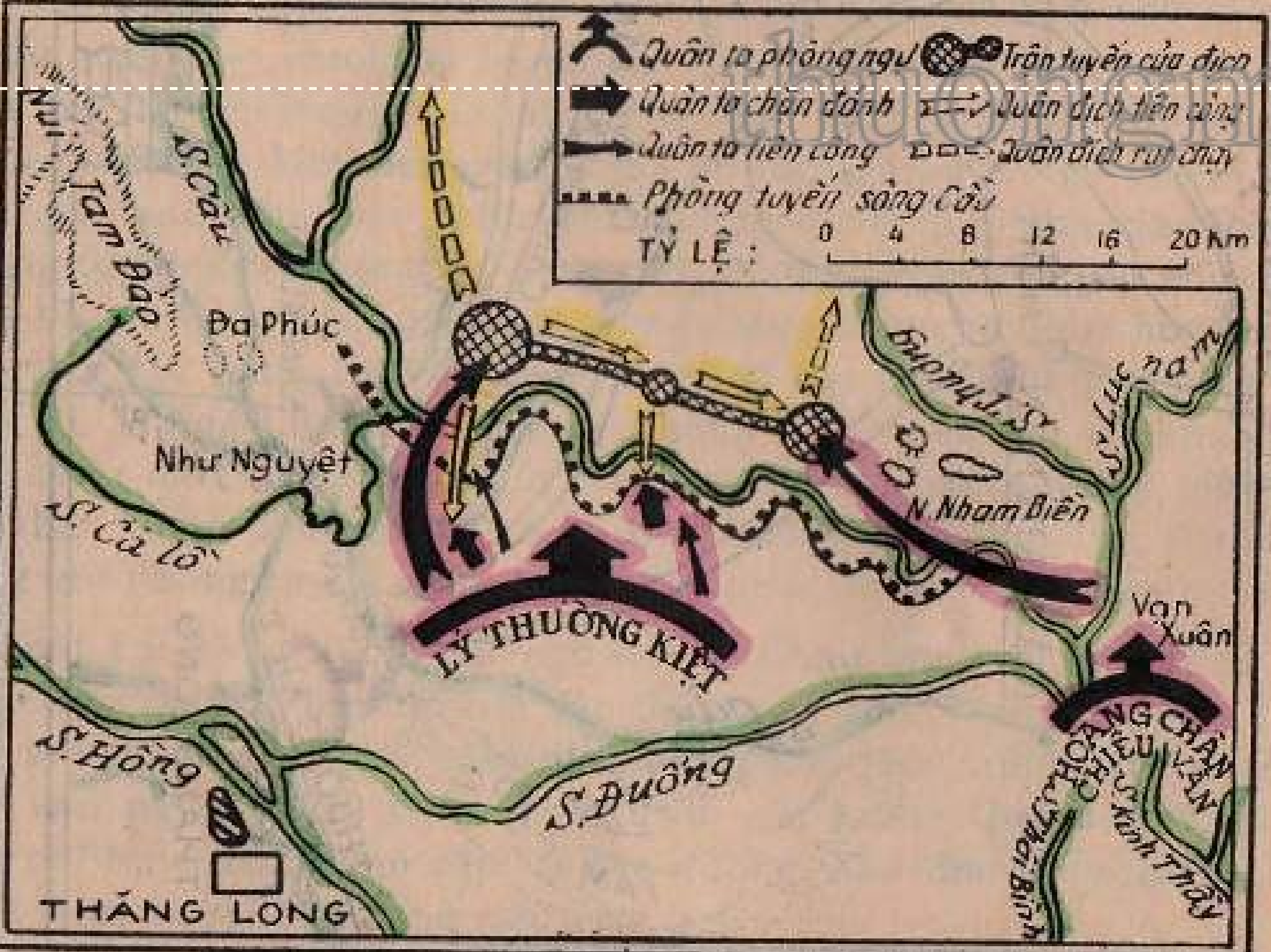

Hình 12 – Phòng tuyến Như Nguyệt

(1) Trương Hống, Trương Hát : hai vị tướng của Triệu Quang Phục.

Sông núi nước Nam vua Nam ở.
Rành rành định phận ở sách Trời.
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời[1]

Nhờ đó hai lần quân giặc ào ạt tiến sang và đã có lúc chúng chọc thủng được phòng tuyến, nhưng quân ta đều kịp thời phản công mãnh liệt và mưu trí, đánh lui chúng về phía bờ bắc. Thất vọng, Quách Quỳ quay về giữ thế phòng ngự, không dám nghĩ đến việc vượt sông nữa. Thậm chí, y còn hạ lệnh cho các tướng sĩ rằng : "Ai còn bàn đánh sẽ bị chém !".

? – Em nghĩ như thế nào về thế của quân Tống lúc này ?

Ngày tháng trôi qua, lương thảo cạn dần. Thời tiết mỗi ngày một oi bức thêm. Quân Tống mệt mỏi, chán nản, ốm đau và chết dần chết mòn. Giữa lúc đó, quân dân ta ở vùng sau lưng giặc đẩy mạnh các trận tập kích nhỏ khiến cho chúng càng thêm khốn đốn.

Vào một đêm cuối xuân năm 1077, đại quân ta do Lý Thường Kiệt chỉ huy lặng lẽ vượt qua sông Như Nguyệt, bất ngờ đánh mạnh vào các doanh trại của giặc. Quân Tống thua to, bị tiêu diệt đến quá nửa.

uongxua.vn

Nhận thấy đã đến lúc chấm dứt cuộc chiến tranh, Lý Thường Kiệt chủ động cho người sang gặp Quách Quỳ thương lượng việc "giảng hòa". Đang cùng quẫn, bế tắc, Quách Quỳ bằng lòng ngay.

Quân Tống vội vã rút về nước.

Những thiệt hại hết sức nặng nề trong chiến tranh đã buộc nhà Tống hoàn toàn bỏ mộng xâm lược Đại Việt. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta kết thúc thắng lợi.

?

1. Em hãy trình bày cuộc kháng chiến chống Tống của nhân dân ta trên bản đồ.
2. Hãy tìm những nét độc đáo trong cách đánh giặc của Lý Thường Kiệt.
3. Vai trò của các dân tộc ít người trong kháng chiến ra sao ?
4. Vì sao nhân dân ta chống Tống thắng lợi ?

---

(1) Nguyên văn bằng chữ Hán, như sau :

Nam quốc sơn hà Nam đế cư.
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Chương III

NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI TRẦN VÀ THỜI HỒ

(TỪ THẾ KỈ XIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XV)

Bài 6

NƯỚC ĐẠI VIỆT Ở THẾ KỈ XIII

I – NHÀ TRẦN THÀNH LẬP

1. Sự suy sụp của nhà Lý

Từ nửa sau thế kỉ XII, tình hình đất nước ngày càng khó khăn. Vua ít tuổi, chỉ biết chơi bời, phung phí. Các đại thần trong triều tranh chấp nhau quyền hành. Quan lại bên dưới cùng họ hàng nhân đó quấy nhiễu, bóc lột nhân dân.

Nhà nước không còn chăm lo phát triển nông nghiệp và sửa đắp đê điều như trước nữa. Lụt lội, hạn hán, mất mùa xảy ra liên tiếp. Nhiều nông dân nghèo phải bán vợ, đợ con làm nô tì cho các nhà giàu. Một số khác chạy vào chùa, cày ruộng kiếm sống. Các nước phía nam thỉnh thoảng đem quân vào cướp phá. Nhân dân sống cơ cực.

Ở nhiều nơi như Nghệ An, Thanh Hóa, Ninh Bình, dân nghèo nổi dậy đấu tranh. Một viên quan hồi ấy nhận xét : "Nay, dân loạn nước nguy, chúa thượng thì chơi bời không điều độ, chính sự của triều đình thì rối loạn, lòng dân chia lìa, đó là điều bại vong".

Một số thế lực phong kiến địa phương thu nạp bọn trộm cướp, lưu vong, quấy phá nhân dân, đánh giết lẫn nhau và chống lại triều đình. Đầu thế kỉ XIII, cuộc loạn lan đến kinh thành. Nhà Lý suy yếu

buộc phải dựa vào họ Trần để chống lại các thế lực nổi loạn. Trên bước đường chinh chiến, họ Trần nắm dần các chức vụ quan trọng triều. Năm 1226, khi thời cơ đến, họ Trần buộc vua Lý cuối cùng phải nhường ngôi. Nhà Trần thành lập.

Sử cũ chép : Bấy giờ vua Lý không có con trai phải nhường ngôi cho người con gái mới lên 7 tuổi, tức là Lý Chiêu Hoàng. Họ Trần nhân đó buộc Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi lại cho Trần Cảnh, mới lên 6 tuổi. Trong ngày lễ lên ngôi của Trần Cảnh, tổng chỉ huy cấm quân Trần Thủ Độ nhấn mạnh : "Hiện nay, giặc cướp đều nổi, họa loạn mỗi ngày một tăng... nhà Lý suy yếu, thế nước nghiêng đổ nguy ngập, nữ chúa Chiêu Hoàng không thể gánh vác nổi mới ủy thác cho chồng".

? – Em điểm lại những nét chính của tình hình nước ta dẫn đến sự sụp đổ của nhà Lý.

2. Chính quyền mới dưới thời Trần

Lên nắm chính quyền, nhà Trần nhanh chóng dẹp yên cuộc nội loạn, rồi chuyển sang xây dựng bộ máy quan lại và phục hồi nền sản xuất.

Đứng đầu Nhà nước là vua. Nhưng khác ở thời Lý, các vua Trần đặt lệ nhường ngôi sớm cho con và tự mình xưng là Thái Thượng hoàng, cùng trông nom việc nước.

Các chức đại thần văn, võ được giao cho người trong họ nắm giữ. Hệ thống quan lại bên dưới vẫn giữ như cũ, nhưng được sắp xếp vào các sảnh, viện một cách quy củ hơn. Nhà Trần đặt thêm một số chức quan như Hà đê sứ trông coi việc sửa, đắp đê điều; Khuyến nông sứ chăm lo, khuyến khích nông dân sản xuất; Đồn điền sứ chuyên mộ người đi khẩn hoang.

Cả nước được chia lại thành 12 lộ. Đứng đầu lộ có các chức chánh, phó An phủ sứ. Dưới đó là phủ, châu, huyện, do các chức tri phủ, tri huyện trông nom. Dưới cùng là xã. Ở xã, bên cạnh các chức quản lí do dân bầu, nhà Trần đặt thêm một xã quan của mình.

Ban đầu, nhà Trần còn giữ lệ : "Ai là con, cháu quan lại mới được làm quan". Sang thế kỉ XIV, lệ này dần dần mất tác dụng. Các quý

tộc họ Trần được phong vương, hầu, cấp thái ấp. Quan lại được cấp bổng lộc.

Tuy nhiên, sự cách biệt giữa vua, quan và nhân dân vẫn còn chưa sâu sắc. Vua Trần vẫn để chuông lớn ở thềm cung điện cho dân đến gõ khi cần.

Ngày lễ thề hàng năm của các quan lại ở đền thần Đồng Cổ được nhân dân xem như một ngày hội lớn của mình. Những lúc vua đi thăm các địa phương, nhân dân có thể đón rước, thậm chí xin vua dừng lại để xét lại một vụ kiện oan. Ở trong triều, sau các buổi yến tiệc, vua và các quan có lúc cùng đứng dậy, nắm tay nhau mà hát vui vẻ.

Nhà nước ban hành bộ Hình luật. Theo sử sách cho biết, Hình luật xác định lại những điều ban hành dưới triều Lý. Chế độ tư hữu được bảo vệ. Việc nuôi nô tì không bị hạn chế như trước. Pháp luật cũng quy định cụ thể việc mua bán ruộng đất.

Trong quan hệ với nhà Tống, nhà Nguyên ở Trung Quốc, nhà Trần luôn luôn giữ vững địa vị độc lập của nước mình.

Đối với các dân tộc ít người ở miền núi, nhà Trần cố gắng duy trì mối quan hệ tốt đẹp mà nhà Lý đã đạt được.

?

1. Em hãy nói về luật pháp thời Lý, Trần và nêu tác dụng của nó.
2. Bộ máy Nhà nước thời Trần và nhà Lý giống nhau và khác nhau ở chỗ nào? (ở trung ương và ở địa phương)

II – TIẾP TỤC XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

3. Tổ chức lại quân đội, phòng thủ biên giới

Nhân dân ta thời Trần rất chuộng võ. Lò vật mở ở nhiều nơi. Đấu võ, đấu vật, chơi cù là những trò chơi quen thuộc trong các ngày hội làng. Dựa vào tinh thần đó, nhà Trần xây dựng một quân đội vững mạnh. Đạo quân Thiên Thuộc chuyên bảo vệ nhà vua và hoàng thành, được tuyển chọn trong thanh niên khỏe mạnh ở vùng quê họ Trần (như Tức Mặc – Nam Hà). Trai tráng trên 18 tuổi ở các làng khác thì được tuyển vào quân địa phương, theo chế độ của

nhà Lý. Những lúc có chiến tranh, lực lượng quân địa phương này được giao cho các vương hầu chỉ huy. Quân đội luyện tập đều đặn và chu đáo dưới sự chỉ huy của các tướng có kinh nghiệm. Nhà Trần chủ trương : "Quân lính cốt tinh nhuệ chứ không cần nhiều".

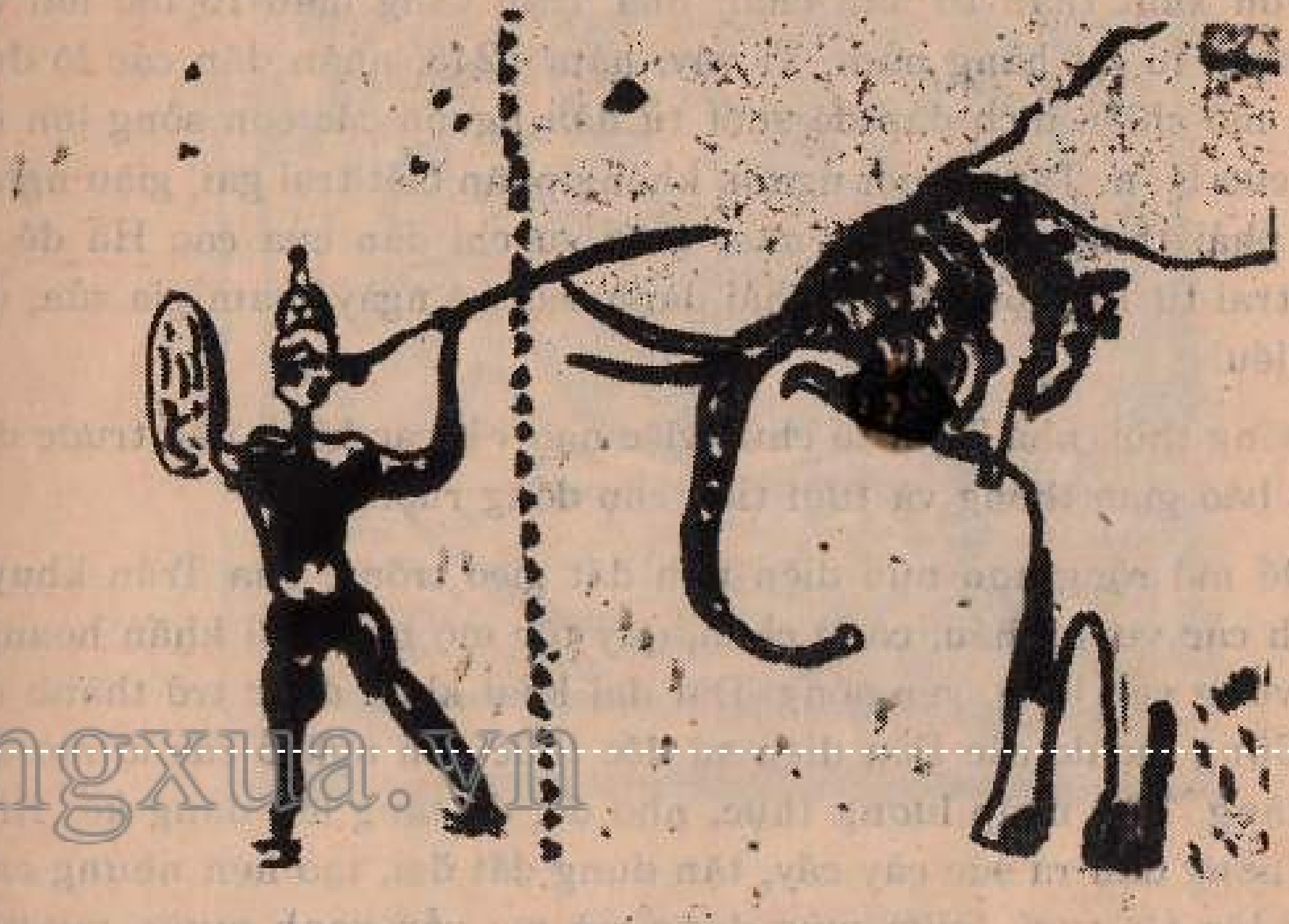

Hình 13– Chiến sĩ trên thống gốm

Ngoài ra, khi có chiến tranh, nhà Trần cho phép các vương hầu tuyển mộ và chỉ huy quân ở vùng quanh thái ấp của mình.

Con em các vương hầu quý tộc được chọn vào học ở giảng võ đường, đào tạo thành võ quan cao cấp.

? – Từ hình trên các em thử suy nghĩ xem tại sao thời Trần lại chủ trương: "quân cốt tinh nhuệ chứ không cần nhiều" ?

Nhà Trần rất chú ý bảo vệ các vùng biên giới. Một số tướng giỏi, đáng tin cậy được cử cầm quân trấn giữ mạn bắc. Bản thân vua Trần có lúc đi tuần tra việc bố phòng ở đây. Đối với mạn nam, nhà Trần đặt quan hệ thân thiết với các vua Cham – pa để tránh mọi sự xung đột. Việc cai quản các lộ Nghệ An, Thanh Hóa được giao cho con, em vua.

4. Những thành tựu mới về kinh tế

Tình hình xã hội trở lại ổn định. Ở khắp nơi trong nước, nhân dân nhanh chóng phục hồi sản xuất. Nhà Trần cũng thi hành nhiều biện pháp tích cực góp phần phát triển nông nghiệp.

Vốn xuất thân từ dân chài, nhà Trần càng hiểu rõ tác hại của các trận lũ lụt hàng năm. Vì vậy, năm 1248, nhân dân các lộ được lệnh mở chiến dịch đắp đê suốt từ đầu nguồn các con sông lớn cho đến cửa biển. Tất cả mọi người, không phân biệt trai gái, giàu nghèo, đều phải tham gia. Hàng năm dưới sự chỉ dẫn của các Hà đê sứ, con trai từ 18 tuổi trở lên phải dành một số ngày tham gia sửa, đắp đê điều.

Đồng thời, nhà Trần tổ chức việc nạo vét các kênh đào trước đây, đảm bảo giao thông và tưới tiêu cho đồng ruộng.

Để mở rộng hơn nữa diện tích đất gieo trồng, vua Trần khuyến khích các vương hầu, công chúa, quý tộc mộ người đi khẩn hoang ở các vùng ven biển, ven sông. Đất đai khai khẩn được trở thành của tư. Cùng lúc đó, các Đồn điền sứ đốc thúc dân nghèo các lộ mở đất, lập làng. Thu nhập lương thực, nhờ đó, đã tăng lên đáng kể. Khắp nơi, nông dân ra sức cày cấy, tận dụng đất đai, tạo nên những cánh đồng lúa tốt tươi, "giữa mùa đông mà mạ vẫn xanh mườn mượt".

? – Em hãy trình bày những biện pháp nhằm phát triển nông nghiệp của nhà Trần.

Thủ công nghiệp và thương nghiệp cũng có nhiều tiến bộ. Những cục Bách tác được chăm sóc, các cung nữ tiếp tục dệt vải, số mặt hàng thủ công trong nhân dân ngày càng tăng thêm. Ở các làng, chợ búa mọc lên ngày càng nhiều. Nhân dân đem thóc gạo, ngô khoai, nông cụ, vải lụa ra trao đổi với nhau. Tiền tệ, hệ thống đo lường được thống nhất.

Ở kinh thành Thăng Long, bên cạnh hoàng thành, 61 phường hoạt động tấp nập. Nhà Trần đặt một chức Đại an phủ sứ để trông coi.

Sử cũ chép : Vua Trần Anh Tông vốn có tính phóng khoáng. Đêm đến, vua thường lén ra khỏi cung điện, cùng một số lính

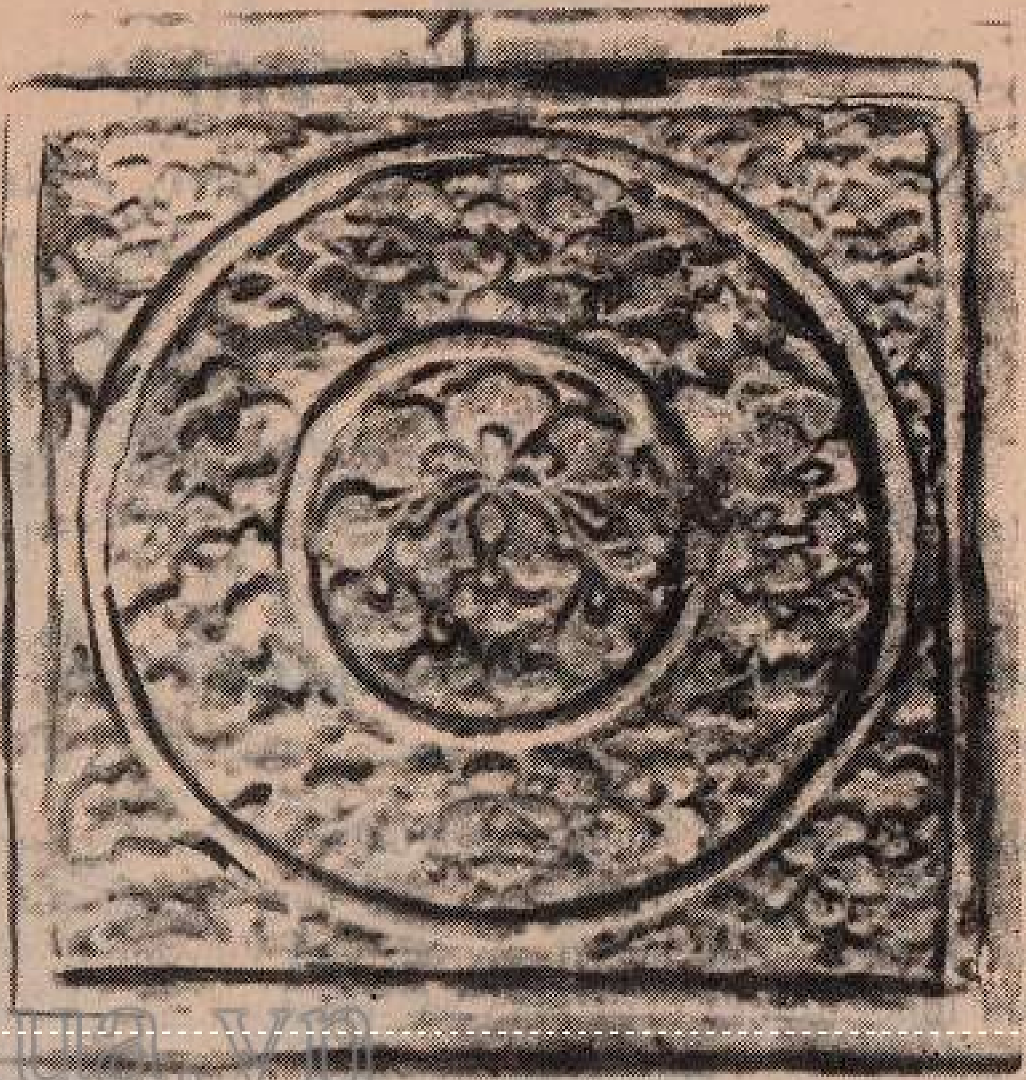

Hình 14– Gạch hoa ở Thiên Trường

hầu đi dạo chơi các phố phường đến gần sáng mới về. Có lần trên đường về, vua bị bọn vô lại ném gạch đúng vào đầu. Người hầu sợ quá, vội thét lên : "Kiệu vua đây !". Chúng hốt hoảng bỏ chạy. Về sau, vua Anh Tông đổi việc đi dạo phố thành một hình thức ban thưởng cho những người đỗ đầu các kì thi.

Việc trao đổi, buôn bán với thương nhân nước ngoài tiếp tục phát triển. Nền kinh tế của Đại Việt đang vững bước tiến lên.

?

1. Nhà Trần đã chuẩn bị phòng thủ đất nước như thế nào ?
2. Nhà Trần đã làm những gì để phát triển nền kinh tế nước ta sau những năm suy thoái dưới thời Lý ?

uongxua.vn

Bài 7

BA LẦN KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG - NGUYÊN

(THẾ KỈ XIII)

I - CUỘC KHÁNG CHIẾN LẦN THỨ NHẤT CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG CỔ (1258)

1. Âm mưu xâm lược của Mông Cổ và chủ trương của vua tôi nhà Trần

Hoàn cảnh

Vào giữa thế kỉ XIII, cuộc sống của nhân dân ta đang đi vào thế ổn định. Mùa màng tươi tốt. Nạn đói kém không còn đe dọa. Các làng xóm được tổ chức lại có quy củ hơn. Vừa lúc đó thì tin tức về quân xâm lược Mông Cổ từ phía bắc lan tới.

thuongmaitr

Các bộ lạc du mục Mông Cổ sống ở vùng thảo nguyên Bắc Á, dần dần phân hóa thành giai cấp và tiến hành chiến tranh xâm chiếm lẫn nhau. Đầu thế kỉ XIII, nhà nước phong kiến Mông Cổ thành lập. Vua Mông Cổ đem quân liên tiếp xâm lược và thống trị nhiều nước ở châu Á và châu Âu, dựng nên một đế quốc rộng lớn kéo dài từ Thái Bình Dương đến bờ Hắc Hải. Vó ngựa xâm lược của quân Mông Cổ đi đến đâu thì thành lũy tan hoang, nhà cửa đổ nát, nhân dân chết chóc hoặc bị bắt làm nô lệ. Nền độc lập của các dân tộc khác bị đe dọa nghiêm trọng.

Nhận xét về sức mạnh chiến đấu của quân Mông Cổ, một nhà sử học thời Tống (thế kỉ XIII) viết : Người Thát (chỉ quân Mông Cổ) lớn lên trên yên ngựa, tự luyện tập chiến đấu, từ mùa xuân đến mùa đông, ngày ngày săn bắn, đó là cách sống của họ. Một người khác nhận xét thêm : Về đánh trận, họ lợi ở dã chiến, không thấy lợi thì không tiến quân... Trăm quân kị quay vòng, có thể bọc được vạn người. Nghìn quân kị tản ra có thể dài đến trăm dặm, kẻ địch chia ra thì họ chia ra, kẻ địch hợp lại thì họ cũng hợp lại cho nên kị đội là thế mạnh

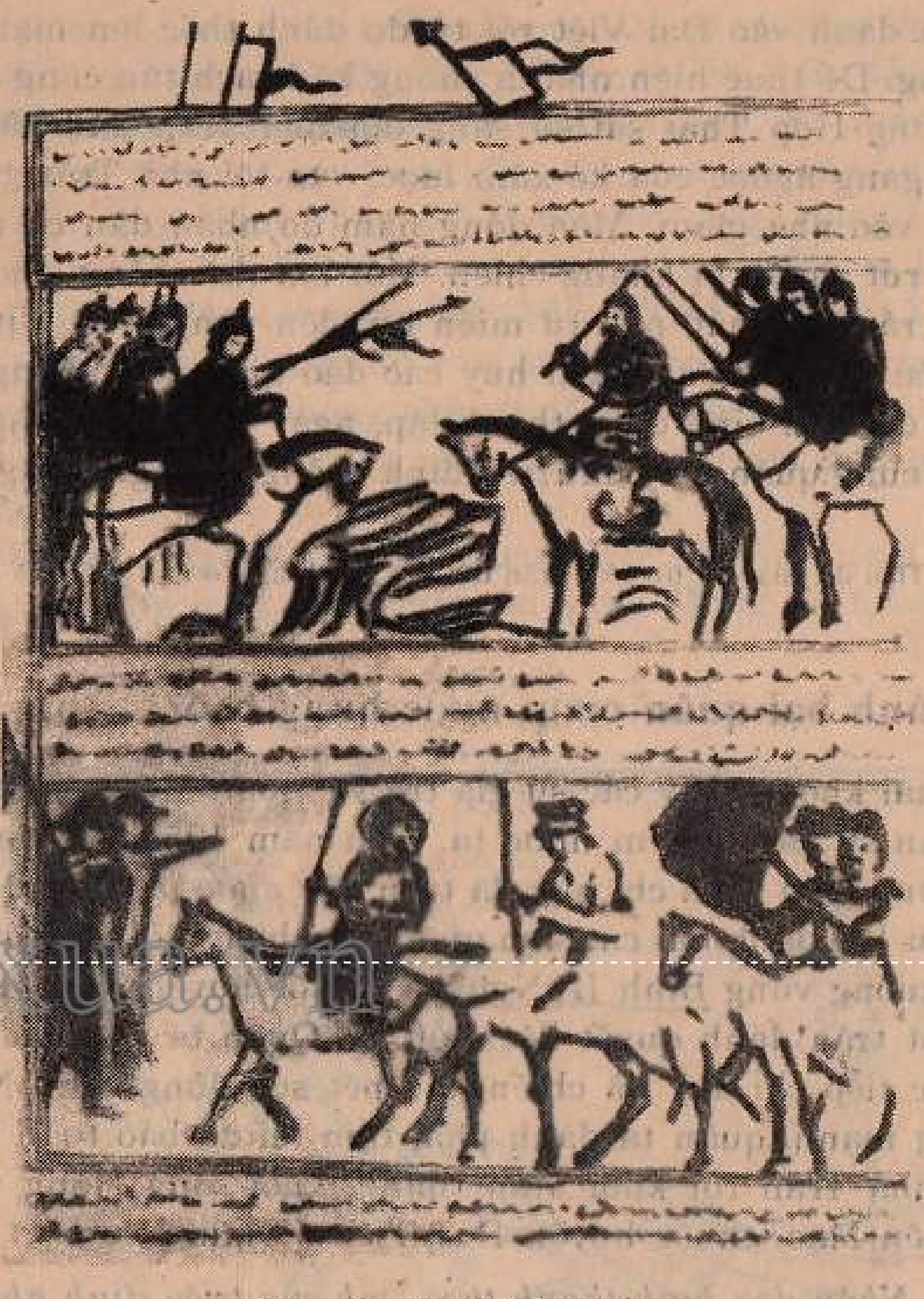

Hình 15 – Quân Mông Cổ

của họ, hoặc xa hoặc gần hoặc nhiều hoặc ít hoặc hợp lại hoặc tản ra hoặc ẩn hoặc hiện, đến thì như trên trời xuống, đi thì nhanh như chớp giật... Họ mà thắng thì đuổi theo địch chém giết, không để trốn thoát ; họ mà thua thì chạy rất nhanh, đuổi theo không kịp.

? – Đọc đoạn trích ở trên và xem hình vẽ, em có nhận xét gì về sức mạnh của quân Mông Cổ ?

Năm 1257, vua Mông Cổ quyết định mở cuộc tiến công quy mô lớn vào nước Nam Tống (ở nam Trung Quốc). Một cánh quân do tướng Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy được lệnh phối hợp với quân

Vân Nam đánh vào Đại Việt rồi từ đó đánh thốc lên mặt nam của nước Tống. Để thực hiện nhanh chóng kế hoạch tấn công của mình, Ngột Lương Hợp Thai sai sứ sang đòi nhà Trần đầu hàng. Trước thái độ ngang ngược của kẻ xâm lược, vua tôi nhà Trần bắt trói sứ giả, ném vào nhà giam. Mùa đông năm đó, nhân dân cả nước được lệnh gấp rút chuẩn bị kháng chiến. Một khí thế chống giặc giữ nước bùng lên rầm rộ khắp nơi, từ miền núi đến vùng biển. Vị tướng trẻ Trần Quốc Tuấn được cử chỉ huy các đạo quân lên phòng thủ biên giới. Các đội dân binh được thành lập, ngày đêm luyện tập võ nghệ, sẵn sàng cùng quân đội của triều đình chống giặc, giữ làng giữ nước.

? – Thái độ của vua tôi nhà Trần đối với sứ Mông Cổ như thế nào ?

2. Đánh bại quân cướp nước hung bạo

Chờ mãi không thấy các sứ giả trở về, quân Mông Cổ quyết định dùng quân sự xâm chiếm nước ta. Đầu năm 1258, ba vạn quân do Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy đã tràn vào nước ta, theo đường sông Thao. Sau khi đánh bại các đạo quân ta ở biên giới, đạo quân Mông Cổ tiến xuống vùng Bình Lệ Nguyên (thuộc huyện Tam Đảo – Vĩnh Phú). Một trận đánh quyết liệt diễn ra. Quân ta do vua Trần Thái Tông trực tiếp chỉ huy đã chiến đấu hết sức dũng cảm. Nhưng thế giặc đang mạnh, quân ta đành phải tạm lui để bảo toàn lực lượng. Vua tôi nhà Trần rời khỏi kinh thành, xuôi sông Hồng về đóng ở vùng Thiên Mạc (thuộc huyện Duy Tiên – Nam Hà).

Nhân dân kinh thành theo lệnh của triều đình nhanh chóng tổ chức việc sơ tán, làm vườn không nhà trống để đánh giặc.

Quân giặc tiến vào Thăng Long. Trước mắt chúng chỉ là những phố phường vắng lặng, không một bóng người, không một hạt thóc. Trong nhà ngục mấy tên sứ giả bị trói chặt bằng thừng tre. Cởi trói ra thì một tên đã chết. Giặc điên cuồng tàn phá Thăng Long. Nhưng tình thế của chúng ngày càng nguy ngập. Lương thảo hết. Mấy cánh quân khác kéo ra khỏi thành, đi cướp bóc ở các làng xung quanh bị nhân dân ta đánh cho tan tác.

Trong lúc đó, về phía ta, có một số người tỏ ra lo lắng khiến vua Trần phải hỏi ý kiến thái sư Trần Thủ Độ. Ông đã khảng khái trả lời : "Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin Bệ hạ đừng lo".

Nắm được tình hình địch, quân ta mở cuộc phản công lớn ở Đông Bộ Đầu (bến sông Hồng ở phố Hàng Than – Hà Nội). Quân Mông Cổ bị đánh bật ra khỏi kinh thành Thăng Long. Bị quân ta truy kích, chúng đưa nhau theo sông Hồng chạy ngược về phương Bắc. Đến vùng trại Quy Hóa(vùng đất ở bên bờ sông Hồng thuộc các tỉnh Vĩnh Phú, Yên Bái, Lào Cai), chúng bị dân binh của Hà Bổng, một thủ lĩnh người dân tộc miền núi, bất ngờ đổ ra đánh. Xác người, ngựa, giặc chết ngổn ngang. Số còn lại hốt hoảng thúc ngựa chạy nhanh về phía biên giới, không nghĩ gì đến chuyện cướp bóc, đốt phá nữa. Trước cảnh tháo chạy đó, nhân dân ta đã mỉa mai gọi chúng là "giặc phật".

Thế là trong vòng nửa tháng, quân dân Đại Việt thời Trần đã đánh bại hoàn toàn cuộc xâm lược của quân Mông Cổ hung bạo, do

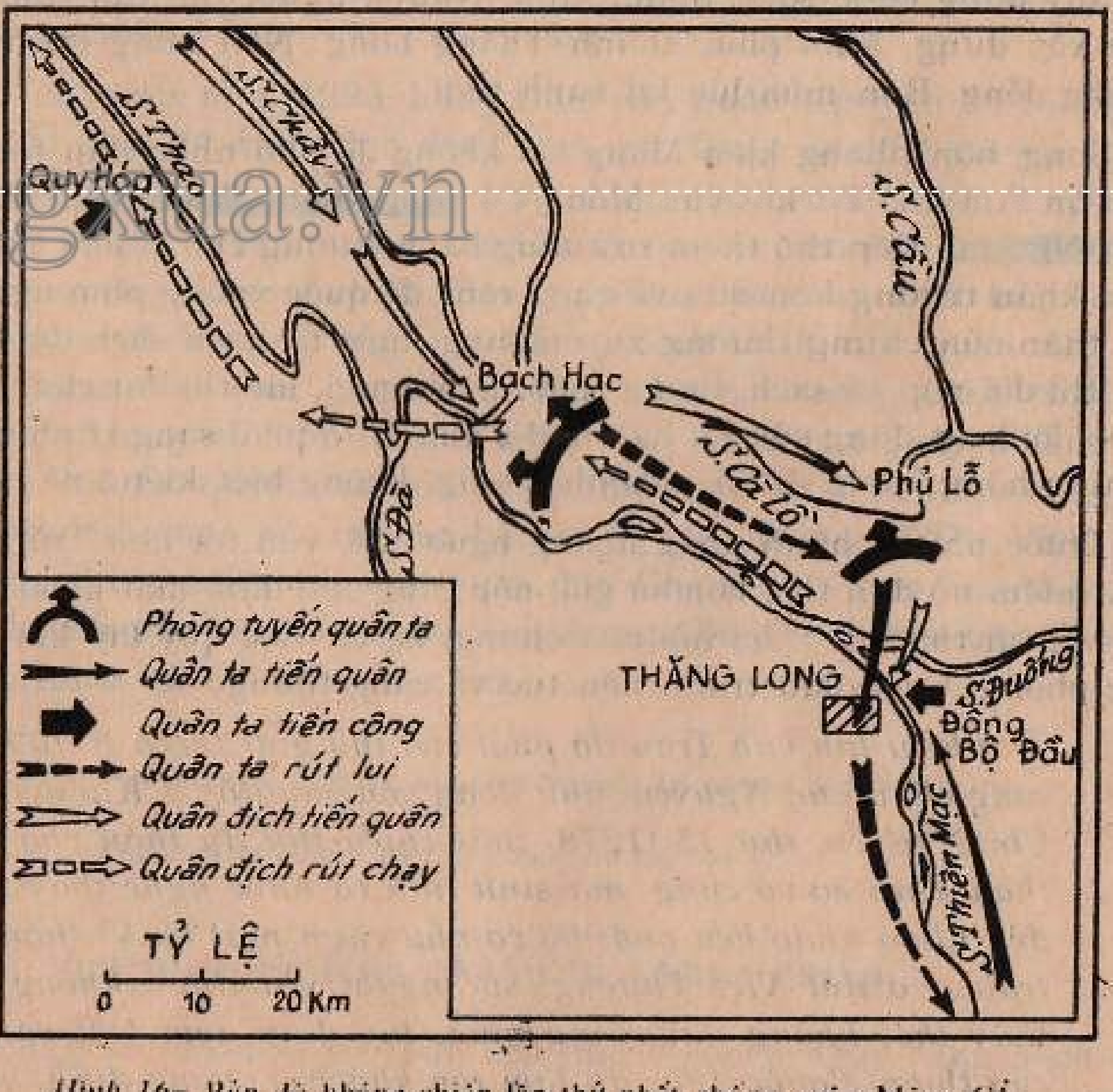

Hình 16– Bản đồ kháng chiến lần thứ nhất chống quân Mông Cổ

truongxua.vn

một tên tướng lão luyện chỉ huy. Âm mưu xâm chiếm Đại Việt của kẻ thù bị chặn đứng. Cả nước ta vui mừng và trong niềm tự hào về chiến thắng vừa qua, nhân dân càng tin tưởng hơn nữa vào sức mạnh đoàn kết chống giặc, giữ nước của mình.

?

1. Vì sao quân Mông Cổ mạnh mà vẫn bị đánh bại ?

2. Tường thuật cuộc kháng chiến của quân dân ta theo bản đồ.

II – CUỘC KHÁNG CHIẾN LẦN THỨ HAI CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC NGUYÊN (1285)

1. Những năm đấu tranh ngoại giao

Quân xâm lược Mông Cổ bị đuổi ra khỏi bờ cõi. Nhân dân ta trở lại xây dựng cuộc sống thanh bình. Những người thợ thủ công góp sức xây dựng, khôi phục thành Thăng Long. Nhà nông chăm bón ruộng đồng. Bốn mùa lúa lại xanh tươi.

Song, bọn phong kiến Mông Cổ không để cho nhân dân ta được yên ổn làm ăn. Từ khi vua Mông Cổ xâm chiếm Trung Quốc lập ra nhà Nguyên, tiếp thu thêm tư tưởng bành trướng Đại Hán, càng xúc tiến khẩn trương hơn nữa việc mở rộng đế quốc xuống phương nam. Sứ thần của chúng thường xuyên sang nước ta hạch sách đủ điều : lúc thì đòi nộp sổ sách, lương thảo, nộp người, lúc thì đặt chức quan theo dõi hoạt động của ta, lúc thì đòi vua Trần phải sang trình diện. Chúng hống hách, đi lại nghênh ngang, không biết kiêng nể ai.

Trước những hành động ngang ngược đó, vua tôi nhà Trần, một mặt niềm nở đón tiếp bọn sứ giả, nộp cống đều đặn, mặt khác, dùng lí lẽ thoái thác mọi đòi hỏi của chúng, kể cả việc quỳ lạy khi nhận sắc phong. Cuộc đấu tranh liên tục và căng thẳng.

Nhiều lần vua Trần đã phải viết thư giải thích lí do không sang chầu vua Nguyên, như đoạn văn sau đây : "Kịp đến năm Chí Nguyên, thứ 15 (1278) thấy chiếu thư dụ thần vào chầu, thần kinh sợ vô cùng, mà sinh linh cả nước nghe thấy tin ấy đều nhao nhao kêu phải bơ vơ như chim mất tổ. Vì thần sinh trưởng ở đất Việt Thường, sức người yếu đuối, không quen thủy thổ, không dạn nắng mưa, tuy được xem biết can hóa của thượng quốc được dự làm tân khách ở vương đình, nhưng

e di tuờng có sự không may xảy ra chỉ dãi phơi xương trắng để động lòng nhân của bệ hạ thương xót mà thôi, không ích chút nào cho thiên triều vậy ....".

Đồng thời, nhà Trần không quên tăng cường việc tổ chức và rèn luyện quân sĩ, sắm sửa vũ khí, thuyền chiến phòng thủ biên giới cẩn mật. Khối đoàn kết các dân tộc được củng cố. Những người đi buôn bán ở phương Bắc được lệnh thăm dò hoạt động của quân Nguyên.

? – Thái độ của vua tôi nhà Trần trước những đòi hỏi ngang ngược của nhà Nguyên như thế nào ?

2. Nhân dân Cham-pa kháng chiến

Đầu năm 1279, nhà Tống mất. Nhà Nguyên đặt nền thống trị lên toàn bộ Trung Quốc và mở đầu kế hoạch bành trướng thế lực xuống phương Nam bằng cuộc xâm lược Cham-pa.

Mùa xuân năm 1283, hàng chục vạn quân Nguyên do tướng Toa Đô chỉ huy, đã đổ bộ lên đất Cham-pa. Quân dân Cham-pa do vua và thái tử Ha-ri-git lãnh đạo, đã chiến đấu hết sức anh dũng. Kinh thành bị giặc chiếm, quân dân Cham-pa dựa vào rừng núi hiểm trở tiếp tục cuộc kháng chiến. Sau mấy lần tấn công thất bại, Toa Đô rút quân về đóng ở vùng Quy Nhơn (Bình Định) chờ quân tiếp viện. Một năm trôi qua, quân xâm lược chờ đợi trong cảnh thiếu đói nghiêm trọng và luôn luôn bị nhân dân Cham-pa quấy nhiễu. Thất vọng, Toa Đô quyết định để một cánh quân ở lại tiếp tục đóng giữ, rồi kéo đại quân rút ra phía bắc, vùng giáp biên giới Đại Việt. Cuộc kháng chiến anh dũng của quân dân Cham-pa về cơ bản thắng lợi. Kế hoạch của nhà Nguyên định dùng Cham-pa làm bàn đạp tấn công nước ta, bước đầu tan vỡ.

? – Em thử nghĩ xem, tại sao quân Nguyên lại đánh Cham – pa trước ?

– Quân dân Cham – pa chiến đấu như thế nào ?

3. Vua tôi nhà Trần chuẩn bị kháng chiến

Cùng lúc đó, bọn sứ thần của nhà Nguyên ngày càng hạch sách nhà Trần ngang ngược hơn. Biết rõ không thể trì hoãn được lâu hơn

nữa cuộc xâm lược của giặc, vua tôi nhà Trần gấp rút chuẩn bị cuộc kháng chiến. Khí thế yêu nước, chống giặc lại bùng lên trong cả nước. Mùa đông năm 1282, vua Trần họp các công hầu, quan lại ở Bình Than (Hải Hưng) "bàn kế đánh, phòng" và "chia quân đóng giữ các nơi hiểm yếu".

Bấy giờ Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản mới 15 tuổi cũng theo lệnh đến Bình Than. Vì nhỏ tuổi không được dự bàn, Toản uất ức đến nỗi tay cầm quả cam bóp nát lúc nào không biết. Sau đó, về quê, người anh hùng trẻ tuổi ấy đã tổ chức cả một đạo quân gồm trên một ngàn người, giương cao lá cờ thêu 6 chữ vàng "Phá giặc mạnh, báo ơn vua" ngày đêm luyện tập để chờ dịp cùng toàn dân đánh giặc cứu nước.

? – Qua hành động của Trần Quốc Toản, em có suy nghĩ gì về tuổi trẻ hồi ấy ?

Mùa đông năm sau, vua Trần đích thân chỉ huy cuộc tập trận của quân đội chủ lực. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, nhà quân sự tài giỏi và dạn dày kinh nghiệm, được cử làm tổng chỉ huy toàn quân. Trong những ngày theo dõi và tổng duyệt quân sĩ, ông đã viết bài "Hịch tướng sĩ" nổi tiếng, khơi dậy lòng yêu nước thiết tha và khích lệ quân sĩ xông lên giết giặc, cứu nước bảo vệ quê hương.

Bài hịch có đoạn viết : "Huống chi ta cùng các ngươi, sinh ra vào lúc rối ren, lớn lên vào buổi hoạn nạn, thấy sứ giả của giặc qua lại dọc ngang ngoài đường, khua tấc lưỡi cú vọ mà khinh rẻ triều đình, đem cái thân dê chó mà ngạo mạn tể tướng... Ta thường đến bữa quên ăn , nửa đêm vỗ gối, nước mắt giàn giụa, lòng dạ như dần, vẫn căm giận muốn ăn thịt nằm da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ nghìn xác ta bọc trong da ngựa cũng nguyện xin làm".

Đầu năm 1285, đại biểu phụ lão trong cả nước được mời về họp và dự tiệc ở điện Diên Hồng. Khi vua Trần Thánh Tông hỏi : "Giặc mạnh, nên hàng hay đánh" ? Các cụ đồng thanh hô to : "Đánh !". Muôn miệng một lời . Ý chí quyết chiến đó theo các cụ truyền về các nơi. Những đạo dân binh miền xuôi, miền ngược ngày đêm ra sức luyện tập. Các chiến sĩ yêu nước thích lên cánh tay hai chữ "Sát Thát" (1).

(1) Nghĩa là "tiêu diệt giặc Nguyên" . Thát – một tên gọi khác của quân Nguyên.

thuongmaitr

?

1. Cảm nghĩ của em khi đọc lời hịch của Trần Hưng Đạo ?

2. Những sự kiện nào thể hiện ý chí quyết chiến của quân dân thời Trần ?

III – CUỘC KHÁNG CHIẾN LẦN THỨ HAI CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC NGUYÊN

(Tiếp theo)

4. Kháng chiến bùng nổ

Cuối tháng 1 năm 1285, 50 vạn quân Nguyên do Thoát Hoan, con trai của vua Nguyên trực tiếp chỉ huy, ồ ạt tràn vào nước ta. Các trận đánh diễn ra quyết liệt ở nhiều nơi trên vùng biên giới. Thấy thế giặc đang mạnh, Trần Hưng Đạo quyết định rút quân về Vạn Kiếp (Chí Linh – Hải Hưng). Được tin quân ta không ngăn nổi giặc, vua Trần vội vã theo thuyền nhẹ đến hỏi thử Trần Hưng Đạo xem có nên hàng hay không. Câu trả lời đầy khí phách của người anh hùng dân tộc :"Xin chém đầu thần trước đã rồi hãy hàng" mà lịch sử đời đời ghi nhớ, đã khẳng định ý chí quyết chiến của toàn dân ta.

?

– Em có liên hệ gì với câu trả lời của Trần Thủ Độ trong bài học trước ?

Kế hoạch kháng chiến được bàn bạc. Sau một số trận đánh nhằm tiêu hao sinh lực giặc, quân chủ lực của ta được lệnh rút về Thăng Long. Nhân dân kinh thành lại thực hiện "Vườn không nhà trống" để chống giặc. Quân ta rút nữa về phía nam. Thoát Hoan hùng hổ kéo quân vào Thăng Long, nhưng những phố phường vắng lặng đã làm chúng khiếp sợ. Chúng rút vội về đóng ở phía bắc sông Hồng.

Cùng thời gian này, Toa Đô ở mạn nam, nhận được lệnh đánh lên các lộ Nghệ An, Thanh Hóa. Quân dân ta ở đây đã chiến đấu anh dũng nhưng không ngăn nổi thế giặc mạnh. Một số quý tộc phản bội dẫn quân ra hàng, gây thêm nhiều khó khăn cho cuộc kháng chiến.

Nắm được tình hình đó, Thoát Hoan cho mở cuộc tấn công quyết định xuống phía nam và lệnh cho Toa Đô nhanh chóng từ Thanh Hóa đánh ra, tạo thành hai gọng kìm mạnh, hòng tiêu diệt quân chủ lực của ta và bắt sống toàn bộ đầu não của cuộc kháng chiến.

Trong một trận đánh quyết liệt nhằm kìm chân giặc ở bãi Thiên Mạc (Duy Tiên – Nam Hà), tướng Trần Bình Trọng chẳng may bị giặc bắt. Ông đã tuyệt thực để nêu cao khí tiết. Khi giặc hỏi : "Có muốn làm vương không ?", ông đã lớn tiếng quát vào mặt chúng : "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc !".

Vua Trần và Trần Hưng Đạo rút quân về Thiên Trường (Nam Định) và Trường Yên (Ninh Bình). Quân giặc từ hai mặt nam, bắc đánh vào. Tình thế nguy ngập, Trần Hưng Đạo bình tĩnh tổ chức một cuộc hành quân đầy mưu trí, đánh lạc hướng giặc, rút ra mạn đông bắc (vùng Hải Phòng, Quảng Ninh). Sau đó, ông cùng vua Trần dong thuyền nhẹ xuôi vào nam, chiếm lại đất Thanh Hóa, củng cố lực lượng, chuẩn bị cuộc tổng phản công .

? – Em có suy nghĩ gì về cách đánh của quân dân ta trong buổi đầu cuộc kháng chiến ?

5. Tổng phản công đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi đất nước

Không bắt được vua tôi nhà Trần, Thoát Hoan đành phải rút về Thăng Long, rải quân đóng giữ ở nhiều nơi, chờ tiếp viện. Thêm một số quý tộc ra hàng giặc. Chúng không hiểu rằng chính trong thời gian đó, Trần Hưng Đạo đã xác định được thời điểm tổng phản công, cho người liên hệ với quân dân các vùng hiểm yếu, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng và kế hoạch đánh giặc.

Tháng 5 năm 1285, Trần Hưng Đạo tiến quân ra Bắc, cắt đôi lực lượng giặc. Cả nước được lệnh "nổi lên đánh lớn". Giặc bị đánh ở nhiều nơi. Đạo quân do Trần Quốc Toản và Nguyễn Khoái chỉ huy đã đánh bại giặc ở Tây Kết (Khoái Châu – Hải Hưng). Cùng thời gian đó, Trần Nhật Duật chỉ huy quân đánh giặc tan tành ở cửa Hàm Tử (Khoái Châu). Quân chủ lực của ta, do Trần Quang Khải chỉ huy, phối hợp với các đạo dân binh địa phương giáng cho giặc một đòn thất bại nặng nề ở bến Chương Dương (Thường Tín – Hà Tây) rồi nhân đà thắng lợi, tiến về giải phóng Thăng Long. Trước sức tiến công dữ dội của quân dân ta, Thoát Hoan hốt hoảng hạ lệnh rút quân khỏi Thăng Long. Song ở đâu chúng cũng bị quân dân ta

Hình 17– Bản đồ kháng chiến lần thứ hai chống quân Nguyên

phục kích đánh cho tơi bời. Về đến sông Sách (vùng Vạn Kiếp), chúng không ngờ rơi vào trận địa phục kích của bộ chỉ huy của ta. Từ trong

rừng, quân ta đổ ra đánh quyết liệt. Xác giặc chết ngổn ngang. Lũ bại quân còn lại tranh nhau chạy thục mạng về phía biên giới và ở đây, giữa làn mưa tên của ta, Thoát Hoan hốt hoảng chui vào ống đồng, bắt lính khiêng chạy về nước. Một cánh quân Nguyên khác rút theo hướng tây bắc, khi qua huyện Phù Ninh (Vĩnh Phú) đã bị các toán dân binh miền núi, dưới sự chỉ huy của hai thủ lĩnh Hà Đặc, Hà Chương, bất ngờ đổ ra đánh cho tan tác.

Vào lúc này, không hay biết gì về cuộc rút lui của đại quân, Toa Đô bỏ đất Thanh Hóa, theo sông Hồng kéo quân ra Thăng Long với Thoát Hoan. Vua Trần đã đem quân chặn đánh chúng ở Tây Kết. Hàng vạn tên giặc bị tiêu diệt. Toa Đô bị chém đầu.

Sau hai tháng tổng phản công quyết liệt, quân dân Đại Việt đã đánh tan tành hơn nửa triệu quân xâm lược Nguyên, một đạo quân hung bạo nhất thế giới hồi đó, đuổi chúng ra khỏi bờ cõi. Cánh quân Nguyên đóng lại ở Cham-pa được tin đó, cũng vội vàng rút về nước. Cham-pa hoàn toàn giải phóng.

?

1. Dựa vào bản đồ, em trình bày cuộc tổng phản công quyết liệt của quân dân ta.
2. Em hãy nêu những tấm gương yêu nước trong cuộc kháng chiến.
3. Thử nêu cách đánh giặc của quân dân ta trong lần thứ hai kháng chiến chống Mông - Nguyên.

thuongmaitr

IV – CUỘC KHÁNG CHIẾN LẦN THỨ BA CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC NGUYÊN (1287 – 1288)

1. Quân Nguyên lại xâm lược nước ta, trận Vân Đồn

Thất bại nặng nề ở Đại Việt làm cho vua Nguyên-Hốt Tất Liệt hết sức căm giận. Y lập tức hạ lệnh chuẩn bị đánh nước ta một lần nữa. Hàng chục vạn quân, hàng trăm thuyền chiến lớn và thuyền chở lương được huy động cho cuộc xâm lược. Nhưng lúc xuất phát, Hốt Tất Liệt dặn bọn chỉ huy : "Không được cho Giao Chỉ là nước nhỏ mà khinh thường".

Được tin đó, vua Trần hạ lệnh cho các địa phương chuẩn bị chiến đấu. Trần Hưng Đạo được cử làm tổng chỉ huy toàn quân. Trả lời câu hỏi của vua Trần về thế giặc, Trần Hưng Đạo nói : "Năm nay thế giặc dễ đánh".

Hình 18 – Bản đồ kháng chiến lần thứ ba chống quân Nguyên

Trần Khánh Dư được phong phó tướng, chịu trách nhiệm bảo vệ vùng biển đông bắc.

Tháng 12 năm 1287, quân xâm lược ồ ạt tràn vào nước ta. Cuộc kháng chiến bùng nổ. Quân bộ của giặc do Thoát Hoan chỉ huy vượt biên giới, đánh vào Lạng Sơn, rồi tiến xuống phía nam. Quân ta đánh kìm chân chúng ở một số vùng hiểm yếu. Thoát Hoan đóng đại quân lại ở Vạn Kiếp, xây dựng căn cứ định đánh lâu dài với ta.

Cùng lúc đó, 600 thuyền chiến lớn do Ô Mã Nhi, một tên tướng hung ác đã từng tham gia cuộc xâm lược lần trước, cầm đầu, theo đường biển tiến vào nước ta. Phó tướng Trần Khánh Dư tổ chức một cuộc tập kích ở Vân Đồn, nhưng bị giặc đánh lui. Ô Mã Nhi hùng hổ dong thuyền vượt qua sông Bạch Đằng, tiến về hội quân ở Vạn Kiếp.

> *Nghe tin thất bại ở Vân Đồn, vua Trần sai sứ gọi Trần Khánh Dư về chịu tội. Khánh Dư xin với sứ : "Lấy quân luật mà xử, tôi xin chịu tội. Nhưng xin cho hoãn vài ba ngày để tôi lập công chuộc tội, rồi sẽ chịu búa rìu cũng chưa muộn". Sứ nghe theo lời xin.*

Đoán biết đoàn thuyền lương của giặc thế nào cũng đến mà đại quân bảo vệ nó đã đi xa, Trần Khánh Dư gấp rút chuẩn bị trận tập kích mới. Quả nhiên, mấy ngày sau, đoàn thuyền lương của giặc do Trương Văn Hổ chỉ huy, chậm chạp tiến qua Vân Đồn. Có lệnh chiến đấu. Quân ta từ nhiều phía đổ ra đánh dữ dội. Phần lớn thuyền lương của giặc bị đắm. Số còn lại bị ta chiếm.

Đợi mãi không thấy đoàn thuyền lương đến, vào cuối tháng giêng năm 1288, Thoát Hoan xua quân tiến xuống Thăng Long. Cũng như lần trước, Thăng Long vắng lặng. Giặc điên cuồng cướp phá các làng xung quanh, nhưng đến đâu cũng bị nhân dân ta chống trả quyết liệt. Đại quân của Thoát Hoan rơi dần vào một tình cảnh hết sức khốn đốn.

? Tại sao đến Thăng Long, tình cảnh của giặc lại trở nên khốn đốn ?

2. Trận Bạch Đằng lịch sử. Kháng chiến hoàn toàn thắng lợi

Tin chiến thắng Vân Đồn báo về, Trần Hưng Đạo xác định kế hoạch phản công tiêu diệt giặc ở sông Bạch Đằng và bắt tay ngay vào việc tổ chức trận đánh.

Bạch Đằng là một khúc sông rộng trên 1 km, chảy qua địa phận các huyện Yên Hưng (Quảng Ninh) và Thủy Nguyên (Hải Phòng) rồi ra biển. Nơi đây đã diễn ra trận đánh nổi

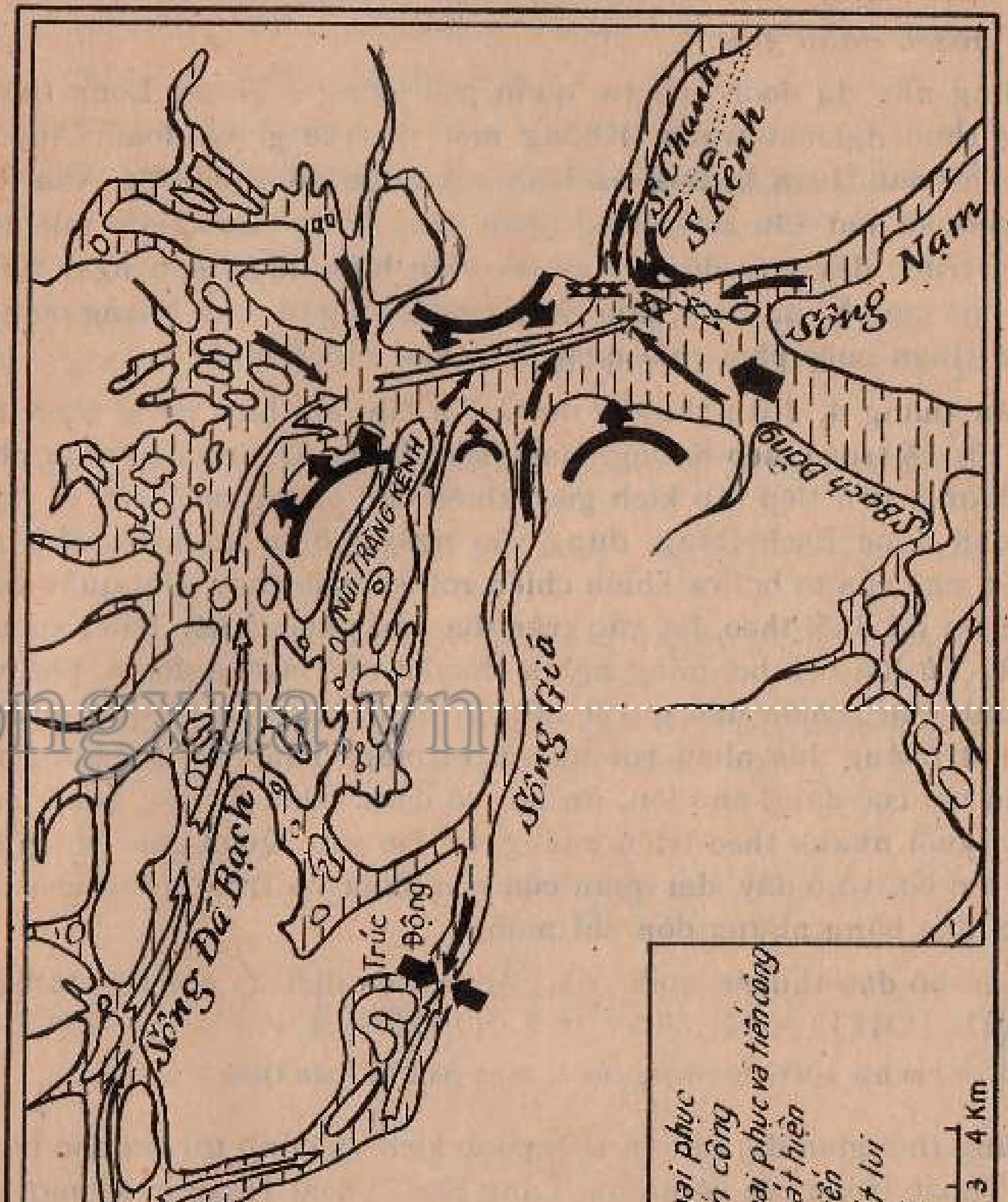

Hình 19 – Bản đồ trận Bạch Đằng 1288

tiếng của Ngô Quyền diệt quân Nam Hán. Từ tháng 3, Trần Hưng Đạo đã đến đây chuẩn bị trận địa. Ông cùng nhân dân địa phương xây dựng một số bãi cọc trên sông, tìm hiểu con nước hàng năm, bố trí các đạo quân mai phục, thống nhất kế hoạch đánh giặc.

Đúng như dự đoán của ta, quân giặc đóng ở Thăng Long thiếu lương thực nghiêm trọng. Không một tin tức gì về đoàn thuyền lương, Thoát Hoan bí thế, hạ lệnh rút quân về Vạn Kiếp. Vào lúc đó, quân ta mở đầu cuộc tổng phản công bằng việc chiếm lại một số nơi trước đây giặc đóng. Các đạo dân binh được lệnh ngày đêm quấy phá giặc ở Vạn Kiếp, làm chúng càng lúng túng và hoang mang. Thoát Hoan buộc phải chia quân làm hai, rút về nước.

Đầu tháng 4, đoàn thuyền do Ô Mã Nhi chỉ huy, có kị binh hộ tống rút về trước theo hướng sông Bạch Đằng. Quân dân ta đã phá cầu, đường, liên tiếp tập kích giặc khiến cho chúng phải vất vả lắm mới đến được Bạch Đằng, đúng vào ngày giờ ta dự kiến. Một số thuyền nhẹ của ta bơi ra khiêu chiến rồi vờ thua chạy. Đại quân của giặc hăm hở đuổi theo, lọt vào trận địa mai phục. Nước triều xuống nhanh. Từ hai bên bờ, hàng nghìn thuyền nhỏ của ta đổ ra, phá vỡ đội hình giặc, chiến đấu quyết liệt. Bị đánh bất ngờ và quá mạnh, giặc hốt hoảng đua nhau rút nhanh ra biển. Thuyền của chúng xô cả vào bãi cọc đang nhô lên, ùn lại, vỡ, đắm. Giữa lúc đó, hàng loạt bè lửa xuôi nhanh theo triều xuống, lại lao vào. Quân giặc khiếp sợ nhảy lên bờ, và ở đây, đại quân của vua Trần và Trần Hưng Đạo đã đón chúng bằng những đòn chí mạng.

Toàn bộ đạo thuyền binh của giặc bị tiêu diệt. Ô Mã Nhi bị bắt.

?	– Em hãy nói về lực lượng của ta tham gia trận Bạch Đằng ?

Cùng thời gian đó, ta liên tiếp phục kích và đánh tơi bời đạo binh theo Thoát Hoan rút về hướng Lạng Sơn. Thoát Hoan cùng một số bại tướng phải liều mạng, vượt rừng theo đường tắt mới chạy thoát được về nước.

Ngày 18 tháng 4 năm 1288, làm lễ tế mừng thắng trận trước lăng Trần Thái Tông, vua Trần Nhân Tông đã cảm xúc đọc lên hai câu :

Xã tắc hai phen chồn ngựa đá
Non sông nghìn thuở vững âu vàng.

Trong vòng ba mươi năm, kể từ ngày vó ngựa của quân Mông – Nguyên hung bạo lần đầu tiên giày xéo lên đất nước, quân dân Đại Việt ba lần chiến thắng hết sức vẻ vang. Nền độc lập của Tổ quốc được giữ vững, kế hoạch bành trướng xuống phương nam của đế quốc Mông – Nguyên bị phá tan.

Trả lời câu hỏi của vua Trần về cách chống giặc, Trần Hưng Đạo – người chỉ huy hết sức tài giỏi của các cuộc kháng chiến, người anh hùng vĩ đại của dân tộc – đã tóm tắt nguyên nhân cơ bản dẫn đến thắng lợi to lớn của quân dân ta, bằng câu :

"Mới rồi, Toa Đô và Ô Mã Nhi 4 mặt bao vây, nhưng vì vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, cả nước góp sức nên bọn giặc phải chịu bị bắt".

Phải chăng đó cũng là ý nghĩ của chúng ta ngày nay ?

?

1. Em hãy nói lực lượng của quân Mông – Nguyên trong cuộc xâm lược lần thứ ba có gì khác trước ?
2. Trần Hưng Đạo đã quyết định đánh trận Bạch Đằng vào lúc nào và như thế nào ?
3. Qua câu trả lời của Trần Hưng Đạo, em thử phân tích nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống xâm lược Mông – Nguyên.

truongxua.vn

Bài 8

PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ VĂN HÓA THỜI TRẦN

I – KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Tình hình kinh tế sau những năm chiến tranh

Những chính sách khuyến khích sản xuất và mở rộng đất đai trồng trọt của nhà Trần đã đưa lại kết quả tốt đẹp. Nhờ đó, mặc dầu bị chiến tranh tàn phá nặng nề, nền nông nghiệp nước ta vẫn nhanh chóng phục hồi và từng bước tiến lên. Ở các vùng ven biển, ven sông, các quý tộc, vương hầu tiếp tục mộ người khai hoang thành

lập điền trang. Diện tích đất đai trồng trọt tăng lên đáng kể. Ở đây, nô tì, dân nghèo nhận ruộng cày cấy, nộp tô cho chủ. Hình thức bóc lột tô hiện vật (hay tô sản phẩm) phổ biến hơn trước. Mặt khác ở các làng xã, số địa chủ không quan lại cũng tăng thêm trên cơ sở mướn người khẩn hoang hoặc mua rẻ ruộng đất tư.

Một số vương hầu có thế lực đã đào hào xây dựng dinh thự tìm cách ngăn cách thái ấp của mình với các làng xung quanh.

Tuy nhiên, ruộng đất công làng xã vẫn giữ được ưu thế về diện tích. Nó vẫn là nguồn thu nhập chính của Nhà nước. Phần lớn nông dân sinh sống bằng khẩu phần ruộng công của mình. Ở làng nào khẩu phần ruộng công ít, nông dân có thể chuyển đi nơi khác khai hoang, lập nghiệp. Đê điều, kênh máng còn được chăm sóc. Những năm mùa màng thất bát, Nhà nước chú ý miễn giảm thuế khoá hoặc chẩn cấp cho dân đói. Nông nghiệp tiếp tục phát triển.

? – Tình hình ruộng đất thời Trần có gì khác trước ?

Thủ công nghiệp nhờ đó cũng phát triển lên. Nhà Trần mở rộng hơn nữa các xưởng thủ công của mình, nhằm phục vụ tốt hơn các nhu cầu của nhà vua và quan lại. Trình độ kĩ thuật được nâng cao. Thợ thủ công Nhà nước đã làm được nhiều mặt hàng tinh xảo, đóng được thuyền lớn đi biển, chế tạo được súng.

Hình 20 – Liễn có hình cá

Trong nhân dân, nhu cầu về hàng thủ công ngày càng tăng. Một số thợ thủ công cùng nghề như gốm, dệt vải, lụa, nhuộm, làm giấy v.v... họp nhau lại, lập thành làng chuyên nghiệp. Một số khác chạy ra Thăng Long, xây dựng phường thủ công. Trình độ kĩ thuật, mặt hàng sản xuất, được thống nhất và nâng cao về chất lượng. Tuy nhiên, ở phường hay ở làng, các hộ thủ công vẫn sản xuất riêng lẻ, đôi khi phải làm ruộng, trồng vườn.

Hoạt động trao đổi, buôn bán tấp nập. Chợ búa mọc lên ở nhiều nơi, một số thương nhân lớn, buôn chuyến bằng thuyền xuất hiện. Thăng Long, Nam Xang (nay thuộc Nam Hà) có những chợ lớn, thu hút nhiều lái buôn ở các nơi. Vân Đồn vẫn là nơi tập trung việc buôn bán với các thương nhân nước ngoài.

2. Các tầng lớp xã hội

Từ sau cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên, xã hội ngày càng phân hóa. Vương hầu, quý tộc có nhiều ruộng đất. Con cháu địa chủ thường nhờ học hành, thi cử, mà thành quan lại.

Trong buổi đầu thời Trần, tầng lớp quý tộc có ý thức khá rõ về vai trò thống trị của mình. Họ chịu khó đọc sách, học binh thư, luyện tập võ nghệ. Vua tôi biết đoàn kết với nhau.

Sử cũ chép : Trần Thánh Tông thường nói với các quý tộc, vương hầu trong họ rằng : "Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông. Người nối nghiệp của tổ tông nên cùng anh em trong họ hàng cùng hưởng phú quý. Tuy bên ngoài thì là cả thiên hạ phụng sự một người tôn quý, nhưng bên trong thì ta cùng với các khanh[1] *là đồng bào ruột thịt, lo thì cùng lo, vui thì cùng vui, các khanh nên lấy câu nói ấy mà truyền cho con cháu nhớ lâu đừng quên".*

Làng xã vẫn giữ được quyền tự trị của mình. Nông dân cày ruộng công là tầng lớp bị trị đông đảo nhất. Sau chiến tranh, đặc biệt là vào thế kỉ XIV, nhiều năm bị mất mùa, đói kém. Nông dân phải bán ruộng đất, con cái. Tầng lớp nông dân tá điền, lĩnh canh ruộng đất và nộp tô cho địa chủ đông hơn trước. Số nông nô ở các điền trang của quý tộc hay nhà chùa cũng tăng thêm. Cuộc sống của họ khổ hơn tá điền và hầu như lệ thuộc vào người chủ ruộng.

(1) Khanh : chữ vua dùng để gọi người dưới, có nghĩa như "ông","anh".

Thợ thủ công và thương nhân vẫn chiếm một tỉ lệ nhỏ trong cư dân. Họ sống tập trung ở các làng hay phường thủ công hoặc sống rải rác ở các làng nông nghiệp. Nhà Trần không hạn chế việc đi lại buôn bán hay làm nghề thủ công.

Ở thời Trần, nô tì nhiều hơn trước. Những người được đưa vào sản xuất thì chuyển thành nông nô. Số còn lại phục dịch các công việc nặng nhọc trong nhà chủ. Nhà nước không ngăn cấm việc mua bán và nuôi nô tì. Thậm chí, pháp luật còn biến những người phạm tội nặng thành nô tì hoặc cho phép chủ nợ biến con nợ lâu năm thành nô tì. Con cái nô tì cũng là nô tì của chủ.

?

1. Em thử điểm lại các tầng lớp nhân dân bị trị ở thời Trần. So sánh với thời Lý.

2. Thủ công nghiệp và thương nghiệp thời Trần có những điểm gì mới ?

(LSVN I/216)

II – VĂN HÓA

3. Sinh hoạt văn hóa

Cũng như dưới thời Lý, nhân dân thời Trần ưa thích ca hát, nhảy múa, thể dục thể thao.

Mô tả một tối văn nghệ chiêu đãi sứ thần ở cung đình, sứ nhà Nguyên là Trần Cương Trung viết : "Tiếng hát, tiếng đàn hòa lẫn với nhau, khi hát thì trước hết dạo giọng rồi mới cất tiếng thành lời... Đàn bà đi chân không, mười ngón tay dịu dàng, đứng múa, hơn mười người con trai, mình đều cởi trần, kề vai, dậm chân, quây quần xung quanh mà hát theo. Mỗi hàng cứ một người giơ tay thì cả mười mấy người cùng giơ tay, khi bỏ xuống thì cũng thế".

Nghệ thuật tuồng, chèo, múa rối phát triển. Các môn cướp cầu, đấu vật, đánh phết, đua thuyền rất được nhân dân ham chuộng. Những ngày hội, ngày lễ là dịp nhân dân các làng đi lại vui chơi, trao đổi với nhau.

Nhà cửa tuy nóc rất cao, nhưng cái hiên lại thấp. Áo quần đơn giản. Nhân dân thường cạo trọc đầu, đi chân đất. Người có quan tước thì đi dép và đội chiếc khăn màu xanh thẫm. Vua dùng lụa phủ lấy búi tóc, trông xa như một đạo sĩ.

thuongmaitr

Người đời Trần không chỉ có tinh thần thượng võ mà còn yêu nước sâu sắc, biết quý trọng nghĩa khí. Nhiều thanh niên thích vào bụng mấy chữ : "Vì nghĩa quên mình". Người già được tôn kính.

Đạo Phật rất phát triển. Vua Trần Thái Tông thông thuộc giáo lí nhà Phật. Vào cuối đời mình, vua Trần Nhân Tông đi tu ở núi Yên Tử (Đông Triều – Quảng Ninh). Nhiều quý tộc, vương hầu cũng theo đó trở thành sư. Trong nhân dân, chùa chiền mọc lên khắp nơi. Một nhà nho ở thế kỉ XVI đã ghi lại :

> *"Đời nhà Trần, những người cắt tóc làm sư hầu bằng nửa số dân thường. Nhất là ở huyện Đông Triều, làng lớn có đến hơn mười chùa, làng nhỏ có chừng năm, sáu, đàn tràng cúng vái rất rộn rịp".*

Nho học ngày càng mở rộng. Các nhà nho giỏi được quý trọng. Thầy Chu Văn An được cả vua và triều đình kính nể.

? – Trong đời sống văn hóa, nhân dân ta thời Trần ham chuộng những gì ?

4. Giáo dục, văn học và khoa học kĩ thuật

uongxua.vn

Nhà Trần chăm lo phát triển giáo dục. Trường Quốc tử giám mở rộng việc đào tạo con em quý tộc, quan lại. Ở các lộ, phủ quanh kinh thành đều có trường công. Các kì thi quốc gia được tổ chức đều đặn hơn trước để kén chọn nhân tài. Số quan lại có học thức cao ngày càng nhiều. Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi trong một lần đi sứ đã đối đáp trôi chảy với cả triều thần Trung Quốc, làm thơ đề quạt được vua Nguyên phong trạng nguyên lần thứ hai.

Thơ văn chữ Hán phát triển như mùa hoa nở rộ. "Hịch tướng sĩ" của Trần Hưng Đạo chan chứa tình cảm yêu nước và lòng nhân đạo. "Phú sông Bạch Đằng" của Trương Hán Siêu sôi nổi và dạt dào ý thức dân tộc.

Chữ Nôm[1] xuất hiện từ trước, song đến thời Trần được nhiều người dùng để sáng tác văn học như Nguyễn Thuyên, Nguyễn Sĩ Cố.

Năm 1272, nhà sử học Lê Văn Hưu soạn xong bộ "Đại Việt sử kí" gồm 30 quyển, khẳng định sự tồn tại độc lập lâu dời của đất nước ta. Trong triều, bộ phận chuyên viết sử hoạt động đều đặn.

---

(1) Chữ Nôm : chữ viết của dân tộc ta ngày xưa, tạo nên trên cơ sở chữ Hán.

Về khoa học kĩ thuật bấy giờ cũng có nhiều thành tựu giá trị. Trần Hưng Đạo viết "Binh thư yếu lược" tổng kết kinh nghiệm chiến tranh qua các đời. Đặng Lộ chế tạo thành công chiếc *Lung linh nghi* để dự báo thời tiết. Trần Nguyên Đán ghi chép sự biến đổi của trăng, sao. Tuệ Tĩnh nghiên cứu thuốc nam và tổng kết việc chữa bệnh bằng thuốc nam trong nhân dân.

Những nhu cầu bức thiết về quốc phòng đã dẫn đến chỗ Hồ Nguyên Trừng và các thợ thủ công giỏi chế tạo ra súng Thần cơ và đóng các loại thuyền lớn đi biển.

? - Những thành tựu khoa học, kỹ thuật có giá trị của nước ta ở thời Trần là gì ?

5. Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc

Phát triển hơn nữa nền văn hóa Thăng Long, các nghệ nhân thời Trần đã tạo nên những công trình nghệ thuật mới có giá trị. Ở Thăng Long, hoàng thành và cung điện được xây dựng lại. Cung Thái Thượng

thuongmaitr

Hình 21 – Tháp chùa Phổ Minh

hoàng ở Tức Mạc (Mĩ Lộc – Nam Hà) bề thế và đẹp. Chùa Phổ Minh (ở ngoại thành Nam Định) có nhà thủy tạ để lễ hội, có đỉnh đồng lớn nặng hơn một ngàn cân, ngoài chùa dựng tòa tháp 14 tầng, cao trên 20m, sừng sững giữa một cái hồ vuông. Tháp Bình Sơn ở huyện Lập Thạch (Vĩnh Phú) 11 tầng, cao 15m, v.v. Những kinh nghiệm phong phú về kiến trúc được đúc kết lại trong việc xây dựng thành Tây Đô (còn gọi là thành nhà Hồ) ở huyện Vĩnh Lộc (Thanh Hóa).

Thành hình chữ nhật, chu vi khoảng 3 km, mặt ngoài được ghép bằng những khối đá hình hộp, mặt mài phẳng và nhẵn, dài 2m, cao 1m và dày 0,70m. Có viên lớn dài đến 4m, nặng hàng chục tấn. Các cổng cao 8 – 9m được xây dựng rất công phu, bằng việc lắp ghép các viên đá, cuốn tròn theo kiểu tổ tò vò : độ vững chắc của cổng dựa chủ yếu vào sức nén của các lớp đá.

Hình 22 – Hình rồng trên bệ Tam thế

Ở các lăng mộ vua và quý tộc có nhiều tượng : hổ, sư tử, trâu, chó và các quan hầu bằng đá. Hình rồng khắc trên đá hay tạo thành tượng đá có những nét thay đổi : trau chuốt hơn và thêm cặp sừng,

nom có vẻ uy nghiêm. Nghệ thuật chạm, khắc trên gỗ rất phat triển. Đề tài quen thuộc là những hình rồng uốn khúc, cảnh dâng hoa, tấu nhạc, các hình hoa lá... Chúng ta cũng thấy xuất hiện hàng loạt tranh vẽ phong cảnh, chân dung.

?

1. Em kể lại các công trình nghệ thuật lớn thời Trần – Hồ và nêu lên nhận xét.

2. Em thử tìm hiểu xem chữ Nôm khác chữ Hán thế nào ?

3. Những người dùng chữ Nôm để sáng tác văn học là ai ? Việc đó nói lên điều gì ?

Bài 9

CUỘC ĐẤU TRANH CỦA NÔNG DÂN NỬA SAU THẾ KỈ XIV

1. Tình hình kinh tế và đời sống nhân dân

Từ giữa thế kỉ XIV, tình hình đất nước ngày càng xấu đi. Chế độ sở hữu lớn về ruộng đất ngày càng phát triển. Các vương hầu, quý tộc tìm mọi cách mở rộng điền trang, tăng cường bóc lột nông nô và nô tì. Một số quan lại, tướng tá, nhờ ruộng đất do Nhà nước ban cấp hay mua được mà trở thành địa chủ. Tầng lớp địa chủ ngày càng đông. Trong lúc đó, ruộng đất công ở các làng bị thu hẹp lại. Khẩu phần ruộng đất của nông dân giảm xuống. Cuộc sống của người nông dân tự do trở nên bấp bênh. Qua một vài năm mất mùa, lụt lội đói kém, những người nghèo đã phải bán ruộng đất, con cái xin vào nhà chùa cày ruộng kiếm ăn hoặc bán mình làm nô tì cho các vương hầu.

Cuộc sống của nhân dân sa sút nghiêm trọng. Nhưng vua quan nhà Trần lại lao vào cuộc sống ăn chơi, sa đọa. Vua Trần Dụ Tông bắt dân đào hồ lớn trong hoàng thành, chất đá giữa hồ làm núi. Y lại bắt dân chở nước mặn từ biển Đông về đổ vào một cái hồ nhỏ để nuôi hải sản. Nhân dân các nơi phải phục dịch khổ sở. Kho quỹ Nhà nước bị phung phí trong lúc nguồn thu nhập chính ngày càng thu hẹp. Để bù vào đó, nhà Trần bắt mỗi người dân bất kì giàu

nghèo, có ruộng đất hay không có ruộng đất, hàng năm phải nộp ba quan tiền thuế đinh.

Các quan lại có quyền thế ngang nhiên vơ vét của dân để làm giàu. Khi bị vua trách mắng, tướng Trần Khánh Dư đã trả lời : "Tướng là chim ưng, quân dân là vịt, lấy vịt mà nuôi chim ưng thì có gì là lạ !" Bất bình trước cảnh nhũng nhiễu của vương hầu, quan lại, nhà nho Nguyễn Ứng Long đã viết mấy câu thơ :

Ruộng lúa ngàn dặm đỏ như cháy
Đồng quê than vãn trông vào đâu ?
...Lưới chài quan lại còn vơ vét
Máu thịt nhân dân cạn nửa rồi[1]

Sự quan tâm của Nhà nước đến đê điều, đến sản xuất như trước đây không còn nữa. Nền kinh tế bị đình đốn. Những nạn đói nối tiếp nhau. Ở nhiều nơi, nông dân nghèo bỏ làng đi phiêu bạt, kiếm ăn. Chế độ nô tì phát triển. Cuộc sống và quyền tự do của người nông dân làng xã bị đe dọa nghiêm trọng.

? – Vì sao cuộc sống của người nông dân đời Trần bị đe dọa nghiêm trọng ?

uongxua.vn

2. Nông dân, nô tì nổi dậy đấu tranh

Không thể chịu nổi ách bóc lột và áp bức tàn tệ của giai cấp thống trị, nông dân, nô tì đã đứng dậy, cầm vũ khí đấu tranh. Từ giữa thế kỉ XIV, nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân, nô tì đã bùng nổ ở vùng đồng bằng và trung du. Tiêu biểu nhất trong đó là các cuộc khởi nghĩa của Ngô Bệ, Tề và Phạm Sư Ôn.

Năm 1344, nhân mấy năm liền mất mùa, đói kém, nông dân nghèo đã nổi dậy ở vùng núi Yên Phụ (Kinh Môn – Hải Hưng) dưới sự lãnh đạo của một người tên là Ngô Bệ. Nghĩa quân giương cao lá cờ "chẩn cứu dân nghèo", đánh chiếm cả một vùng rộng lớn thuộc hai huyện Kinh Môn và Chí Linh (thuộc tỉnh Hải Hưng). Triều đình nhiều lần mang quân đến đàn áp nhưng nghĩa quân đã chiến đấu mưu trí và anh dũng duy trì cuộc khởi nghĩa suốt 16 năm trời.

Từ sớm, nông nô, nô tì ở nhiều nơi đã bỏ trốn khỏi điền trang của chủ, lẻ tẻ đấu tranh. Năm 1354, một người tên là Tề, tự xưng

(1) Nguyên văn bằng chữ Hán

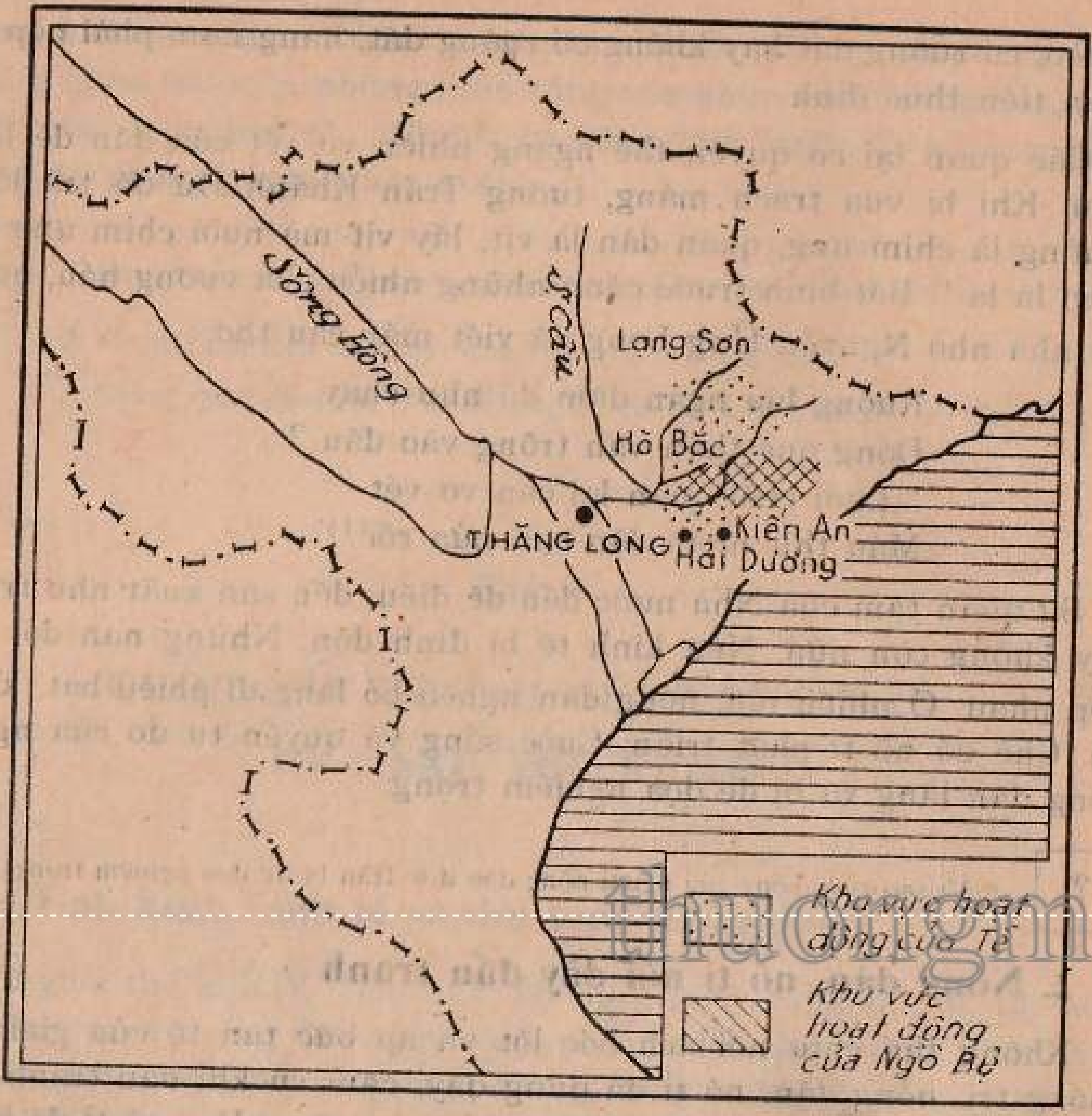

Hình 28 – Bản đồ khởi nghĩa nông dân

là cháu ngoại của Trần Hưng Đạo, tụ tập nông nô, nô tì khởi nghĩa. Nghĩa quân hoạt động mạnh mẽ ở khắp các vùng thuộc Lạng Giang (Hà Bắc) và Nam Sách (Hải Hưng). Triều đình và các vương hầu phải hợp sức trói buộc nô tì ở các điền trang, cô lập nghĩa quân và làm cho lực lượng của họ tan rã.

Năm 1390, một cuộc khởi nghĩa lớn do nhà sư Phạm Sư Ôn cầm đầu đã bùng nổ ở Quốc Oai (Hà Tây). Nghĩa quân tiến về Thăng Long, đánh bại quân triều đình và đóng giữ kinh thành 3 ngày. Vua Trần phải chạy về địa phương, huy động một lực lượng quân sự lớn, đánh mạnh mới đàn áp được cuộc khởi nghĩa.

Cho đến gần cuối thế kỉ XIV, cuộc đấu tranh của nông dân vẫn chưa hoàn toàn chấm dứt.

thuongmaitr

?

1. Tại sao bây giờ nông dân và nô tì lại nổi dậy đấu tranh ?

2. Em hãy điểm lại lực lượng tham gia và vùng đất hoạt động của các cuộc khởi nghĩa.

Bài 10

NHÀ HỒ THAY NHÀ TRẦN

1. Nhà Trần suy vong

Cuộc đấu tranh của nông dân, nông nô, nô tì tuy thất bại nhưng đã làm cho nhà Trần suy yếu. Làng xã tiêu điều. Dân đinh giảm sút. Trong triều, số quan lại xuất thân từ thi cử ngày càng đóng vai trò quan trọng. Họ không chịu thừa nhận nguyên tắc "ai là con cháu quan lại mới được làm quan". Sự sa đọa của các vua Trần tạo điều kiện cho một số viên quan bất tài nhưng giỏi nịnh, nhảy lên các địa vị chủ chốt. Thầy giáo vua kiêm hiệu trưởng trường Quốc tử giám là Chu Văn An dâng sớ xin chém 7 tên nịnh thần. Vua Trần không nghe. Ông liền xin từ chức, về quê dạy học. Sự tranh chấp, giết hại lẫn nhau xảy ra ngay trong gia đình nhà vua. Một số đồng vương hầu giàu có, tìm cách thu vén cuộc sống của mình ở điền trang, thái ấp. Họ không quan tâm lắm đến việc triều đình. Buồn chán và bế tắc, vị quan đầu triều là Trần Nguyên Đán đã phải than rằng :

Đọc sách triệu trang mà bất lực
Bạc đầu xin phụ nỗi thương dân[1]

Giữa lúc đó thì, từ phương nam, quân Cham-pa nhiều lần đánh lên, cướp phá. Có những lần quân Cham-pa đã vượt biển, đánh vào Thăng Long, buộc vua tôi nhà Trần phải bỏ chạy, kinh thành bị tàn phá, nhân dân cơ cực lầm than.

Vào cuối thế kỉ XIV, khi quân Cham-pa hoàn toàn bị đánh bại thì nhà Minh bắt đầu hạch sách. Khi thì chúng đòi cung cấp lương thực, khi thì chúng đòi nộp cây ăn quả, dâng các nhà sư... Triều đình nhà Trần càng thêm bối rối. Nguy cơ ngoại xâm đã đến gần.

---

(1) Nguyên văn bằng chữ Hán

? – Em hãy điểm lại những khó khăn chính của nước ta thời cuối Trần.

Đứng trước những khó khăn chồng chất đó. Nhà nước Trần mục nát và suy yếu không còn đủ sức giữ vững vai trò của mình nữa. Sự sụp đổ của nhà Trần trở thành không thể tránh khỏi.

2. Những cải cách của Hồ Quý Ly

Giữa tình cảnh phức tạp và khó khăn đó, một nhân vật mới xuất hiện. Đó là Hồ Quý Ly.

Hồ Quý Ly vốn là con cháu một gia đình quan lại cao cấp họ Lê. Ông là một người có tài, lại có hai người cô lấy vua nên sớm được cất nhắc vào hàng đại thần. Từ đó, bằng những thủ đoạn khôn khéo, Hồ Quý Ly nhảy lên được địa vị cao cấp nhất trong triều.

Hồ Quý Ly cải tổ hàng ngũ võ quan, thâu tóm mọi quyền hành chính trị, quân sự. Sau khi đã tạo được một thế đứng tương đối vững chắc, ông quyết định thi hành một số cải cách nhằm cứu vãn Nhà nước đang lung lay sắp đổ.

Năm 1396, ông cho phát hành tiền giấy và hạ lệnh cấm dùng tiền đồng. Năm 1397, ông ban hành chính sách hạn điền, quy định số lượng

Hình 24 – Thành nhà Hồ

thuongmaitr

ruộng đất mà các vương hầu, quan lại, địa chủ được phép có. Số ruộng đất thừa ra phải nộp cho Nhà nước.

Năm sau đó, ông ra lệnh đo đạc ruộng đất ở các địa phương, đồng thời chấn chỉnh lại việc học tập, thi cử, giảm bớt số sư tăng

Năm 1400, Hồ Quý Ly truất ngôi vua Trần và tự lập làm vua. Nhà Hồ thành lập. Những năm tiếp sau, Hồ Quý Ly ban hành chính sách hạn nô (quy định mỗi hạng người chỉ được nuôi một số nô tì nhất định), phép đánh thuế mới v.v..

Hồ Quý Ly còn cho làm lại sổ hộ để tăng quân số, lấy người đi xây dựng và củng cố các công trình phòng thủ đất nước. Triều đình nhà Hồ kiên quyết chống lại những hành động xâm lược của quân Minh. Tuy nhiên, bên cạnh đó, Hồ Quý Ly lại cho quân đi đánh Cham-pa.

> *Năm 1397, với ý định rời đô vào Thanh Hóa, Hồ Quý Ly bắt nhân dân cả nước góp phần xây dựng thành Tây Đô ở An Tôn (huyện Vĩnh lộc).*

Những cải cách của Hồ Quý Ly đã đụng chạm đến hầu hết các tầng lớp nhân dân và các mặt hoạt động của xã hội, từ chính trị, quân sự cho đến văn hóa, giáo dục. Những cải cách đó ít nhiều góp phần hạn chế tệ tập trung ruộng đất của giai cấp quý tộc địa chủ, làm suy yếu thế lực của dòng họ Trần. Nguồn thu nhập của Nhà nước trung ương tăng lên đáng kể.

Song những cải cách của Hồ Quý Ly chưa giải quyết được những yêu cầu bức thiết về cuộc sống, về quyền tự do của nhân dân. Nông nô, nô tì của tư nhân trở thành của Nhà nước. Nông dân phải đi lao dịch nhiều hơn trong lúc nông nghiệp tiếp tục sa sút.

Tiền giấy không làm cho việc mua bán được thuận lợi hơn. Chính sách thuế mới buộc nhân dân phải đóng góp phức tạp. Thêm vào đó, việc Hồ Quý Ly cướp ngôi khiến cho các nho sĩ, quan lại hoang mang và bất bình. Tầng lớp quý tộc họ Trần có điều kiện tìm cách chống đối.

?

1. Nguyên nhân nào làm cho sự sụp đổ của nhà Trần trở thành không thể tránh khỏi ?
2. Nêu các chính sách cải cách của Hồ Quý Ly và nói tác dụng của nó.
3. Thái độ của các tầng lớp cư dân đối với cuộc cải cách của Hồ Quý Ly như thế nào ?

Chương IV

NƯỚC ĐẠI VIỆT THẾ KỈ XV. NHÀ LÊ

Bài 11

KHÁNG CHIẾN CỦA NHÀ HỒ VÀ KHỞI NGHĨA CỦA QUÝ TỘC TRẦN

1. Kháng chiến của nhà Hồ

Nhà Hồ thay thế nhà Trần, đất nước vẫn gặp khó khăn, lại thêm nhiều năm mất mùa. Nặng nề nhất là nạn đói năm 1405, triều đình phải sai các quan phủ huyện bắt nhà giàu bán thóc gạo cho dân. Đời sống của nhân dân vô cùng cơ cực.

Trong lúc đó, nhà Minh gấp rút chuẩn bị cuộc chiến tranh xâm lược nước ta.

Nhà Minh là một triều đại phong kiến Trung Quốc do Chu Nguyên Chương thành lập năm 1368. Lúc đầu Chu Nguyên Chương hoạt động ở vùng Đông Ngô, tự xưng là Ngô vương, nên nhân dân ta thời bấy giờ gọi quân Minh là quân Ngô.

Thấy trước âm mưu của địch, Hồ Quý Ly tuyển thêm binh lính, đúc vũ khí, đóng chiến thuyền và đặc biệt xây dựng một phòng tuyến từ bờ nam sông Đà dọc theo sông Hồng nối với sông Thái Bình đến Lục Đầu.

Cuối năm 1406, hơn hai mươi vạn quân Minh và hàng chục vạn dân phu do viên tướng Trương Phụ cầm đầu, tràn vào nước ta.

Sau vài trận đánh nhỏ, quân nhà Hồ lui về cố thủ thành Đa Bang (Ba Vì, Hà Tây) giữa phòng tuyến sông Hồng bảo vệ Đông Đô (Hà Nội).

Tháng 1 năm 1407, cứ điểm Đa Bang mất, phòng tuyến sông Hồng bị phá vỡ. Quân nhà Hồ phải bỏ Đông Đô lui về Thanh Hóa tổ chức phản công, nhưng đều bị thất bại. Hồ Quý Ly và nhiều quan lại chạy về Nghệ An. Cuối tháng 6 năm 1407, cha con Hồ Quý Ly bị bắt ở cửa biển Kì La (Cửa Nhượng, Hà Tĩnh). Cuộc kháng chiến của nhà Hồ thất bại.

Nguyên nhân chủ yếu là nhà Hồ đã tiến hành kháng chiến đơn độc, không đoàn kết được toàn dân cùng đánh giặc, lại bị nhân dân xa rời oán ghét. Đúng như tướng quốc Hồ Nguyên Trừng, con trai cả của Hồ Quý Ly, đã nói trước triều đình : "Tôi không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo".

? – Vì sao cuộc kháng chiến của nhà Hồ mau chóng bị thất bại ?

2. Ách thống trị của nhà Minh

Sau khi đánh bại nhà Hồ, giặc Minh xây dựng bộ máy thống trị trên khắp nước ta. Chúng đổi nước ta thành quận Giao Chỉ, coi như đất đai của Trung Quốc. Chúng thành lập chính quyền, dựng đồn lũy từ quận đến các phủ huyện nhằm bóc lột và đàn áp nhân dân ta.

Giữa năm 1407, giặc Minh đã vơ vét của ta hơn hai vạn voi ngựa, trâu và ngót một vạn thuyền lớn. Quân giặc đến đâu cũng mổ bụng moi gan, thiêu sống những người yêu nước, triệt hạ nhiều làng xóm, hòng dập tắt ngọn lửa đấu tranh của nhân dân ta.

Bọn cướp nước đặt ra hàng trăm thứ thuế nặng nề, tăng thuế ruộng đất lên gấp ba. Chúng lại bắt cả phụ nữ, trẻ em, thầy thuốc, thợ khéo mang về Trung Quốc.

Bọn xâm lược còn cưỡng bức dân ta phải từ bỏ cả phong tục tập quán lâu đời để sống rập khuôn theo kiểu người Minh. Chúng thiêu hủy phần lớn sách vở và mang về Trung Quốc nhiều sách có giá trị. Chúng phá hoại nhiều công trình văn hóa như lăng, miếu, đền, chùa, chuông Quy Điền, vạc Phổ Minh. Những việc làm trên nhằm bắt nhân dân ta cắt đứt với mọi truyền thống tốt đẹp của tổ tiên.

Mặt khác, quân Minh lại hạn chế việc học hành, bắt thầy giáo, bỏ trường học, thực hiện chính sách ngu dân. Chúng đào tạo nhiều thầy bói, thầy cúng, thầy phù thủy truyền bá mê tín dị đoan.

? – Em hãy nêu những thủ đoạn thống trị tàn bạo và thâm độc của nhà Minh.

3. Khởi nghĩa của quý tộc Trần

Sau khi chiếm được nước ta, giặc Minh lùng bắt con cháu nhà Trần. Trần Ngỗi (Trần Quỹ) con vua Trần Nghệ Tông chạy về Yên Mô (Ninh Bình). Một người yêu nước là Trần Triệu Cơ đón Trần Ngỗi lập làm minh chủ.

Tháng 11 năm 1407, Trần Ngỗi xưng làm hoàng đế Giản Định. Đầu năm sau, nghĩa quân Trần Ngỗi kéo vào Nghệ An tập hợp lực lượng, xây dựng căn cứ. Đặng Tất ở Tân Bình (Quảng Bình, Bắc Quảng Trị) và Nguyễn Cảnh Chân ở Thăng Hoa (Quảng Nam) nổi lên hưởng ứng, gia nhập nghĩa quân.

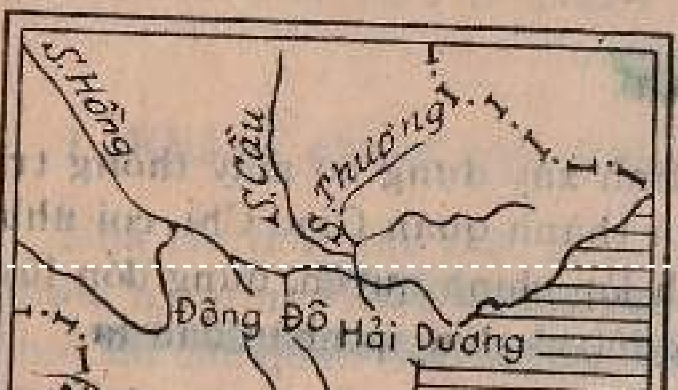

Hình 25 – Bản đồ cuộc khởi nghĩa Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng

Năm sau, Trần Ngỗi từ Nghệ An tiến ra Thanh Hóa. Nghĩa quân mở nhiều đợt tiến công ra Bình Than, Hàm Tử (Hải Hưng).

Sự phát triển mạnh mẽ của nghĩa quân đã đẩy quân Minh vào thế bị động, không đủ sức chống đỡ. Chúng phải cầu cứu viện binh. Cuối năm 1408, viện binh địch từ Vân Nam (Trung Quốc) kéo sang phối hợp với quân Đông Quan tiến đánh nghĩa quân ở Bô Cô (Nam Hà). Quân ta phản công quyết liệt, chính bản thân Trần Ngỗi tự mình đánh trống trận, động viên quân sĩ. Trận này quân ta đại thắng, địch bị tiêu diệt hàng vạn tên.

Sau thất bại Bô Cô, quân Minh rút về Đông Quan (Hà Nội) cố thủ. Nhưng nội bộ nghĩa quân lại nghi ngờ lẫn nhau. Trần Ngỗi giết hại các tướng Đặng Tất, Nguyễn Cảnh Chân khiến cho cuộc khởi nghĩa bị tan rã.

Trước cái chết oan uổng của Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân, hai người con là Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị cùng với nhiều nghĩa quân bỏ Trần Ngỗi vào Nghệ An tìm Trần Quý Khoáng (cháu vua Trần Nghệ Tông) lập làm minh chủ.

Tháng 4 năm 1409, Quý Khoáng lên ngôi vua lấy hiệu là Trùng Quang. Ngay sau đó, nghĩa quân Trần Quý Khoáng đã mở rộng phạm vi kiểm soát từ Thanh Hóa vào đến Thăng Hoa. Lực lượng lớn mạnh, nghĩa quân tiến ra đến Bình Than, Hạ Hồng (Hải Hưng).

Nhà Minh một lần nữa điều binh sang nước ta. Lần này, chúng lại cử viên tướng già Trương Phụ nham hiểm, tàn bạo chỉ huy. Vì tương quan lực lượng quá chênh lệch, bất lợi cho ta, nghĩa quân phải bỏ đồng bằng sông Hồng rút vào Thanh Hóa.

Giữa năm 1411, quân giặc được tăng thêm viện binh đánh vào Thanh Hóa. Nghĩa quân phải rút vào Thuận Hóa.

Tháng 8 năm 1413, quân giặc đánh vào Thuận Hóa. Nghĩa quân chặn địch ở Ái Tử (Quảng Trị) chiến đấu hết sức mình.

uongxua.vn

Sau trận này, lực lượng của Trần Quý Khoáng suy yếu dần. Đầu năm 1414, Trần Quý Khoáng, Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Dị lần lượt bị bắt. Tướng giặc hết sức dụ dỗ nhưng các thủ lĩnh không chịu đầu hàng. Nguyễn Cảnh Dị, khi bị bắt, mắng vào mặt Trương Phụ "chính ta muốn giết mày". Đặng Dung trước khi chết còn làm bài thơ "Cảm hoài" thể hiện lòng uất giận vì chưa trả xong nợ nước.

Các phong trào yêu nước từ năm 1407 đến năm 1417 tuy có lúc mạnh mẽ, quyết liệt nhưng lần lượt bị thất bại vì hoạt động rời rạc. Quân Minh đã lợi dụng nhược điểm trên mà đàn áp hết cuộc khởi nghĩa này đến cuộc khởi nghĩa khác.

?

1. Em hãy dùng bản đồ trình bày hai cuộc khởi nghĩa Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng.
2. Các thủ lĩnh nghĩa quân Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị đã chiến đấu và hi sinh như thế nào ?

Bài 12

KHỞI NGHĨA LAM SƠN

(1418 - 1425)

I – THỜI KÌ Ở MIỀN TÂY THANH HÓA

1. Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa

Các cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi, Trần Quý Khoáng bị thất bại, nhưng ngọn lửa đấu tranh bất khuất của nhân dân ta vẫn duy trì và ngày càng bốc mạnh. Tiêu biểu nhất là khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo.

Lam Sơn nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là căn cứ đầu tiên của cuộc khởi nghĩa, là quê hương của anh hùng dân tộc Lê Lợi. Lam Sơn nằm bên tả ngạn sông Chu, là khoảng nối giữa đồng bằng và miền núi, là nơi giao tiếp của các dân tộc anh em Việt, Mường, Thái. Mảnh đất này có nhân dân dũng cảm và đoàn kết, có địa thế hiểm trở mà chính quyền địch lại non yếu, là vùng đất thuận lợi cho phong trào nổi dậy chống Minh.

Lê Lợi là người yêu nước, thông minh, hào hiệp và có uy tín lớn. Ông rất đau lòng trước cảnh nước mất, nhân dân lầm than cơ cực, quyết chí khởi nghĩa cứu nước, cứu dân. Quân Minh nhiều lần lấy chức tước mua chuộc, lấy tiền của dụ dỗ nhưng tất cả các mưu kế gian xảo của chúng đều bị thất bại. Ông thường nói : "Kẻ trượng phu ở đời nên cứu nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn đời, chứ đâu lại chịu bo bo làm đầy tớ cho người". Ông tuyên bố : "Ta dấy quân đánh giặc không phải vì tham phú quý, mà vì muốn cho ngàn đời sau biết rằng ta không chịu thần phục quân giặc tàn ngược". Lê Lợi đã dốc hết tài sản chiêu tập nghĩa sĩ, xây dựng lực lượng.

Nghe tin Lê Lợi dựng cờ tụ nghĩa ở Lam Sơn, hào kiệt khắp nơi tìm đến ngày càng đông. Đầu năm 1416, bộ chỉ huy đầu tiên được thành lập gồm 19 người do Lê Lợi đứng đầu làm lễ thề ở Lũng Nhai, nguyện cùng sống chết có nhau, quyết đánh giặc cứu nước.

Nguyễn Trãi là một trong những người đến Lam Sơn sớm nhất.

Nguyễn Trãi học rộng, tài cao, có lòng yêu nước nồng nàn, thương dân hết mực. Sau khi cuộc kháng chiến của nhà Hồ bị thất bại, ông bị giam giữ ở thành Đông Quan. Quân Minh tìm hết cách mua chuộc. Nợ nước, thù nhà nung nấu tâm tư, nhưng ông vẫn nhẫn nhục chịu đựng để che mắt quân thù và chờ thời cơ.

Mùa xuân năm 1418 (mồng 2 tết âm lịch), Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn, tự xưng là Bình Định Vương rồi truyền hịch đi khắp nơi kêu gọi nhân dân đứng lên hợp sức giết giặc.

?

- Vùng đất Lam Sơn có đặc điểm gì ?
- Lê Lợi là người như thế nào ?
- Nguyễn Trãi là người như thế nào ?

2. Những năm đầu hoạt động

nongxua.vn

Lực lượng ban đầu của nghĩa quân không quá 2.000 người, lương thực, vũ khí rất thiếu thốn. Nghĩa quân đã bất chấp khó khăn gian khổ, dựa vào địa thế hiểm trở của núi rừng Thanh Hóa, quyết đương đầu với quân xâm lược đông gấp bội.

> "Dựng gậy làm cờ, dân chúng bốn phương tụ họp. Hòa rượu cùng uống, binh sĩ một dạ cha con".
>
> *(Cáo bình Ngô)*

Mới chỉ mười ngày sau khi dựng cờ khởi nghĩa, nghĩa quân đã đánh trận đầu với giặc và thắng lợi, tiêu diệt hàng ngàn tên, thu nhiều vũ khí. Ba ngày sau, giặc tới đánh úp, nghĩa quân phải rút lên núi Chí Linh. Ngày tháng ở núi này là thử thách quyết liệt, lương thực cạn kiệt, nghĩa quân phải ăn măng tre, rễ củ thay cơm.

Giặc thấy thế càng xiết chặt vòng vây, cố tìm chủ tướng Lê Lợi. Trước tình thế hết sức nguy hiểm, Lê Lai liền cải trang làm Lê Lợi chỉ huy một đội quân cảm tử xưng là chúa Lam Sơn, xông thẳng vào vòng vây của địch. Quân Minh dồn hết sức hướng về phía Lê Lai. Chúng bắt được Lê Lai và đội quân cảm tử đem giết hết. Tưởng đã giết được Lê Lợi và chủ lực của nghĩa quân, giặc rút khỏi Chí Linh.

Sự hi sinh cao cả của Lê Lai cùng đội cảm tử cứu cuộc khởi nghĩa thoát nguy bảo vệ được chủ tướng, bộ chỉ huy và lực lượng chủ yếu.

Lê Lai người dân tộc Mường, quê ở làng Dựng Tú nay thuộc xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, Thanh Hóa, là một trong 19 người dự hội thề Lũng Nhai đầu năm 1416. Gia đình Lê Lai có 5 người tham gia khởi nghĩa thì 4 người hi sinh ở các chiến trường. Vua Lê Thánh Tông khen ngợi : "Thái Tổ (chỉ Lê Lợi) dựng nghiệp lớn, cả nhà rong ruổi, khắp đông tây vì nước bỏ mình".

Hai tháng sau khi quân giặc đã rút, nghĩa quân lại trở về Lam Sơn, phục hồi lực lượng, củng cố căn cứ. Được nhân dân hết lòng ủng hộ, nghĩa quân có thêm quân số, lương thực, lại tiếp tục xây dựng thành lũy.

Giữa năm 1419, quân Minh tiến công Lam Sơn. Nghĩa quân lại rút lên núi Chí Linh lần thứ hai.

Đầu năm 1423, quân Minh huy động 10 vạn quân mở cuộc vây quét lớn. Nghĩa quân lại phải rút lên núi Chí Linh lần thứ ba. Những ngày tháng gian khổ, thiếu cơm áo, đói rét cùng cực lại đến với nghĩa quân. Lê Lợi phải cho giết cả voi, ngựa (kể cả con ngựa của bản thân mình) để nuôi quân.

Trước tình hình đó, bộ chỉ huy quân ta quyết định tạm hòa với địch "để tránh những cuộc bao vây, đồng thời tạo điều kiện củng cố lực lượng, tích trữ lương thực, vũ khí, chiến đấu lâu dài". Quân Minh thấy đánh mãi không thắng cũng muốn tìm cách mua chuộc, dụ dỗ Lê Lợi và bộ chỉ huy, hòng làm tan rã ý chí chiến đấu của nghĩa quân nên cũng chấp nhận giảng hòa, nghĩa quân lại trở về căn cứ Lam Sơn.

Cuối năm 1424, sau nhiều lần mua chuộc không có kết quả, quân Minh giở mặt, chuẩn bị tiến công Lam Sơn.

?

1. Những năm tháng hoạt động ở miền Tây Thanh Hóa, nghĩa quân Lam Sơn đã chiến đấu gian khổ như thế nào ?
2. Em có suy nghĩ gì về gương hi sinh anh dũng của Lê Lai ?

II – GIẢI PHÓNG NGHỆ AN, TÂN BÌNH, THUẬN HÓA

3. Tiến vào Nghệ An, xây dựng căn cứ mới và phát triển lực lượng

Thời kì hòa hoãn chấm dứt. Trước tình hình mới, Nguyễn Chích đề nghị tạm rời núi rừng Thanh Hóa "chuyển quân vào Nghệ An là

thuongmaitr

nơi hiểm yếu, đất rộng người đông, rồi dựa vào đất ấy mà quay ra đánh lấy Đông Đô". Kế hoạch chuyển địa bàn hoạt động của Nguyễn Chích được Lê Lợi chấp nhận.

Nguyễn Chích vốn là nông dân nghèo, quê ở làng Vạn Lộc (Đông Sơn, Thanh Hóa) đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống Minh hoạt động ở các huyện miền Nam Thanh Hóa và Bắc Nghệ An. Năm 1420, Nguyễn Chích đem toàn quân gia nhập khởi nghĩa Lam Sơn và là võ quan cao cấp trong bộ chỉ huy.

Nghĩa quân từ Lam Sơn, theo đường núi tiến vào miền Tây Nghệ An. Trận mở đầu thắng lợi, hạ thành Trà Lân ở thượng lưu sông Lam. Nghĩa quân tập trung vây thành hai tháng, bức địch phải đầu hàng. Nhân thế mạnh, quân ta theo dọc sông Lam đánh tan địch ở Khả Lưu.

Sau hai trận thắng vẻ vang, nghĩa quân tiến xuống đồng bằng. Nhân dân khắp nơi hưởng ứng nghĩa quân, nổi dậy lật đổ chính quyền đô hộ. Chỉ trong một thời gian ngắn, phần lớn Nghệ An được giải phóng. Địch phải rút vào thành cố thủ.

Lê Lợi xiết chặt vòng vây thành Nghệ An và nhiều lần cho quân khiêu khích dử địch ra ngoài thành để tiêu diệt. Mặt khác, Lê Lợi phái quân ra Diễn Châu (bắc Nghệ An) mai phục đánh thắng một trận lớn.

Thừa thắng, nghĩa quân tiến thẳng ra Thanh Hóa. Nhân dân địa phương nô nức tham gia quân ngũ, đóng góp lương thực, vũ khí. Trong vòng không đầy một tháng cả vùng Diễn Châu, Thanh Hóa được giải phóng. Địch rút vào thành Diễn Châu, Tây Đô cố thủ.

? – Kế hoạch của Nguyễn Chích như thế nào ?

4. Giải phóng Tân Bình, Thuận Hóa cuối năm 1425

Theo đà chiến thắng, Lê Lợi lại phái đạo quân thủy do Trần Nguyên Hãn chỉ huy từ Nghệ An tiến vào Tân Bình (Quảng Bình, bắc Quảng Trị) và Thuận Hóa (Thừa Thiên – Huế). Sau vài trận đánh nhỏ, địch bị tan rã nhanh chóng. Cả vùng rộng lớn được hoàn toàn giải phóng. Trần Nguyên Hãn lại thu nhận thêm hàng vạn thanh niên gia nhập nghĩa quân.

Như vậy, khoảng một năm từ tháng 10 năm 1424, rời căn cứ Lam Sơn, đến tháng 10 năm 1425, nghĩa quân đã làm chủ vùng đất

Hình 26 – Bản đồ hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn ở Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa

rộng lớn từ Thanh Hóa trở vào. Quân Minh cụm lại trong các thành Nghệ An, Diễn Châu, Tây Đô như nằm trong mấy hòn đảo chơ vơ giữa biển cả.

?

1. Em hãy nói về ý nghĩa của việc giải phóng Tân Bình, Thuận Hóa ?
2. Em thử nhận xét về kế hoạch của Nguyễn Chích có tác dụng như thế nào ?

Bài 13

KHỞI NGHĨA LAM SƠN TOÀN THẮNG

I – TIẾN QUÂN RA BẮC. CHIẾN THẮNG TỐT ĐỘNG – CHÚC ĐỘNG

1. Tiến quân ra Bắc, mở rộng vùng giải phóng

Sau khi căn bản giải phóng được miền đất từ Thanh Hóa trở vào, nghĩa quân đã có một hậu phương rộng lớn và lực lượng trưởng thành nhanh chóng. Tháng 9 năm 1426, bộ chỉ huy quyết định mở cuộc tiến quân ra Bắc. Nghĩa quân chia làm ba đạo, đi sâu vào vùng địch tạm chiếm.

– Đạo thứ nhất, hơn 3.000 quân, tiến ra giải phóng miền Tây Bắc.

– Đạo quân thứ hai, hơn 4.000 quân, giải phóng vùng đông và nam Đông Quan.

– Đạo thứ ba, khoảng 2.000 quân, tiến thẳng ra Đông Quan để phô trương thanh thế.

Lực lượng của ba đạo quân trên không quá 9.000 người nhưng có nhiệm vụ là tiến sâu vào vùng đồng bằng sông Hồng, cùng nhân dân nổi dậy bao vây đồn địch, giải phóng đất đai, thành lập chính quyền mới. Đồng thời, nghĩa quân có nhiệm vụ chặn quân tiếp viện của địch từ phía Trung Quốc sang.

Nghĩa quân đi đến đâu cũng được nhân dân ủng hộ, đem gạo thịt làm quân lương, rèn vũ khí giúp quân đội, cùng nghĩa quân đánh

(LSVN/246)

địch giải phóng quê hương. Nhiều tấm gương yêu nước xuất hiện, như bà hàng họ Lương ở Cổ Lộng (Nam Hà), cô gái họ Đào ở Đào Đặng (Hải Hưng) dùng mưu diệt địch.

Bà hàng quê ở làng Chuế Cầu (Ý Yên, Nam Hà) tên là Lương Thị Minh Nguyệt, Bà lập quán bán rượu thịt ở thành Cổ Lộng để điều tra tình hình và tìm cách diệt địch. Giặc ở thành Cổ Lộng thường ra quán hàng ăn uống no say rồi ngủ lại. Nhân đó, bà bí mật quẳng xuống kênh chảy ra sông Đáy. Sau này dân làng lập đền thờ Bà, đến nay vẫn còn hương khói.

Cô gái họ Đào, người làng Đào Đặng (Phù Tiên, Hải Hưng) xinh đẹp lại hát hay. Giặc đóng trong làng thường mời cô đến ca hát mua vui sau những buổi tiệc no say. Tập quán dương thời là khi ngủ thì hay chui vào bao vải tránh muỗi, quân giặc cũng vậy. Đêm đến, sau những buổi ca hát tiệc tùng nhiều kẻ chui vào bao vải ngủ. Cô gái họ Đào cùng trai làng bí mật khiêng quẳng xuống sông. Thời gian trôi qua, quân số giặc ngày càng hao hụt mà chúng không biết duyên cớ. Cuối cùng chúng phải bỏ đồn Đào Đặng.

Nghĩa quân đã đánh địch nhiều trận lớn, diệt hàng ngàn tên. Địch phải chuyển sang thế phòng ngự, rút vào thành Đông Quan cố thủ.

? – Em hãy nói nhiệm vụ của ba đạo quân tiến ra Bắc.

2. Chiến thắng Tốt Động – Chúc Động (cuối năm 1426)

Tháng 10 năm 1426, 5 vạn viện binh giặc do Vương Thông chỉ huy kéo vào Đông Quan. Lực lượng của địch ở đây lên đến hơn 10 vạn. Tướng giặc Vương Thông quyết định mở cuộc phản công lớn đánh vào chủ lực của ta ở Cao Bộ (Chương Mĩ, Hà Tây) hòng xoay lại tình thế.

Rạng ngày 7 tháng 11 năm 1426, Vương Thông ra lệnh cho quân lính bắt đầu xuất phát. Từng đoàn địch lũ lượt tiến về phía Cao Bộ. Quân ta do thám biết trước hướng đi và ý đồ của địch, đặt phục binh ở Tốt Động và Chúc Động. Khi đại quân Vương Thông lọt vào hai trận địa trên, nghĩa quân nhất tề xông thẳng vào hàng ngũ địch, băm nát đội hình của chúng, dồn chúng xuống cánh đồng lầy lội để

tiêu diệt (5 vạn tên) và bắt sống (1 vạn tên). Vương Thông bị thương, chạy thục mạng về Đông Quan.

Mô tả trận quyết chiến này, Nguyễn Trãi viết :

"Trận Ninh Kiều[1] *máu chảy thành sông, hôi tanh muôn dặm.*

Trận Tốt Động, thây phơi đầy nội, thối để nghìn thu".

Chiến thắng Tốt Động – Chúc Động vang dội khắp nơi, quân ta giành được thế chủ động, thừa thắng vây hãm thành Đông Quan và giải phóng nhiều châu huyện. Quân Minh ngày càng lún sâu vào thế bị động, tinh thần hoang mang tan rã. Trước tình thế nguy hiểm, Vương Thông một mặt phái người bí mật về nước xin thêm viện binh, mặt khác giả xin hòa với Lê Lợi. (LS VN/248)

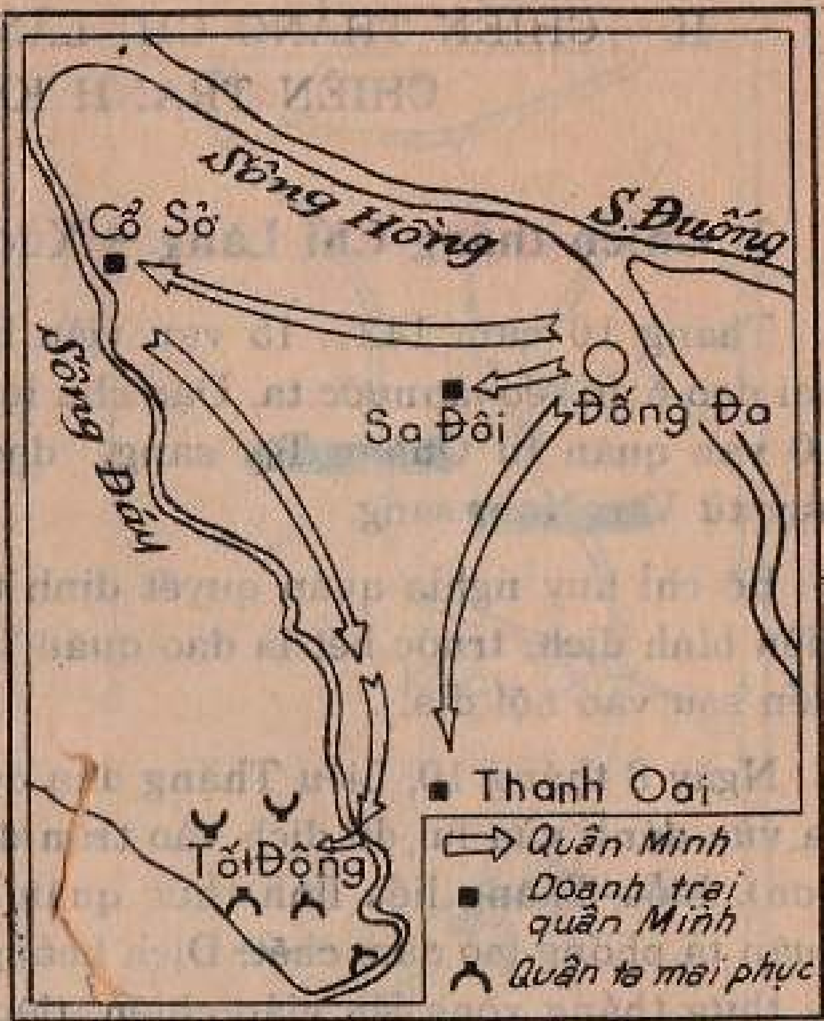

Hình 27 – Bản đồ chiến thắng Tốt Động – Chúc Động

Nguyễn Trãi thay mặt Lê Lợi đã vạch trần tính chất phi nghĩa của chiến tranh cướp nước và những mưu kế gian dối của Vương Thông trong việc "giảng hòa". Kết hợp với việc vây thành, Nguyễn Trãi còn kêu gọi binh lính địch đầu hàng.

?

1. Em trình bày chiến thắng Tốt Động – Chúc Động qua bản đồ.
2. Nghĩa quân Lam Sơn đã lớn mạnh như thế nào qua chiến thắng Tốt Động – Chúc Động ?

(1) Ninh Kiều tức là Chúc Động.

II – CHIẾN THẮNG CHI LĂNG – XƯƠNG GIANG. CHIẾN TRANH KẾT THÚC

3. Chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang

Tháng 10 năm 1427, 15 vạn viện binh từ Trung Quốc chia làm hai đạo ồ ạt kéo vào nước ta. Đạo chủ lực do Liễu Thăng chỉ huy gồm 10 vạn quân từ Quảng Tây sang, đạo thứ hai do Mộc Thạnh chỉ huy từ Vân Nam sang.

Bộ chỉ huy nghĩa quân quyết định tập trung lực lượng tiêu diệt viện binh địch, trước hết là đạo quân Liễu Thăng, không cho chúng tiến sâu vào nội địa.

Ngày 8 tháng 10, Liễu Thặng dẫn quân vượt qua biên giới. Quân ta vừa đánh vừa lui, dử địch vào trận địa phục kích Chi Lăng (Lạng Sơn). Liễu Thăng liều lĩnh thúc quân tiến vào trận địa, lập tức bị quân ta phóng lao đâm chết. Địch hoảng hốt, đội hình rối loạn. Quân ta thừa thắng xông lên giáp chiến, tiêu diệt trên một vạn tên.

Địch cố chấn chỉnh đội ngũ, tiến xuống Xương Giang (Hà Bắc). Trên đường đi, chúng lại bị phục kích tại Cần Trạm và Phố Cát (Hà Bắc), bị tiêu diệt đến ba vạn tên.

Mấy vạn địch còn lại cố tới thành Xương Giang thì thành đã bị quân ta hạ rồi. Chúng phải cụm lại giữa đồng, chơ vơ không đường tiến thoái.

Cũng lúc đó, Lê Lợi sai tướng đem các chiến lợi phẩm thu được ở Chi Lăng mang lên Lê Hoa (Hà Giang) vào tận doanh trại Mộc Thạnh. Mộc Thạnh trông thấy, biết đạo quân Liễu Thăng đã bị bại. Liễu Thăng đã bị giết. Chúng vô cùng hoảng sợ không đánh mà tự tan rã, tranh nhau về Trung Quốc. Thừa thắng, quân ta truy kích, diệt trên một vạn tên.

Tin thắng trận Lê Hoa về tới Xương Giang cổ vũ nghĩa quân, uy hiếp tinh thần địch. Thời cơ đã đến, ngày 3 tháng 11 năm 1427, lệnh tổng công kích phát ra, quân ta xông thẳng vào địch giáp chiến, diệt gần 5 vạn tên, bắt sống toàn bộ số còn lại.

Chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang làm phấn chấn lòng người. Nguyễn Trãi đã mô tả khí thế áp đảo mãnh liệt của quân ta :

(LSVN/252)

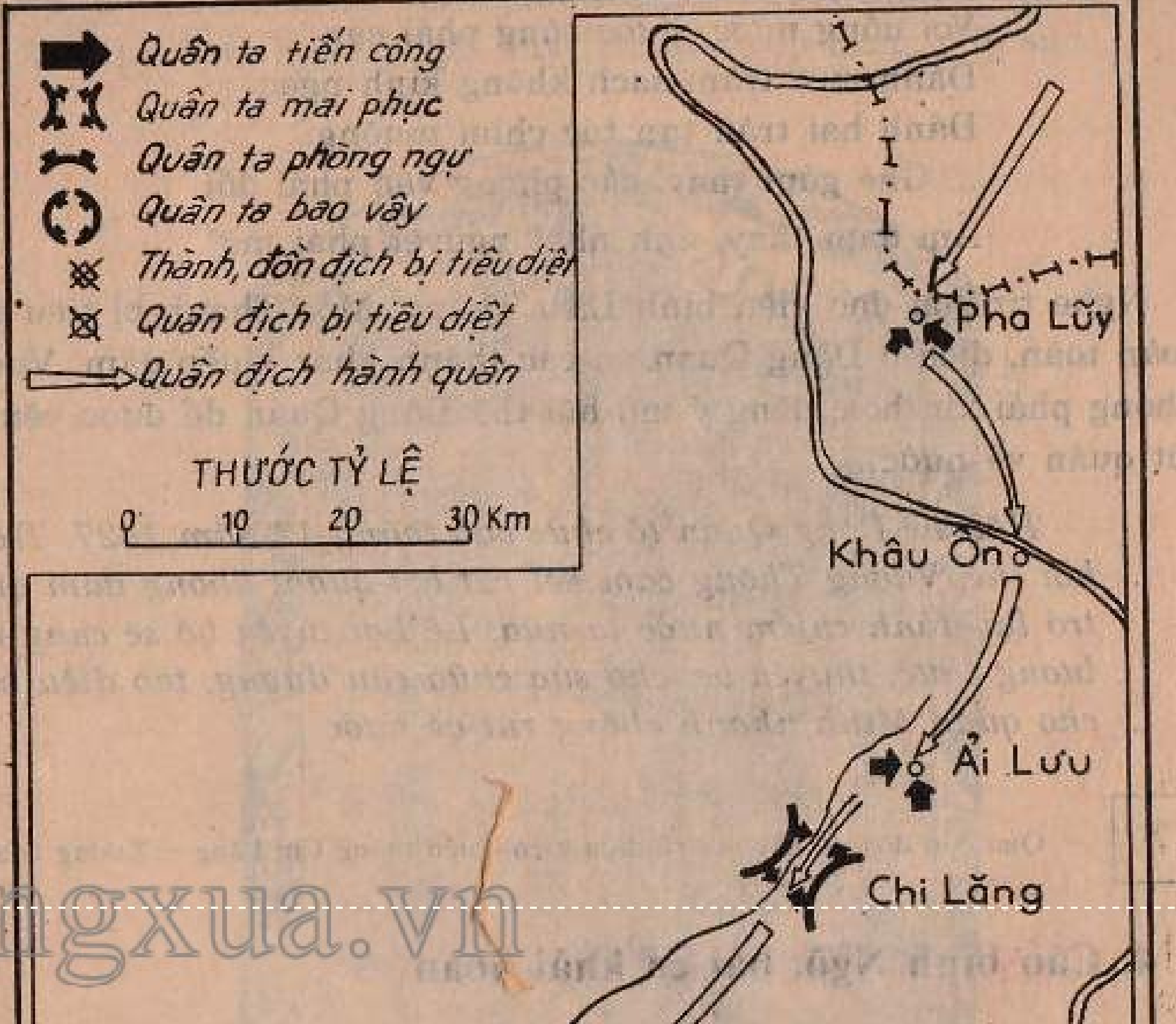

Hình 28 – Bản đồ chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang cuối năm 1427

tuongxua.vn

"Gươm mài đá, đá núi cũng mòn
Voi uống nước, nước sông phải cạn
Đánh một trận, sạch không kình ngạc
Đánh hai trận tan tác chim muông.
... Ghê gớm thay, sắc phong vân phải đổi
Ảm đạm thay, ánh nhật nguyệt phải mờ"

Nghe tin hai đạo viện binh Liễu Thăng, Mộc Thạnh bị tiêu diệt hoàn toàn, địch ở Đông Quan và các thành khác khiếp đảm. Vương Thông phải xin hòa, đồng ý mở hội thề Đông Quan để được yên ổn rút quân về nước.

Hội thề Đông Quan tổ chức vào tháng 12 năm 1427. Trong hội thề, Vương Thông cam kết rút hết quân, không dám quay trở lại đánh chiếm nước ta nữa. Lê Lợi tuyên bố sẽ cung cấp lương thực, thuyền bè, cho sửa chữa cầu đường, tạo điều kiện cho quân Minh nhanh chóng rút về nước.

? – Qua bản đồ, em hãy nói rõ diễn biến chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang.

thuongmaitr

4. Cáo bình Ngô, bài ca khải hoàn

Đất nước đã sạch bóng quân thù, Nguyễn Trãi thảo bài *Cáo bình Ngô* tổng kết lịch sử dân tộc và khởi nghĩa Lam Sơn.

Cáo bình Ngô nêu rõ quá trình giữ nước và dựng nước "Từ Triệu, Đinh, Lê, Lý, Trần nối đời dựng nước cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, đều chủ một phương". *Cáo bình Ngô* tố cáo tội ác xấu xa, nham hiểm của nhà Minh và diễn tả quá trình phát triển của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ những ngày gian khổ ở núi Chí Linh đến các chiến thắng lừng lẫy Tốt Động – Chúc Động, Chi Lăng – Xương Giang. *Cáo bình Ngô* nêu bật ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn là :

"Xã tắc từ đây vững bền
Giang sơn từ đây đổi mới
... Muôn thuở nền thái bình vững chắc
Ngàn năm vết nhục nhã sạch làu".

Mười năm chiến đấu lâu dài, gian khổ, khởi nghĩa Lam Sơn đã được toàn dân nhiệt liệt ủng hộ. Từ chú bé Nguyễn Xí huấn luyện

chó săn trong những ngày đầu mới tập hợp lực lượng đến bà hàng họ Lương, từ Lê Lai, Lê Cố người Mường, người Thái ở Thanh Hóa đến Xa Khả Sâm người Thái Tây Bắc đều góp công, góp sức.

Hình 29 – Bia Vĩnh Lăng

Đi đến đâu nghĩa quân cũng được nhân dân giúp đỡ cùng nổi dậy giết giặc. Nghĩa quân lại chiến đấu với tinh thần dũng cảm tuyệt vời, không lùi bước trước bất cứ khó khăn gian khổ nào, dù phải hi sinh tính mạng. Đó là nguyên nhân cơ bản quyết định thắng lợi của nghĩa quân Lam Sơn.

Đồng thời, bộ chỉ huy nghĩa quân là những người tài giỏi có lòng yêu nước nồng nàn, dũng cảm kiên cường, thông minh, mưu trí, đặc biệt là Lê Lợi và Nguyễn Trãi. Lê Lợi đứng đầu khởi nghĩa là người có tài, có đức, có uy tín rộng lớn nên đã tập hợp được đông đảo các

tầng lớp nhân dân đoàn kết một lòng chống kẻ thù chung. Nguyễn Trãi là người văn võ song toàn, tài năng lỗi lạc, đã cống hiến cả tâm trí sức lực của mình cho sự nghiệp giải phóng đất nước. Vai trò lãnh đạo sáng suốt của Lê Lợi – Nguyễn Trãi và Bộ chỉ huy là nguyên nhân quan trọng đưa khởi nghĩa đến thắng lợi.

?

1. Em hãy sử dụng bản đồ, trình bày sơ lược diễn biến của khởi nghĩa Lam Sơn, từ những tháng năm ở Thanh Hóa đến chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang.
2. Em có nhận xét gì về Hội thề Đông Quan ?
3. Nguyên nhân thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn ?
4. Em hãy đọc bài "Cáo bình Ngô" và học thuộc một đoạn mà em cho là hay nhất.

Bài 14

CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI THỜI LÊ

I – TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC

1. Bộ máy chính quyền

Sau khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, Lê Lợi và bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn chuyển thành triều đình phong kiến, thành lập các cấp chính quyền từ trung ương đến huyện, xã.

Vua Lê (Lê Lợi và các con cháu kế vị) có uy quyền tuyệt đối, tự xưng là "Thiên tử" (*con* trời) thay trời trị dân. Giúp việc cho vua là các quan thượng thư đứng đầu các Bộ. Bên cạnh Bộ, có Hàn lâm viện(1), Quốc tử giám(2), Ngự sử đài(3).

Để tập trung quyền hành vào tay vua, nhà Lê bỏ chức Tể tướng. Vua trực tiếp là Tổng chỉ huy quân đội. Nhà Lê cấm các quan lại ở Thăng Long và các địa phương lập quân đội riêng.

---

(1) Cơ quan soạn thảo công văn.

(2) Cơ quan phụ trách các công việc giáo dục, đồng thời là trường đại học ngày xưa.

(3) Cơ quan kiểm tra kiểm soát.

thuongmaitr

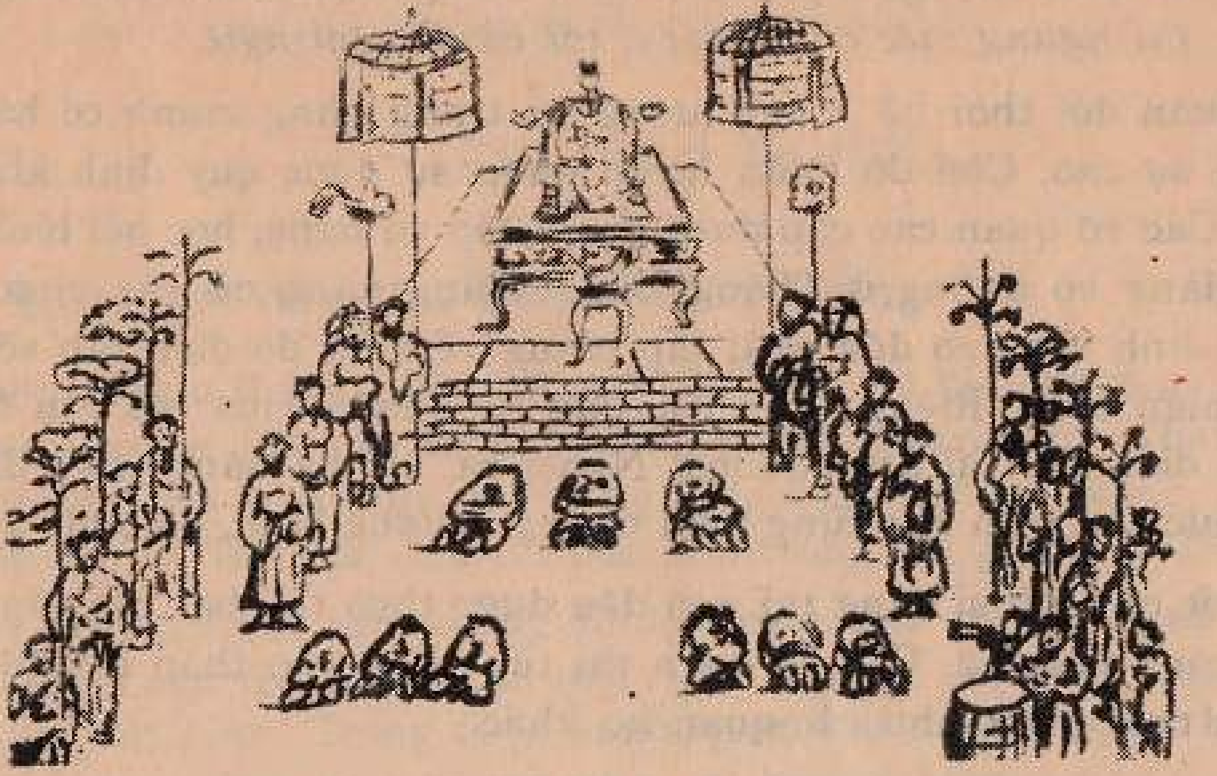

Hình 30 Cảnh triều đình vua Lê

Lê Thánh Tông chia cả nước làm 13 đạo. Đứng đầu mỗi đạo có ba ti : Thừa ti trông coi các công việc hành chính, hộ tịch, thuế khoa ; Đô ti quản lính quân đội, giữ gìn an ninh ; Hiến ti phụ trách các việc xử án, thi hành pháp luật. Dưới đạo là phủ, huyện (ở miền núi là châu), xã. Đặc biệt, ông còn cho vẽ bản đồ 13 đạo, gọi chung là *bản đồ Hồng Đức.*

Năm 1465, Lê Thánh Tông cho các đạo vẽ bản đồ, đến năm 1471 hoàn thành. Đây là tập bản đồ xưa nhất, ghi nhận bước tiến về công cuộc quản lí đất nước và khoa học địa lí thời bấy giờ.

? – Em hãy tập vẽ sơ đồ bộ máy chính quyền thời Lê.

2. Quân đội

Về quân sự, nhà Lê chia cả nước làm 5 khu vực và có khoảng 8 vạn quân. Cũng giống như thời Lý-Trần, binh lính thời Lê cũng được luân phiên chia nhau về làm ruộng theo phép "ngụ binh ư nông" (gửi lính ở nhà nông).

Nhà Lê chia quân đội thành 5 phiên, cứ lần lượt 4 phiên về làm ruộng, 1 phiên ở lại thường trực. Khi có chiến tranh thì ngừng việc chia phiên, tất cả đều tại ngũ.

Quân đội thời Lê là lực lượng vũ trang hùng mạnh có bản lĩnh quân sự cao. Chế độ huấn luyện quân sự được quy định khá chặt chẽ. Các võ quan cao cấp được luyện tập võ nghệ, học hỏi binh pháp tại giảng võ đường ở Thăng Long. Hàng năm, cứ vào mùa xuân, quân lính các đạo đều phải tập trung về kinh đô diễn tập võ thuật và chiến trận. Riêng quân các đạo từ Thanh Hóa trở vào thì cho phép diễn tập tại địa phương. Ngoài ra, vài ba năm, triều đình lại tổ chức tập trận cho từng binh chủng : tượng binh, bộ binh, kị binh.

Tất cả binh sĩ đang tại ngũ đều được theo thứ bậc mà cấp ruộng đất công làng xã. Các võ quan thì tùy vị trí cao thấp mà được cấp thêm ruộng đất như các quan lại khác.

? – Vì sao nói quân đội thời Lê là hùng mạnh ?

3. Luật Hồng Đức

Các vua nhà Lê đều chú ý xây dựng luật pháp. Lê Lợi vừa lên ngôi đã ban hành một số luật lệ về cách phân chia ruộng đất công làng xã và cách thức xử kiện. Các đời vua sau đều tiếp tục bổ sung thêm nhiều điều lệ về việc xét xử các tội hối lộ và nghiêm cấm các hoạt động tự do giao thiệp với người nước ngoài.

Đến đời Lê Thánh Tông thì Nhà nước ban hành bộ luật mới gọi là *Luật Hồng Đức*. Nội dung chính của Luật Hồng Đức là :

– Bảo vệ quyền lợi của vua và hoàng tộc nhà Lê ; những hoạt động chống đối triều đình bị xử tội nặng.

– Bảo vệ quyền lợi của tầng lớp quan liêu và giai cấp địa chủ, những người thuộc tầng lớp này có phạm tội cũng được xử giảm nhẹ.

– Khi phân chia tài sản kế thừa, con gái có quyền như con trai. Gia đình nào không có con trai thì con gái được thừa hưởng gia tài.

Luật Hồng Đức bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị, nhưng phần nào còn giữ được ít nhiều quyền lợi của phụ nữ.

thuongmaitr

?

1. Những nội dung chủ yếu của Luật Hồng Đức là gì ?
2. Em có nhận xét gì về cách tổ chức Nhà nước thời Lê ?

II – TÌNH HÌNH XÃ HỘI

4. Đoàn kết dân tộc, bảo vệ biên cương

Các vua đầu thời Lê đều rất có ý thức bảo vệ biên cương và đoàn kết các dân tộc. Đối với các tù trưởng miền núi, triều đình ban chức tước lớn và tôn trọng địa vị của họ. Các dân tộc Tày, Nùng, Thái... ở phía Bắc và Tây Bắc đều rất hòa hợp trong đại gia đình Tổ quốc.

Vài tù trưởng cá biệt chống đối lại triều đình thì bị lên án, đánh dẹp. Lê Lợi còn mở cuộc hành quân lên Tây Bắc dẹp cuộc phản loạn của Đèo Cát Hãn. Trong cuộc hành quân này, ông đã làm bài thơ nêu rõ chủ trương quốc phòng và ý chí bảo vệ biên cương :

"... Biên phòng cần có phương lược tốt
Đất nước nên lo kế dài lâu..."

Đối với nhà Minh, các vua Lê có biện pháp vừa mềm mỏng, vừa kiên quyết bảo vệ biên giới đất nước, Lê Thánh Tông tăng thêm quân ở các đạo phía bắc, khi cần thiết cũng mở những cuộc hành quân dập tan các cuộc xâm lấn của nhà Minh trên các đạo Lạng Sơn, Yên Quảng.

Lê Thánh Tông nói với các quan rằng : "Một thước núi, một tấc sông của ta có lẽ nào tự tiện vứt bỏ đi được ? Phải cương quyết tranh luận, không để cho họ lấn dần. Nếu họ không theo, có thể sai sứ sang tận triều đình của họ, biện bạch rõ lẽ phải trái. Nếu người nào dám đem một thước, một tấc đất đai của Thái Tổ (chỉ Lê Lợi) để lại để làm mồi cho giặc, người ấy sẽ bị trừng trị nặng".

?

– Nhà Lê đã làm gì để đoàn kết dân tộc và bảo vệ biên cương ?

5. Đời sống xã hội

Xã hội thời Lê có hai giai cấp cơ bản là phong kiến và nông dân. Giai cấp phong kiến gồm vua, quan, địa chủ chiếm nhiều ruộng đất và giai cấp nông dân có ít hoặc không có ruộng đất. Tầng lớp quý

tộc có điền trang, thái ấp thời Trần sang thời Lê đã suy yếu hẳn. Tầng lớp nô tì vẫn còn tồn tại. Nông dân chiếm số đông trong nhân dân nhưng phần lớn họ là những người nghèo, có địa vị thấp kém trong xã hội. Họ cày ruộng đất của quan lại, địa chủ thì phải nộp một phần hoa lợi cho chủ đất. Nếu cày ruộng công thì phải nộp tô, đi lính cho triều đình. Ngoài ra, hàng năm, đàn ông từ 18 tuổi đến 60 tuổi, phải đóng 8 tiền gọi là thuế đinh. Chính quyền còn bắt họ đi phu mỗi năm đến 40 ngày. Tuy thế, nhờ có ruộng đất cày cấy, mức sống của nông dân vẫn dần dần được cải thiện. Chỉ vào lúc giáp hạt, cũng có gia đình phải bán vợ, bán con cho nhà giàu làm nô tì.

Thương nhân và thợ thủ công thời bấy giờ đã phát triển nhưng chưa nhiều. Họ phải nộp tô thuế và một phần sản phẩm cho Nhà nước. Nghề nghiệp của họ không được coi trọng.

Trong thế kỉ XV, nạn mất mùa đói kém ít xảy ra, đời sống nhân dân tương đối ổn định. Nhân dân ta có câu nói về cảnh được mùa no đủ như sau :

"Đời vua Thái Tổ, Thái Tông.
Thóc lúa đầy đồng, trâu chẳng buồn ăn".

Nhìn chung, thời Lê vẫn là thời thịnh đạt. Nhờ vào kinh tế phát triển, xã hội còn ổn định cho nên đời sống của nhân dân cũng không khó khăn lắm.

?

1. Xã hội thời Lê có những giai cấp và tầng lớp nào ?
2. Em hãy lấy dẫn chứng thể hiện Nhà nước thời Lê là vững mạnh.

Bài 15

NHỮNG THÀNH TỰU KINH TẾ, VĂN HÓA THỜI LÊ

I – KINH TẾ

1. Nông nghiệp

Việc đầu tiên của nhà Lê là phải khôi phục kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân.

Hai mươi năm nhà Minh thống trị là hai mươi năm nhân dân ta thống khổ, điêu tàn. Xóm làng và đồng ruộng hoang phế. Lê Lợi đã lấy một phần ruộng đất tịch thu của bọn Việt gian cùng ruộng đất hoang hóa vô chủ nhập vào ruộng công làng xã. Về sau, nhà Lê chia ruộng đất này theo định kì 6 năm một lần gọi là phép quân điền.

Nhà Lê còn đặt ra các cơ quan chuyên trách về sản xuất nông nghiệp sau đây :

– *Khuyến nông :* có trách nhiệm chiêu tập dân phiêu tán về quê cũ làm ăn.

– *Đồn điền :* tổ chức khai hoang.

– *Hà đê :* quản lí và xây dựng thêm các đê điều.

Với tinh thần lao động cần cù và sáng tạo của nhân dân ta và các biện pháp khuyến khích sản xuất nông nghiệp của Nhà nước nên số lượng đê điều tăng thêm, diện tích khai hoang mở rộng, nhiều làng xóm mới được thành lập.

Cho đến ngày nay, trải qua hơn 500 năm mà một số công trình thủy lợi và khai hoang đầu thời Lê vẫn còn nhiều dấu vết. Đê Hồng Đức [1] dài từ cửa sông Hồng đến cửa sông Đáy (Nam Hà) ngăn nước mặn giúp cho nông dân khai hoang lấn biển. Sông nhà Lê ở phía nam Thanh Hóa và nhiều làng ở ven biển từ Bắc Bộ đến Quảng Nam được tạo lập trong thời kì này.

Để đảm bảo đủ sức kéo và sức lao động cày cấy trong lúc mùa màng, nhà Lê còn ra lệnh cấm giết trâu bò bừa bãi, cấm điều động phu phen khi cấy hái. Biện pháp này có tác dụng tích cực thúc đẩy sản xuất nông nghiệp.

? – Nhà Lê đã làm gì để phục hồi và phát triển nông nghiệp ?

(1) Hồng Đức là niên hiệu của Lê Thánh Tông (1470 – 1497)

2. Thủ công nghiệp và thương nghiệp

Kinh đô Thăng Long có 36 phố phường như phường Yên Thái làm giấy, phường Nghi Tàm dệt vải lụa, phường Hà Tân nung vôi, phường Hàng Đào nhuộm điều v. v... Hàng hóa xuôi ngược trên các ngả đường từ Thăng Long về các địa phương.

Ở nông thôn cũng xuất hiện nhiều làng thủ công : Bát Tràng (ngoại thành Hà Nội), Thổ Hà (Hà Bắc) làm đồ gốm ; Đại Bái (Hà Bắc) đúc đồng ; Nho Lâm (Nghệ An) nghề rèn. Triều đình còn mở xưởng đúc tiền, ban bố các điều luật mở chợ.

Trung tâm buôn bán ở nông thôn là chợ phiên. Trong mỗi địa phương từng xã hoặc mấy xã gần nhau thường có một chợ chung họp hàng ngày hoặc họp vào một số ngày được quy định trong tháng.

Lê Thánh Tông ra điều luật về họp chợ như sau : "Trong dân gian hễ có dân là có chợ để lưu thông hàng hóa, mở đường giao dịch cho dân. Các xã chưa có chợ có thể lập thêm chợ mới. Những ngày họp chợ mới không được trùng với ngày họp của chợ cũ hay trước ngày họp của chợ cũ để tránh tình trạng tranh giành khách hàng của nhau".

Riêng buôn bán với nước ngoài thì có phần hạn chế. Nhà nước lập cơ quan kiểm soát ngoại thương chặt chẽ. Người ngoại quốc chỉ được buôn bán ở những nơi quy định như Vân Đồn (Quảng Ninh), Hội Triều (Thanh Hóa), Hội Thống (Nghệ An) v.v..

Nghề khai thác mỏ đồng, mỏ vàng được phát triển.

?

1. Thủ công nghiệp và thương nghiệp thời Lê phát triển như thế nào ?
2. Em thử tìm một thí dụ về mối quan hệ khăng khít giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp thời Lê.

II – VĂN HÓA

3. Giáo dục và thi cử

Triều đình nhà Lê hạ thấp đạo Phật, tôn sùng đạo Nho. Đạo Nho chú trọng nhất lòng trung vua, và chủ trương tất cả các tầng lớp

nhân dân đều phải phục tùng tuyệt đối ý chí và quyền lợi của nhà vua. Đạo Nho còn tuyệt đối đề cao vai trò người cha, người chồng trong gia đình. Nhà Lê lấy đạo Nho làm khuôn khổ, mẫu mực để đào tạo nhân tài.

Công việc giáo dục (bao gồm học hành và thi cử) ở thời Lê có quy củ. Nhà nước khuyến khích học để làm quan, giúp vua trị nước. Nội dung giảng dạy là các sách của đạo Nho và cách thức làm văn, làm thơ v.v..Kinh đô Thăng Long có trường Quốc tử giám, trường học cao cấp nhất dành cho con em các gia đình quan lại và tôn thất nhà Lê. Ở các đạo, phủ có trường công, trường tư, học trò rất đông.

Tổ chức thi cử có quy chế chặt chẽ và tiến hành thường xuyên. Ở các đạo vùng đồng bằng có thi hương.

Học trò đậu kì thi hương được lên kinh đô thi hội và thi đình.

Thi hương ở các trấn tuyển chọn cống sinh (hay hương cống). Thi hội ở Kinh đô để tuyển chọn tiến sĩ (dân gian gọi là ông Nghè). Thi đình ở cung đình nhằm sắp xếp thứ bậc các tiến sĩ. Người đỗ đầu kì thi đình được phong là trạng nguyên, thứ nhì là bảng nhãn, thứ ba là thám hoa.

uongxua.vn

Các tiến sĩ mới đậu được vua mời ăn yến ở cung đình, ban cho áo mũ đẹp và đặc biệt được khắc tên vào bia đá đặt ở trường Quốc tử giám.

Chế độ giáo dục và thi cử thời Lê đã đào tạo ra một số lớn quan lại trung thành với Nhà nước. Trong số đó không ít người xuất sắc trong các lĩnh vực văn học, khoa học, có nhiều đóng góp cho dân cho nước.

? – Nhà Lê đã đề cao đạo Nho như thế nào ? Vì sao ?

4. Văn học, nghệ thuật, khoa học

Văn học thời Lê có nội dung yêu nước, thể hiện tinh thần bất khuất, khí phách anh hùng của dân tộc ta. Tiêu biểu nhất cho các nhà văn thời kì này là *Nguyễn Trãi*. Các tác phẩm của ông như : *Quân trung từ mệnh tập*, *Bình Ngô đại cáo*, *Phú núi Chí Linh*, *Quốc*

Hình 31 – Chân dung Nguyễn Trãi

âm thi tập là tiêu biểu cho tư tưởng thời đại. Suốt cả cuộc đời Nguyễn Trãi, đánh giặc cũng như khi xây dựng đất nước, hoạt động xã hội cũng như khi sáng tác thơ văn, ông luôn luôn nêu cao lòng nhân nghĩa mà nội dung chủ yếu là yêu nước thương dân. Ông thường nghĩ "Ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày" và mong muốn "nơi thôn cùng xóm vắng không một tiếng hờn giận oán sầu" (1)

---

(1) Năm 1442, Nguyễn Trãi bị bọn gian thần vu oan là giết vua Lê Thái Tông để rồi sát hại cả nhà ông, chỉ còn một người vợ lẽ đang có mang chạy thoát.

Vào cuối thế kỉ XV, có nhóm Tao đàn do Lê Thánh Tông sáng lập. Thơ văn của Lê Thánh Tông và nhóm Tao đàn phần lớn ca ngợi nhà Lê, ca ngợi phong cảnh đất nước, thỏa mãn với địa vị cao sang của bản thân mình. Tuy nhiên, nền văn học cung đình này cũng đậm đà tinh thần yêu nước.

Lê Thánh Tông là nhân vật xuất sắc về nhiều mặt.

Trong văn học, ông là người sáng tác nhiều thơ Nôm, còn lại ngày nay là *Hồng Đức quốc âm thi tập*.

Nghệ thuật sân khấu, ca, múa, nhạc có truyền thống từ thời Lý-Trần, bị giặc Minh kìm hãm, nay được tiếp tục phát triển. Chèo tuồng là nghệ thuật sân khấu ở kinh đô Thăng Long và khắp nông thôn. Lương Thế Vinh đã dày công khảo sát kịch hát cổ truyền (chủ yếu là chèo) rồi soạn thảo bộ *Hí phường phả lục* nêu lên nguyên tắc biểu diễn múa, hát, đánh trống và ghi lại tiểu sử một số nghệ nhân.

uongxua.vn

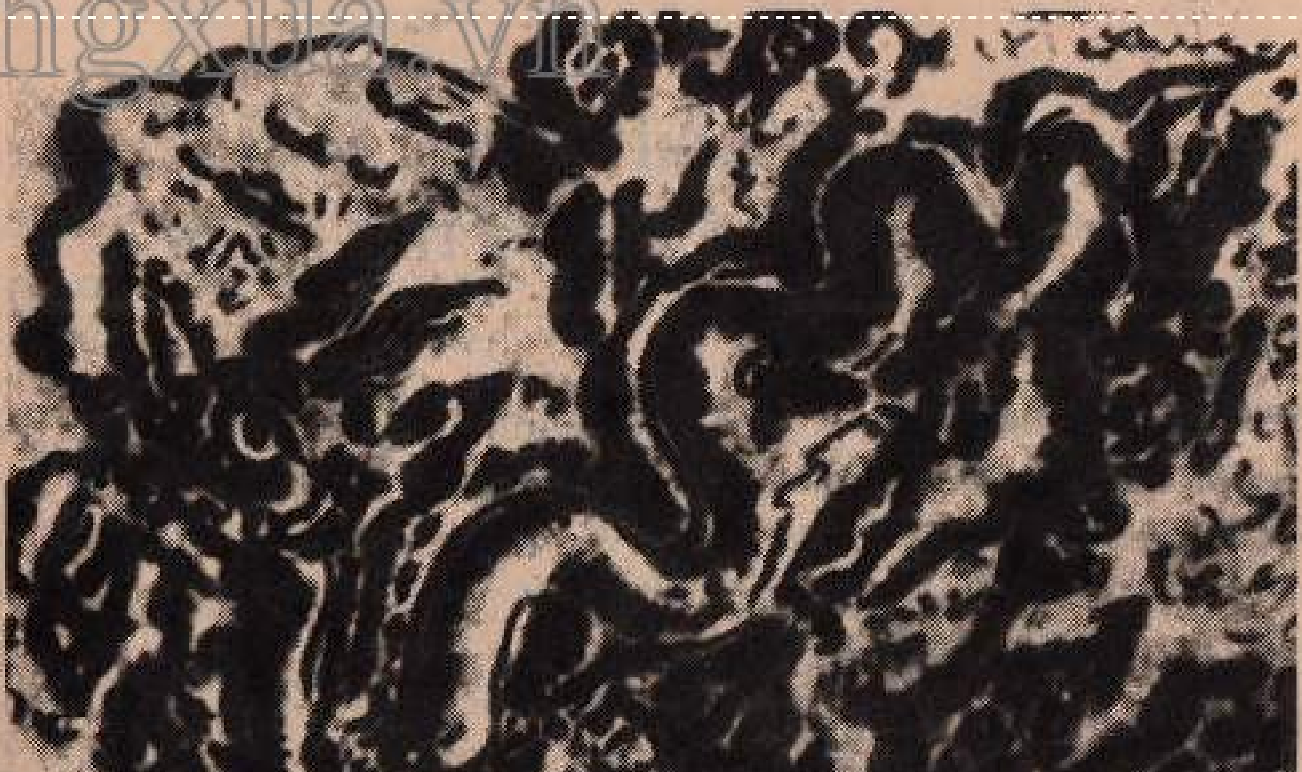

Hình 32 – Bệ rồng nhà Lê ở Lam Kinh

Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thời Lê biểu hiện trong các công trình lăng tẩm, cung điện ở Lam Kinh (Thanh Hóa). Hình tượng rồng mềm mại thời Lý-Trần nay trở thành uy nghiêm, có đầu to mình lớn, sừng dựng và lông gáy tua tủa, chân có năm móng quặp trông rất dữ. Hình rồng đó tượng trưng cho uy quyền phong kiến của nhà vua.

Về các ngành khoa học, y dược, toán học, sử học, địa lí học có nhiều tác phẩm ưu tú. Nguyễn Trãi viết *Dư địa chí* (địa lí). Phan Phu Tiên viết sách *Bản thảo thực vật toát yếu* (y dược), Lương Thế Vinh viết *Toán pháp đại thành* (toán học), Ngô Sĩ Liên biên soạn *Đại Việt sử kí toàn thư* (sử học).

?

1. Em hãy kể một vài tác phẩm văn học của Nguyễn Trãi và các tác phẩm khoa học thời Lê.
2. Tổ chức học hành và thi cử thời Lê như thế nào ?
3. Em có thể tóm tắt tình hình nước ta vào thế kỉ XV về các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa để chứng minh rằng đó là thời kì chế độ phong kiến tập quyền thịnh đạt.

thuongmaitr

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ X ĐẾN CUỐI THẾ KỶ XV

Lịch sử Việt Nam từ khi nhà Ngô thành lập đến cuối thế kỷ XV là một quá trình nối tiếp nhau của các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ và Hậu Lê. Tuy ở mỗi triều đại đều có một giai đoạn suy yếu, nhìn chung đây là một quá trình tiến lên về mọi mặt của dân tộc ta.

Bằng cuộc đấu tranh lâu dài và kiên cường trong suốt hàng chục thế kỉ, nhân dân ta đã giành lại được độc lập cho Tổ quốc. Nhưng bọn phong kiến phương Bắc, mang nặng tư tưởng bành trướng đại Hán, không chịu từ bỏ dã tâm xâm chiếm nước ta và làm bá chủ toàn bộ Đông Nam Á. Để nhanh chóng thoát ra khỏi cảnh đói, nghèo và lạc hậu, để vĩnh viễn không bao giờ trở lại cảnh nước mất nhà tan, nhân dân ta đã tự đặt cho mình hai nhiệm vụ tiến hành song song tích cực : xây dựng đất nước và sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc.

1. Về mặt chính trị

Sau khi nhà Ngô và nhất là sau khi nhà Đinh, nhà Tiền Lê đặt những nền móng đầu tiên cho một Nhà nước hoàn toàn tự chủ, các triều đại Lý, Trần, Hậu Lê từng bước xây dựng nó lên thành *một Nhà nước quân chủ hoàn chỉnh*.

Quyền hạn của vua ngày càng được củng cố.

Bộ máy quan lại từ trung ương đến địa phương được xếp đặt ngày càng quy củ. Mỗi bộ phận có một nhiệm vụ cụ thể. Trình độ học thức của quan lại ngày càng nâng cao. Làng xã mất dần quyền tự trị.

Từ bộ Hình thư đến bộ luật Hồng Đức là một bước tiến trên con đường xây dựng nền pháp lí Việt Nam.

Quân đội ngày càng vững mạnh. Quan hệ giữa các dân tộc trong nước được thắt chặt.

Nhưng quá trình xây dựng Nhà nước cũng là quá trình giai cấp thống trị xa dần nhân dân.

2. Về mặt kinh tế

uongxua.vn

Phát huy truyền thống của tổ tiên, trong suốt các thế kỉ X – XV, nhân dân ta không ngừng lao động mở rộng diện tích trồng trọt, rút đúc kinh nghiệm sản xuất, đưa nền nông nghiệp tiến lên. Hệ thống kênh máng ngày càng mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tưới tiêu đồng ruộng. Hệ thống đê sông, đê biển được xây dựng chủ yếu từ đời Trần, đẩy lùi có hiệu quả các nạn lụt, bảo vệ mùa màng.

Nền thủ công nghiệp phong phú và tự chủ từng bước phát triển. Nổi lên một số ngành nghề đạt trình độ kĩ thuật cao như gốm, xây dựng, đúc đồng, dệt lụa, dệt gấm, làm giấy. Đến cuối thế kỉ XIV, do nhu cầu bức thiết của quốc phòng, người thợ thủ công Việt Nam đã chế tạo được súng lớn và đóng được thuyền to đi biển. Thăng Long dần dần trở thành một đô thị sầm uất.

Mặt khác, từ thế kỷ X đến cuối thế kỷ XV cũng là quá trình thu hẹp dần ruộng đất công làng xã và phát triển ngày càng mạnh chế độ tư hữu ruộng đất. Hình thức sở hữu điền trang với chế độ nông nô, nô tì đã có một thời phát triển. Nhưng cho đến nửa sau thế kỉ XV thì hình thức sở hữu ruộng đất của địa chủ với chế độ tá điền chiếm

được ưu thế. Những quan hệ sản xuất phong kiến đã có từ trước, đến đây hoàn toàn được xác lập.

3. Về mặt văn hóa, nghệ thuật

Thoát khỏi tình trạng lệ thuộc phương Bắc, nhân dân ta nhanh chóng xây dựng cho mình một nền văn hóa riêng biệt. Dần dần hình thành nền văn hóa Thăng Long với những công trình kiến trúc hay tạo hình có kích thước to lớn (tháp Báo Thiên, tượng phật Quỳnh Lâm), độc đáo (chùa Một Cột), với những tác phẩm nghệ thuật chạm, khắc tinh tế, đặc sắc (rồng, chạm gỗ...). Sinh hoạt văn hóa nhân dân khỏe khoắn, lành mạnh và thượng võ.

Giáo dục ngày càng phát triển làm cho văn học, sử học đến đời Trần, đời Lê thì nở rộ. Đây là giai đoạn xuất hiện những áng thơ, văn bất hủ như "Nam quốc sơn hà Nam đế cư", "Hịch tướng sĩ" và "Đại cáo bình Ngô", vừa chứa chan tình cảm yêu nước, vừa đầy hào khí tự lập tự cường. Văn học chữ Nôm cũng từng bước tiến lên và cùng với nó là sự xuất hiện của các bộ "Đại Việt sử kí".

Tinh thần dân tộc được quán triệt trong các tác phẩm văn học, văn hóa, nghệ thuật lớn.

Mặc dầu bị những hạn chế do lối học khoa cử Nho giáo gây nên, nhân dân ta vẫn vươn tới được một số thành tựu về khoa học quân sự, y học và khoa học tự nhiên.

4. Về sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc

Lịch sử nước ta từ thế kỷ X đến cuối thế kỷ XV là một quá trình nối tiếp của những chiến công xuất sắc chống xâm lược phương Bắc : hai lần đánh bại quân Tống, ba lần đánh tan quân Mông – Nguyên và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn to lớn quét sạch quân Minh ra khỏi bờ cõi. Mỗi một triều đại trên bước đường đi lên bao giờ cũng gắn liền với một sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Nền độc lập của đất nước được giữ vững. Âm mưu bành trướng của quân xâm lược xuống phương nam bị phá vỡ. Sự nghiệp rạng rỡ chống ngoại xâm đã thực sự ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống các mặt của nhân dân ta, đã tạo nên

thuongmaitr

truyền thống giữ nước kiên cường, cao đẹp và nghệ thuật quân sự tài giỏi của dân tộc ta. Cùng với sự nghiệp giữ nước vĩ đại đó, xuất hiện các vị anh hùng Lê Hoàn, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi mà tên tuổi đời đời khắc sâu trong lòng mỗi người dân Việt Nam.

Tóm lại, năm thế kỉ sau ngày giành lại độc lập hoàn toàn là một quá trình lao động sáng tạo và chiến đấu anh hùng, đánh bại mọi cuộc tiến công xâm lược của các thế lực bành trướng phương Bắc, xây dựng đất nước thành một quốc gia phong kiến giàu mạnh với nền văn hóa Thăng Long rực rỡ.

uongxua.vn

MỤC LỤC

Trang

LỊCH SỬ VIỆT NAM
TỪ THẾ KỈ X ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XV

Chương I
CÔNG CUỘC CỦNG CỐ NỀN ĐỘC LẬP VÀ BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC (THẾ KỈ X)

thuongmaitr

Bài 1 : Xã hội Việt Nam ở buổi đầu độc lập 3

Bài 2 : Nước Đại Cồ Việt thời Đinh – Tiền Lê 6

I - Tình hình chính trị, quân sự 6

II - Tình hình kinh tế, xã hội 9

Chương II
NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI LÝ (THẾ KỈ XI - XII)

Bài 3 : Nhà Lý củng cố nền thống nhất quốc gia 12

Bài 4 : Đời sống kinh tế, văn hóa 16

I - Đời sống kinh tế 16

II - Sinh hoạt xã hội và văn hóa 19

Bài 5 : Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075-1077) 24

I - Giai đoạn thứ nhất (1075) 24

II - Giai đoạn thứ hai (1076 - 1077) 26

Chương III

NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI TRẦN VÀ THỜI HỒ

(Từ thế kỉ XIII đến đầu thế kỉ XV)

Bài 6 : Nước Đại Việt ở thế kỉ XIII 30

I - Nhà Trần thành lập 30

II - Tiếp tục xây dựng quân đội và phát triển kinh tế 32

Bài 7 : Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên (thế kỉ XIII) 36

I - Cuộc kháng chiến lần thứ nhất (1258) 36

II - Cuộc kháng chiến lần thứ hai (1285) 40

(cách 27 năm)

III - Cuộc kháng chiến lần thứ hai (tiếp theo) 43

IV - Cuộc kháng chiến lần thứ ba (1287 - 1288) 46

(cách 3 năm)

Bài 8 : Phát triển kinh tế và văn hóa thời Trần 51

I - Kinh tế, xã hội 51

II - Văn hóa 54

Bài 9 : Cuộc đấu tranh của nông dân nửa sau thế kỉ XIV 58

Bài 10 : Nhà Hồ thay nhà Trần 61

Chương IV

NƯỚC ĐẠI VIỆT THẾ KỈ XV. NHÀ LÊ

Bài 11 : Kháng chiến của nhà Hồ và khởi nghĩa của quý tộc Trần 64

Bài 12 : Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1425) 68

I - Thời kỳ ở miền Tây Thanh Hóa 68

II - Giải phóng Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa 70

uongxua.vn

Bài 13 : Khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng 73
I - Tiến quân ra Bắc. Chiến thắng Tốt Động - Chúc Động 73
II - Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang. Chiến tranh kết thúc 76

Bài 14 : Chính trị – Xã hội thời Lê 80
I - Tổ chức nhà nước 80
II - Tình hình xã hội 83

Bài 15 : Những thành tựu kinh tế, văn hóa thời Lê 84
I - Kinh tế 84
II - Văn hóa 86
Tổng kết lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến cuối thế kỷ XV 90

thuongmait

ruongxua.vn

thuongmaitruongxua.vn

LỊCH SỬ 7

MÃ SỐ : 2H706 T5
In 290.000 cuốn khổ 14,5 x 20,5 tại Nhà máy in Thống Nhất, 136 phố Hàng Bông – Hà Nội
Số in: 616/TN. Số XB: 206/592A
In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 1995

Giá : **2.100đ**